

Tác Giả và Tác Phẩm

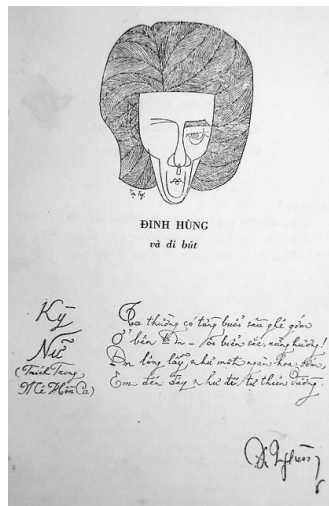
Đình Hùng

Tiểu sử

Bút hiệu Thân Đăng, Hoài Điệp Thứ Lang. Sinh ngày 3.7.1920 tại Phượng Dực, Hà Đông.
Mất ngày 24.8.1967 tại Sài Gòn.

Tác phẩm

Mê hồn ca, Đường vào tình sử, Ngày đó có em, Kỳ nữ Gò Ôn Khâu (kịch)



Chân dung, di bút Đình Hùng – Tạ Ty

Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Hiểu bụng cá – 2

Tự tình dưới hoa - 6

Đình Hùng: những bài thơ không tuổi - Nguyễn Mạnh Trinh – 8

Đường vào tình sử - 12

Kỷ niệm Tao Đàn – Phan Lạc Phúc – 14

Đình Hùng, cha tôi – Đình Hoài Ngọc - 16

Chia tay Tao Đàn – Phan Lạc Phúc - 19

Phụ đính:

Gửi người dưới mộ – Một trăm ngọn nến - Đình Hùng với cơn mê trường dạ
Đình Hùng (1920-1967) - Một tiếng em – Gửi hương hồn Thạch Lam – Đình Hùng

Bùi Giáng viết về Đình Hùng - Lăn theo bước chân tài hoa Đình Hùng
Đình Hùng, Vũ Hoàng Chương, những nhà thơ... nhà ! Thi giới Đình Hùng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)
Vài hàng về tác giả



Thi sĩ ĐINH HÙNG

Ông sinh ngày 3 tháng 7 năm 1920 tại làng Phượng Dực tỉnh Hà Đông (nay là Hà Sơn Bình). Ông dùng bút hiệu Thần Đăng khi làm thơ châm biếm, và Hoài Điệp Thứ Lang khi viết tiểu thuyết.

Sau khi đậu xong Cao Đẳng tiểu học, ông bỏ ngang đi viết văn, làm thơ; chịu sự dẫn dắt của Thế Lữ, bắt đầu nổi tiếng nhờ thi phẩm Kỳ Nữ mà Thế Lữ in trong truyện Trại Bồ Tùng Linh.

Đinh Hùng di cư vào Sài Gòn năm 1954, chủ trương nhật báo Tự Dọ Ông mất ngày 24 tháng 8 năm 1967 tại Sài Gòn vì bệnh ung thư ruột.

Từ nhỏ ông đã quen dùng nha phiến làm nguồn kích thích thi hứng. Tác phẩm tiêu biểu: 2 tập thơ Mê Hồn Ca (1954) và Đường Vào Tình Sử (1961 -- Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc về Thi Ca năm 1962); tiểu thuyết dã sử Cô Gái Gò Ôn Khâu, Người Đao Phủ Thành Đại La...; kịch Cánh Tay Hào Kiệt, Phan Thanh Giản.

Sở trường của Đinh Hùng là thơ Tượng Trưng. Thơ ông trau chuốt, gọt dũa, có nhiều ý hay lạ, nhiều hình ảnh và ngôn từ quái dị, yêu ma. Ông cũng có những tác phẩm dài các, sang trọng đến lạ lùng. Tạ Tỵ gọi Đinh Hùng là nhà thơ với "cơn mê trường dạ". Hoàng Phủ Ngọc Tường thì lại chê thơ Đinh Hùng "lòe loẹt, ghê ghê như son phấn".

Hiểu bụng cá

Ai cũng biết Tản Đà sành ăn, nhưng dường như ít người có dịp "ký sự" một bữa ăn "chính thức" của nhà thơ thích uống. Trong hồi ký Đốt lò hương cũ, Đinh Hùng vẽ cho ta xem cái phong cách ẩm thực độc đáo ấy.

Thu Tứ



tranh Nguyễn Khai

Uống vừa tàn ba tuần trà thì niềm hào hứng của tác giả những *Giấc Mộng Lớn, Giấc Mộng Con* đã bốc lên tới cái độ hoàn toàn không còn phân biệt tóc bạc với đầu xanh. Tiếng cười sảng khoái của tiên sinh thẳng thắn vang lên trong ngôi nhà gỗ ba gian, làm bay vù những con chim sẻ tọc mạch đậu ngay đầu thềm, phía ngoài bức màn màn rung động bóng cây xanh. Lúc đó, tiên sinh dường như chính thức coi chúng tôi là bạn đồng lứa. Tiên sinh vỗ vai chúng tôi, không gọi chúng tôi là "Cậu" nữa, và rất trịnh trọng, rất chân thành, tiên sinh cũng gọi chúng tôi là "tiên sinh"... để rồi tiên sinh nhất định giữ chúng tôi ở lại uống rượu, dùng cơm với tiên sinh.

Bọn thiếu niên chúng tôi thực không dám chờ đợi những cử chỉ thù tiếp quá thân mật của bậc đàn anh thi bá, nhưng được dùng cơm chung một mâm với nhà thi sĩ tửu đồ nổi tiếng cầu kỳ về khoa ẩm thực, mà lại hầu rượu nhà thơ ở ngay căn nhà thơ mộng trông ra Sông Đà, Non Tân, xét ra cũng là một dịp thú vị hãn hữu. Vả lại thi sĩ Tân Đà không để chúng tôi kịp "làm gái" lấy lệ; tiên sinh lập tức gọi người nhà sửa soạn cơm rượu cho bốn người ăn, tiên sinh đích thân bày biện mâm rượu, và cố nhiên tiên sinh định đoạt lấy thực đơn.

Trước hết, tiên sinh khệ nệ bưng từ dưới gầm giường lên một vò rượu lớn, tiên sinh chuyên rượu đó sang một cái nậm quả bầu, và rót rượu ra bốn chén chén cổ, tiên sinh mỉm cười và nói với chúng tôi:

-- Các cậu còn trẻ tuổi, chắc chưa quen uống rượu. Nhưng thiếu niên cũng phải tập dần đi thì vừa. Cái lệ của tao nhân mặc khách, đã ăn tất phải uống, mà uống tất nhiên là phải uống rượu. Mời nhau ăn cơm, cao lương mỹ vị đầy đủ, không có rượu, thì thực là... "cầm thú chi tình"!

Chúng tôi nhớ mãi câu nói đó của nhà thơ sông Đà, núi Tân, và quả tình, trong bữa ăn hạnh ngộ với thi sĩ Tân Đà ở Khê Thượng hôm ấy, chúng tôi đã phải uống rượu rất nhiều, và ăn rất ít như một tửu đồ chân chính vì chúng tôi cứ nơm nớp lo sợ Tân Đà chê là... "cầm thú".

Tuy nhiên phải nhận rằng: ăn uống với một người có phong độ như Tân Đà, thực là một điều khoái hoạt hiếm có. Tiên sinh đã nâng việc ẩm thực lên tới một nghệ thuật tinh vi, tuy có hơi phiến toái, nhưng nếu có hoàn cảnh hưởng nhàn, thì chính cái phiến toái ấy lại là yếu tố tạo thi vị cho miếng ăn, khiến con người có một chút nào quên đi cái định luật "Ăn để mà sống", và nghĩ rằng "Ăn để mà tô điểm cho cuộc sống thêm phong vị". Ấu cũng là một quan điểm triết lý nhân sinh của nhà nghệ sĩ chủ trương sự nhịp nhàng hòa điệu cả tâm lẫn vật.

Mâm rượu của thi sĩ Tân Đà là cả một bản hợp tấu điều hòa đủ mùi, sắc, hương vị, hình thái, cả âm thanh nữa, tiết điệu đơn giản mà linh động, hấp dẫn: trên chiếc mâm vĩ cổ kính thứ mâm gỗ hình chữ nhật vành sơn, sơn then nhà thơ bày la liệt những đĩa, những chén nhỏ xinh xinh, đựng linh tinh các món gia vị: chút tương vàng óng, chút nước mắm ô long nâu thẫm, những trái ớt đỏ tươi, những quả chanh cốm xanh ngắt, và đĩa rau riếp thái nhỏ điểm lên những cánh rau thơm, rau mùi, rau ngổ hái ngay ở vườn nhà, và đĩa rau muống chẻ non béo thứ rau muống Sơn Tây trắng nõn như ngó cần không thiếu từ chút hạt tiêu sọ, thêm cả một con cà cuống bằm, mấy củ hành hoa, đĩa lạc rang, vài chiếc bánh đa vừng... Đặc biệt, những gia vị đó đều chia ra làm nhiều đĩa, nhiều chén, đủ bốn phần dàn ra bốn góc mâm như kiểu ăn chả cá.

Liền bên cạnh mâm, ngay đầu giường, thi sĩ đặt cả hai chiếc hỏa lò, than hồng quạt sẵn.

Rượu đã cạn tới chén thứ ba, Tân Đà mới tuyên bố:

-- Hôm nay, ta thường thức bữa ăn toàn hương vị đơn sơ của sông Đà, nghĩa là chỉ có tôm cá tươi, và linh hồn sẽ là món cá dầm... Thực đơn quê mà thôi, nhưng ngon miệng là đủ rồi.

Thi sĩ rung đùi ngâm luôn:

-- Nay về Bát Bạt quê nhà,
Sông to, cá lớn lại là thứ ngon...

Và thi sĩ chỉ hai chiếc hỏa lò với hai cái chảo mà mỡ sôi đã bắt đầu xèo xèo một âm hưởng vui tai và ấm lòng. Thi sĩ giải thích:

-- Hai chảo mỡ này, một để rán cá một để rán tôm nhắm rượu trước. Món nhắm đặc biệt, phải tự tay mình làm mới thú.

Người nhà đem những khúc cá chép đã đánh vẩy, mổ moi, làm lòng sẵn, máu tươi còn đỏ hồng thớ thịt. Tản Đà tiên sinh chỉ việc hoàn thành khúc điệu rán vàng khúc cá. Mùi hành tỏi thơm điếc mũi... Khúc cá xắt từng khoanh mỏng được bàn tay rất có nghệ thuật của nhà thơ chuyển âm giai, tiết tấu nhanh thoăn thoắt, và bốn khúc chín vàng đều, cùng một lượt được gấp ra bốn chiếc đĩa men xanh. Đó là phân khúc thứ nhất của bản hợp tấu.

Phân khúc thứ hai là món tôm rán thứ tôm lớn của sông Đà vừa mới kéo vó lên khỏi mặt nước, liền được đưa tới đây để nhảy vào chảo mỡ của nhà thi sĩ. Xin nói ngay: đây cũng là món đặc biệt của Tản Đà. Thường, người ta vẫn ăn tôm rang, tôm sốt cà chua hoặc tôm tẩm bột rán... Nhưng phải ăn tôm tươi rán thuần túy và đơn giản như Tản Đà, và phải có chảo mỡ bên cạnh, để cũng như Tản Đà, nhìn thấy từng con tôm cong mình trong mỡ sôi, và được con nào, gấp luôn ngay ra đĩa, lót mấy lá ngổ tươi phía dưới, hoặc điểm mấy cuống ngổ vào ngay chảo mỡ thay cho hành tỏi... (chính Tản Đà thi sĩ đã nghiên cứu và nghiệm thấy rằng: chỉ có rau ngổ mới hợp vị, mới thực quán quyết đậm đà với tôm rán. Riêng tôi cũng chịu nhận xét đó là đúng). Tóm lại, phải ăn tôm tươi rán như Tản Đà ăn, mới thấm được tất cả cái chân vị thuần khiết của tôm Sông Đà.

Tới món cá dầm là món tiêu biểu nhất của "Bát Bạt quê nhà"... Tản Đà vội giảng cho chúng tôi nghe cả một bài học về ăn cá dầm:

-- Cá dầm thường vẫn là món để ăn cơm. Nhưng, với các tửu đồ biết tự trọng và "hiểu được bụng cá" (nguyên văn của Tản Đà) thì cá dầm chính là món để uống rượu tuyệt ngon. Và ngon nhất là cỗ lòng cá. Vì đã nấu dầm thì dù là cá chắm, cá chép hay cá mè, cá quả, cũng đều phải nấu cá lớn. Mà cá lớn thì giá trị nhất chỉ có bộ lòng. Ăn cá dầm mà bỏ qua mất bộ lòng, kẻ ấy đáng gọi là bỉ phu, nếu không phải là xuẩn ngốc!

Chúng tôi chỉ biết ngồi nghe thành khẩn. Hơi rượu đã bốc lên say ngây ngất, chúng tôi như chợt tỉnh hẳn người, khi người thấy mùi thơm ngào ngạt của thìa là, của khế chua, quyện với hơi mỡ nóng nần tỏa lên từ nồi canh cá dầm nóng hổi, nước sóng sánh mỡ vàng.

Thi sĩ Tản Đà thận trọng vớt riêng bộ lòng cá ra để vào một chiếc đĩa lớn, lại vớt riêng chiếc đầu cá để vào một chiếc đĩa nhỏ, đoạn nâng chén rượu, cạn một hơi, chia tay mời chúng tôi vào tiệc và căn dặn mãi:

-- Các cậu nhắm đi! Lòng cá ăn trước, đầu cá ăn sau. Chừng nào lòng cá hơi nguội, ta múc một thìa canh dầm nóng chan vào mà húp.

Nồi canh cá dầm đặt trên hỏa lò vẫn sôi sùng sục. Chúng tôi ăn, chúng tôi uống, chúng tôi đặt đĩa xuống, nâng bát lên, nhát nhát đều theo cử động Tản Đà tiên sinh. Tuy nhiên, dù không ai

bảo ai, chúng tôi cũng đều cảm thấy đó là bữa ăn cá dầm ngon nhất đời.

Bộ lòng cá đã vợi quá nửa. Rượu đã phải chuyên thêm tới bầu thứ ba. Thi sĩ Tản Đà càng uống nhiều càng như tỉnh táo thêm, và nói chuyện càng thêm hấp dẫn. Nhân vấn đề thường thức lòng cá, thi sĩ đã kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện rất... Tản Đà, nghĩa là một câu chuyện điển hình thực lý thú về cái nét độc đáo của Tản Đà trong việc ăn uống.

Có thời, tiên sinh đã ngồi dạy học ở một làng nọ, tuy xa Bát Bạt nhưng cũng thuộc tỉnh Sơn Tây, cũng ở bên cạnh bờ sông Đà. Lũ môn sinh chữ Hán, ngoài giờ học, còn phải hầu thầy cả những việc lật vật: điếu đóm, trà rượu hàng ngày. Một hôm, có người đánh được con cá quả lớn còn tươi, đem biếu thầy đồ. Vừa tan buổi học chiều. Tất nhiên lũ học trò liền có bọn phụng xúm nhau vào ngả con cá ra làm món nhắm để thầy xơi rượu. Ngồi dạy học ở nhà lạ, Tản Đà không tiện xuống bếp "gà" cho môn đệ làm món ăn theo đúng quan niệm của mình. Cả lũ học trò, toàn những con trai mới lớn, dẫu được ông thầy tận tâm dìu dắt cho thông tỏ nghĩa lý thánh hiền, nhưng không có cổ vấn trong việc hỏa đầu, nên cả bọn hì hục mãi, đến tối mịt mới xong được mâm rượu bung lên mời thầy. Mâm rượu cũng khá trọng thể. Con cá lớn được làm thành nhiều món: cá xào, cá rán, cá kho và cũng có cá dầm. Gia vị cũng đầy đủ: rau củ miền quê vốn không hiếm. Duy thiếu mất một thứ... Thiếu hẳn mất một thứ bất khả thiếu trong bữa tiệc cá! Và chỉ thiếu mỗi một thứ đó mà cả mâm rượu trở nên vô vị, vô duyên, vô bổ. Y như thiếu một nữ điểm trang diêm dúa mà thiếu mất... tấm lòng!

Thi sĩ Tản Đà hát hàm hỏi chúng tôi:

-- Các cậu có biết mâm rượu thiếu mất cái gì không?

Chúng tôi đồng thanh đáp:

-- Bộ lòng cá!

Tản Đà nhòen miệng cười, nhưng cặp lông mày vẫn nhíu lại:

-- Phải, lòng cá! Lũ học trò đại dột của tôi tuy có "lòng" quý trọng ông thầy, nhưng lại không biết tôn trọng "lòng" cá. Thực khó "lòng" tha thứ cho lũ thiếu niên nhẹ "lòng" nhẹ dạ, vô tâm, vô tích sự như vậy!

Chắc là nhà thơ bị món lòng cá ám ảnh, nên câu nói cũng lòng thòng toàn những chữ thuộc về lòng vớی dạ...

Nhà thơ không thể chấp nhận một bữa cá "thiếu quy tắc" như thế -- có thể gọi là một bữa cá "thất niêm, thất luật" --. Và, nhà thơ nhất định không cần chiếu cố tới mâm rượu nữa. Lũ môn sinh ngơ ngác nhìn nhau lo lắng, tưởng rằng đã làm điều gì lỗi đạo thánh hiền, khiến thầy phật ý, thầy chẳng thèm ăn. Vỡ lẽ ra, các trò mới hiểu bụng thầy: chung qui chỉ tại bộ lòng con cá quả! Bộ lòng cá đó, lũ học trò "thực bất tri kỳ vị" kia đâu có hiểu biết giá trị! Khi các cậu làm cá ở bờ sông các cậu đã moi tuốt cả những cái gì lũng củng trong bụng cá vớt trên bãi cỏ.

Kết cục, ngay giữa đêm tối, thầy đã bắt trò phải đốt đuốc sáng rực, lần ra bờ sông tìm lại cho kỳ được bộ lòng cá, để cho cá dầm có hồn. May sao trên bãi cỏ bờ sông vắng, bộ lòng cá vẫn còn nguyên vẹn. Lũ môn sinh hú vía, hý hửng mang lòng cá về trình thầy. Lòng cá đó liền được luộc lên, canh dầm hâm lại, và cuối cùng, linh kính mãi tới gần giờ Tý canh ba, mà thi bá của chúng ta mới khởi sự nâng đũa, rung đùi cạ chén rượu thứ nhất một cách hài lòng.

Đó, câu chuyện khả dĩ coi là giai thoại về "nghệ thuật ăn" trong đời Tản Đà. Thi sĩ vừa khề khà kể chuyện, vừa nhắm nhót, uống rượu, rung đùi, vừa ép chúng tôi uống, giục chúng tôi ăn. Tới khi câu chuyện chấm dứt thì bữa tiệc cũng gần tàn. Và từ đầu bữa ăn đến lúc ấy, tính ra có hơn ba tiếng đồng hồ. Quá ngộ đã lâu, chúng tôi đành xin buông đũa, cáo thoái nhà thơ, vì chúng tôi cũng không thể uống rượu nhiều hơn được nữa. Mặc chúng tôi đứng dậy, thi sĩ Tản Đà vẫn cứ ngồi yên vị, vẫn cứ nhắm, vẫn cứ uống, vẫn cứ rung đùi... Cho tới khi chúng tôi ra về, nhà thơ của sông Đà núi Tản vẫn chưa ngừng uống.

(Trong tập Đốt lò hương cũ – Đinh Hùng)

Tự tình dưới hoa

*Chưa gặp em, tôi vẫn nghĩ rằng:
Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng.
Mắt xanh là bóng dừa hoang dại,
Thăm thẳm nhìn tôi, không nói năng.*

*Bài thơ hạnh ngộ đã trao tay,
Ôi mộng nào hơn giấc mộng này ?
Mùi phấn em thơm mùi hạ cũ,
Nửa như hoài vọng, nửa như say.*

*Em đến như mây, chẳng đợi kỳ,
Hương ngàn gió núi động hàng mi.
Tâm tư khép mở đôi tà áo,
Hò hẹn lâu rồi - Em nói đi !*

*Em muốn đôi ta mộng chốn nào ?
Ước nguyện đã có gác trăng sao.
Truyện tâm tình: dưới hoa thiên lý,
Còn lối băng khuâng: Ngõ trúc đào.*

*Em chẳng tìm đâu cũng sẵn thơ.
Nắng trong hoa, với gió bên hồ,
Dành riêng em đấy. Khi tình tự,
Ta sẽ đi về những cảnh xưa.*

*Rồi buổi ưu sầu em với tôi
Nhìn nhau cũng đủ lãng quên đời.
Vai kẻ một mái thơ phong nguyệt,
Hạnh phúc xa xa mỉm miệng cười.*



Tranh Đăng Giao

Đình Hùng, những bài thơ không tuổi Nguyễn Mạnh Trinh.

Thơ, ở cực độ truyền cảm nhất là những câu “ nhập thần “. Những câu là châu báu trời cho, những tứ là những kho tàng lộ diện, những vần là điệu nhạc vô biên . Ngày xưa Nghiêm Vũ đời Tống trong Thương Lang Thi Thoại đã viết đại ý “ Điểm tuyệt diệu nhất của thơ chỉ có một , đó là nhập thần. Thơ mà đạt tới mức nhập thần thì tận thiện tận mỹ. Và không thể thêm tht được bất cứ điều gì . Duy chỉ có Lý Bạch , Đỗ Phủ đạt được thôi còn những người khác hiếm hoi lắm...”

Với riêng tôi , Đình Hùng có những câu thơ hoặc bài thơ “ nhập thần” như Nghiêm Vũ diễn tả. Không biết tôi có chủ quan quá độ hay không , nhưng có nhiều bài thơ khi tôi đọc xong như bị lạc vào một thế giới của không gian thời gian nào và ngôn từ không đủ sức để giải thích những cảm giác huyền nhiệm ấy. Đọc thơ Đình Hùng , cảm được những biểu tượng riêng, và nghe và thấy được những ngôn ngữ riêng của bản sắc độc đáo không bị trộn lẫn. Đọc , để thấy cảnh và người, ngôn ngữ và ý tưởng hòa đồng cùng nhau. Bản sắc của cảnh và nội tâm của người như có một tương quan mật thiết , cảnh gợi nên ý , ý gợi nên lời, lời gợi nên cảm .Đọc bài Đường Trưa, để thấy một phác họa người qua cảnh , của nỗi buồn mênh mang , đầy cảm xúc:

*“ Lá xanh che khuất đường trưa
bóng thêu hoa nắng , lưa thưa điểm vàng
trời cao lẳng xuống trường giang
hững hờ thay! Àung mây hàng trôi qua
Mây kia còn mãi nghĩ xa
Hồ lim dim ngủ chói lòa ánh gương
Nhạc buồn một điệu the lương
Kèn ve nổi tiếng xót thương mấy hồi
Buổi trưa ngừng giữa lòng tôi
Àuì tình đỏ sắc hoa rơi đầu cành
Chừng nghe qua bóng lá xanh
Có chân ai lặng bước nhanh trong sâu?”*

Thơ Đình Hùng đầy những khát vọng , của những giấc mơ , của tuổi hoa niên mới lớn , của những bước chân hăm hở vào đời. Thơ xôn xao giấy mực , thơ như tấm lòng trải rộng theo chiều bát ngát đất trời.

Khi tuổi trẻ , tấm lòng thường rộng mở với những mơ mộng trăng sao. Có một chút không bằng lòng với hiện tại , trí tưởng tượng mở ra đến tận những phương trời. Lúc ấy, thi ca góp vào cánh tay mở toang khung cửa để mây lồng lộng trời cao và gió phiêu du muôn bến.

“ Khi mới lớn tuổi mười lăm mười bảy

*làm học trò mắt sáng với môi tươi
ta bước lên chân vắn dạo bên người
ngoài cặp sách trần ai coi cũng nhẹ
đời thấp thoáng qua học đường nhỏ bé
phố phường vui cuộc sống mới lên hoa
Ta ngồi nghe những tiếng thị thành xa
Hồn lơ đãng mộng ra ngoài cửa lờp
Nắng thuở đó khiến lòng ta hồi hộp
Ta nhìn cao mới rõ bị giam cầm
Oái tiếng nào vang mấy bức tường câm?
không khí nặng mơ hồ thầy với bạn
Ta nhón lên bước đường không giới hạn
Có lẽ đâu kìm giữ bởi tay người
Tuổi hoa hồng –kiêu hãnh của ta ơi
Tình đã hẹn ở trên đường nắng mới..”*

Đọc những câu thơ như thế làm sao mà không xôn xao trong lòng. Thế giới mở ra , ôi sao mệnh mỏng quá! Mê nhất là nhìn theo những cánh chim để trí tưởng tượng vút lên , cao rất cao lên đến đỉnh trời. Oái tuổi trẻ hơn hớn xanh màu mắt và bông bành bờ tóc bay. Đọc thơ , để mừng tượng một chân dung thi sĩ , nhà thơ Đinh Hùng. Và cũng để hồi tưởng lại một thời của mình , ở thành phố Sài Gòn tràn đầy kỷ niệm.Những buổi trưa trốn học , nằm lẩn trên bãi cỏ xanh, nhìn theo những sợi mây bay lãng đãng trên những ngọn cây dầu cao vút để hồn lơ mơ với giấc mơ , với những tà áo bay bay trong tưởng tượng , của những mắt liếc hẹn hò , của tâm tình xôn xao muốn ngỏ . Đọc thơ để thấy mình là một chú gà trống ngu ngơ nhưng tưởng như một anh hùng vô địch oai hùng trong cuộc đời và lãng mạn trong cuộc tình. Đọc thơ , để vô vàn những khao khát nở bùng , của tưởng tượng về ngày mai, của tràn đầy hoa gấm và nồng hương tình ái...

Cuộc đời Đinh Hùng như có một phận số riêng và thi ca cũng có một số phận khác. Cái thể chất ẻo lả cộng thêm tàn phá của nạng tiên nâu làm ông không có tuổi thọ. Thơ của ông , ngược lại , như không có tuổi và với lớp người đọc sau , luôn luôn có sinh động riêng và có đời sống văn chương dài hơn nhiều tuổi thọ.

Ngày 24 tháng 8 là ngày giỗ Đinh Hùng . Ông mất năm 1967, thọ 47 tuổi. Một đời thi sĩ có lẽ khá ngắn nhưng tác phẩm đã có đời sống dài hơn gấp bội. Hai tập thơ “ Mê hồn ca” và “ Đường vào tình sử “có những bài thơ được coi như là tuyệt tác của một thời kỳ văn chương nở rộ. Chương trình ngâm thơ “ Tao Đàn “ do ông chủ trương với tiếng nói mở đầu truyền cảm đã bao nhiêu năm trở thành một biểu tượng thi ca của miền Nam tự do.

Với những người làm thơ, Đinh Hùng có vị trí của một vì sao Bắc Đẩu. Khi miền Nam bị Cộng Sản miền Bắc xâm chiếm, nhà thơ Trần Dần đã nhấn vào cho gia đình nhà thơ Vũ Hoàng Chương” Anh yên tâm, với chúng tôi, thơ của anh và Đinh Hùng vẫn có giá trị để được trọng vọng như thời tiền chiến ...”

Cũng như về sau, trong cuộc mạn đàm với các văn nghệ sĩ ở Huế, Trần Dần đã xác nhận một lần nữa tấm lòng trân trọng với thơ Đinh Hùng trong khi Hoàng Phủ Ngọc Tường thì chê rằng thơ “lòe loẹt ghê ghê mùi sơn phấn thế nào ấy “. Khi được hỏi trong các nhà cầm bút thời tiền chiến thích ai nhất thì Trần Dần trả lời ngay ; Vũ Trọng Phụng , Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng. Và ông khẳng định: Đinh Hùng là thi sĩ Tượng trưng đầu tiên của Việt Nam với tập” Mê Hồn Ca”

Đinh Hùng thi sĩ và Đinh Hùng nghệ sĩ đã có người tri kỷ là nhà văn Thạch Lam, một người cũng có tuổi thọ khá ngắn nhưng văn chương tài hoa. Đinh Hùng đã làm bài thơ Gửi Hương Hồn Thạch Lam như muốn sẻ chia tâm sự với người chung mang nỗi niềm tâm sự :

*” Nhớ xưa cùng bóng dạ lan hương
Anh với tôi nằm mộng canh trường
Giường kề bên cửa , hoa kề gối
Anh truyện sầu , tôi truyện mến thương
Tôi với anh giường chung mộng chung
Vì duyên thơ mới có 1 duyên lòng
Anh buồn tự thuở trăng lên núi
Áy độ tôi hoài ước lại mong
Ai biết lòng anh thương nhớ đâu
Gần nhau không nói , nói không sầu
Cầm tay hỏi mộng , buồn như tủi
Thầm hiểu anh tôi , lặng cúi đầu
Tôi cảm thương vì hai chúng ta
Tuổi đang xuân mà bóng sang già
Đêm nào tôi mộng buồn riêng gối
Anh đã nằm yên dưới mộ hoa
Anh lánh mưa xuân nép cửa sầu
Đêm nằm ghé gió lạnh canh thâu
Gặp nhau nắm chặt tay lần cuối
Anh khép hàng mi chẳng nguyện cầu...”*

Thời tiền chiến, giai phẩm Dạ Đài với sự góp mặt của Trần Dần, Đinh Hùng, Trần Mai Châu , Vũ Hoàng Địch,... đã tỏ lộ một khuynh hướng thi ca mới của thơ tượng trưng. Và khuynh hướng này là một khuynh hướng nổi bật của thi ca Việt Nam với các tầm vóc như Hàn Mặc Tử , Bích Khê, Đinh Hùng , nhóm Xuân Thu Nhã Tập , Chế Lan Viên thời trước 1945,... Võ văn Aùì , trong tác phẩm “ Bốn Mươi Năm Thơ Việt Nam/1945-1985 “ đã viết về Đinh Hùng như sau:

“...Trùm ảnh vì cái chết từ lúc bé, Đinh Hùng hướng về nguồn thơ Tượng trưng. . Vì Tượng Trưng là âm bản của thực tại. Như chết là âm bản của sống. Thơ Tượng Trưng thoát mình , rời xa thực tại đang sống , đi tìm cái khuôn âm bản để xem thực tại ấy có là mặt – mảy- xưa-nay vốn được đúc nặn từ đâu. Hay chỉ là những tam sao thất bản? Thơ dựng lên khuôn mặt giai nhân, hoặc dựng lên cái tiền cảm bao quanh, tượng trưng cho khuôn mặt ấy , thì vẫn là niêm Thơ như thật của muôn thuở . Đó là giải thích theo tâm cảnh thơ Việt Nam. Trong thực tế, hầu như tất cả các nhà thơ tiền chiến đều chịu ảnh hưởng của các thi sĩ Pháp, đặc biệt là Beaudelaire, Mallarmé, Rimbaud. Cũng như sau này thi ca miền Bắc chịu ảnh hưởng của các nhà thơ Nga , và miền Nam lại tiếp tục chịu ảnh hưởng các nhà thơ Pháp với những Eluard, Aragon , Jacques Prevert...”

Năm Đinh Hùng lên 11 , chị Tuyết Hồng , hoa khôi Hà Nội, đã tự tử trên hồ Trúc Bạch. Mấy tháng sau thân phụ chàng đau nặng rồi thất lạc . Chị Loan , một người chị khác lại mất ba năm sau. Qua năm 18 tuổi chớm mối tình đầu, Đinh Hùng yêu một người có họ xa , nhưng người con gái măng tơ và Liêu trai này cũng chết. Tập thơ Truyện Lòng in trong Đường Vào Tình Sử năm 1961 chính là tập thơ đã sáng tác từ năm 1938. Tiếp đến người bạn thân yêu nhất của đời chàng là Thạch Lam cũng bỏ chàng đi năm 42 tuổi vì bệnh lao.. Bây giờ ta hiểu nỗi chết đã ám ảnh đeo đuổi Đinh Hùng như hình với bóng, đốt thấp tâm tư chàng.Đinh Hùng không chạy trốn, chàng hàm dưỡng ngọn lửa ấy cho nguồn thơ Tượng Trưng...”

Lúc còn sống, nhà văn Mai Thảo và nhà thơ Nguyên Sa cũng đặc biệt yêu mến thơ Đinh Hùng. Nhiều lần, nhà văn Mai Thảo đã đọc hầu như gần hết tập thơ Mê Hồn Ca trong những

buổi họp mặt văn nghệ. Chắc phải yêu mến lắm nên mới thuộc lòng như vậy. Với phong cách đặc biệt, kèm theo những nhận xét dí dỏm nhưng chính xác, ông đã làm thơ Đinh Hùng thành một không gian thơ đặc biệt mà mọi người tham dự mãi năm tháng dài về sau không thể quên... Nhà thơ Nguyễn Sa cũng vậy. Ông thường nói về thơ Đinh Hùng với tất cả những lời khen tặng. Khi tôi và ông cùng thực hiện tủ sách Tác Giả Tác Phẩm của nhà xuất bản Đời, cuốn đầu tiên là viết về Đinh Hùng...

Tạ Tỵ trong cuốn “ Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi” cũng đã phác họa chân dung Đinh Hùng qua từng thời kỳ, khi trai trẻ đến lúc tham gia dòng thơ tiền chiến, từ lúc kháng chiến rồi hồi cư về Hà Nội, đến khi di cư vào Nam, làm chương trình thi ca Tao Đàn,..

“.. Đinh Hùng nhìn tôi nhếch mép cười, cái cười ngạo mạn vì lúc gặp Đinh Hùng lần đầu, tôi là tên “mặt trắng” còn Đinh Hùng tuy chưa có tác phẩm nhưng đã được nhiều người biết tiếng. Đây là trường hợp duy nhất của người làm thơ nổi tiếng trước khi có tác phẩm hoặc có nhiều bài đăng tải trên báo chí! Có lẽ thơ của Đinh Hùng mới quá đi trước thời đại chăng? Tôi mỉm cười xã giao bắt tay Đinh Hùng. Ôi chao bàn tay gì bé và mềm thế, như tay đàn bà! Về sau này tôi được một người bạn cho biết, khi còn học ở trường Bưởi, Hùng cũng rất đẹp trai và ham tập thể thao lắm, đã bơi ngang Hồ Tây, tuy nhỏ nhưng thân hình cân đối và thi sĩ Huyền Kiều, người bạn cùng lớp học đã mê Hùng như mê người tình, giống như trường hợp Xuân Diệu Huy Cận vậy. Ngoài tài làm thơ, Đinh Hùng còn chơi nhạc, đánh đàn mandoline, những khúc nhạc của Mozart, Beethoven, và Beach rất hay. Hùng cũng biết vẽ lãng nhăng và chữ viết rất bay bướm. Khi học trường Bưởi, Đinh Hùng phụ trách báo tay cùng với thi sĩ Huyền Kiều. Đinh Hùng ở một căn gác nhỏ trên đê Yên Phụ gần Ngọc Hà và bài thơ “ Xin hãy yêu tôi” có những câu;”...Tôi mở sẵn một phòng sậu bé nhỏ

Riêng một đèn, một gối một tình yêu..” là chính căn gác này đã tạo cho thi nhân nguồn cảm hứng đó. Từ đầu đê Yên Phụ, buổi tối nào “ đi xóm”(tức đi hát cô đầu) thì thôi, còn không Đinh Hùng cuốc bộ từ đó đến tiệm hút sau đền Bà Kiệu, phía bên hồ Hoàn Kiếm, để họp bạn cùng vui thú yên hà. Đinh Hùng năm ấy(1940-1941) hãy còn trẻ lắm, mới trên dưới 20 tuổi mà đã đam mê gắn bó với Phù Dung tiên nữ, Dưới ánh đèn, mặt Hùng tái xanh, riêng đôi mắt sáng long lanh biểu lộ sự thông minh tuyệt vời,,”

Riêng tôi, đọc hai tập thơ Mê Hồn Ca và Đường Vào Tình Sử, đời sống có phảng phất của sương khói mơ hồ của kiếp khác. Thơ, là những bước chân đi trong những ảo tượng để trí tưởng tượng như những vũ cánh khởi hành vào cõi mê mênh mang của kiếp nhân sinh. Thơ Đinh Hùng là bước chân về nguyên thủy. Ở đó, trời đất hoang vu, kiếp người quạnh quẽ. Sống hờ hững đôi khi trải theo tâm sự Từ Thức về trần, đi tìm lại quá khứ trong tiềm thức xôn xao cảm giác. Ngôn ngữ, là vang vọng của tấm lòng yếm thế, của lòng rời rã tự tình, để thoảng vẽ ra, những đôi mắt nhìn sang cõi bờ khác lạ, của một chân trời mà thực và mộng chen lẫn vào nhau.

Thi ảnh của Mê hồn ca, của tiếng ca bộ lạc, đầy những biểu tượng của núi non, của gió tuyết, của cỏ hoa tịch mịch, mỗi mỗi là hình dáng của mơ hồ, của sự liên tưởng nâng lên cao độ. Thi ảnh của Đường Vào Tình Sử tương đối gần cận cuộc sống hơn, có thêm sinh khí của tình yêu thiết tha, của những tấm lòng mở ra và ngỏ với mọi người. Ngôn ngữ thơ có nhiều ảnh tượng có lẽ quen thuộc với cảm quan mà vẫn có sức lôi kéo từ những vị trí đặc địa cũng như những cánh cửa mở ra những chân trời và những phận người. Thơ, như những nét bút vờn. Thơ, là thi sĩ miệt mài đi trên con đường tìm kiếm lại chính mình, cái bản ngã có nét bàng bạc trong bức tranh nhân sinh mờ tỏ, có lúc rờn rợn màu trắng mênh mông, của trang giấy trinh bạch, của nỗi niềm mù khơi đến tận vô cùng.

Đọc những câu thơ như:

“rời những đêm sâu bỗng hiện về

*vượn lâm tuyền khóc rộn sương khuya
đâu đây u uất hồn sơ cổ.
Từng bóng ma rùng theo bước đi..”*

Chúng ta sẽ cảm thấy gì ? cũng những ngôn ngữ có hơi quen thuộc đến có thể hơi sáo mòn. Nhưng kỳ lạ, có sức lôi kéo của những ý tưởng nảy từ bùa chú linh thiêng. Con đường đi, chập chùng thực mộng . Trí tưởng bỗng man mác , mênh mông..

*“Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ
và chân bước nghe chuyển rung đời xuôi
lá cỏ sắc vương đầy trên tóc rối
Ta khoác vai manh áo dẫm hương rừng...”*

Có phải thơ là phần ăn cách riêng của những người quen đơn độc, của những góc tối mà con người nương nấu vào đó cho hết một kiếp người. Trong nỗi buồn có niềm kiêu hãnh, trong ngày nắng có lẫn những canh khuya.

Có người nói thơ Đinh Hùng có những đóa hoa vô hình vô ảnh nhưng lại mường tượng được từ những phác họa tài tình. Người đẹp , có khi chỉ là nét trầm khuất xa xôi. Những mối tình, là thiên cổ không phai, là giấc miên viễn hiu hắt cùng trời và đất. Lời tình tự như ngỏ vào hư không. Mây gió cuộn một thời phong vũ.

*“ Khuya sớm tìm sang lối tuyết trinh.
Lầu xuân hoa dựng ngọc liên thành
Lệ in bóng núi mờ nhân ảnh
Mây đó về đâu có gặp mình?
Thương nước vô danh người mộng ảo
Ta cười một nét vẽ hư linh
Àu xiêm đã ố màu tang hải
Em thoát xiêm đi, hiện dáng tình...”*

Em, có phải là hình bóng của yêu tinh, của đam mê đã lan cả đến cỏ cây hoa lá? Em, có phải là giọt máu loang huyết lệ, của những mối tình thiên cổ không phai?

*“... Hỡi kỹ nữ, em có lòng tàn ác
ta vẫn gần, ôi, sắc đẹp yêu ma
lúc cuồng si, ta nguyện rửa cả đàn bà
Ta ôm ngực nghe trái tim trào huyết
Ta sẽ chết, sẽ vì em mà chết
Một chiều nào tắt thở giữa môi hôn
Ta hái trong em lấy đóa hoa hồn..”*

Em , có phải là thần tượng lên ngôi? Em, có phải ta đã biến hình thành tên nô lệ?trong thi ca, là định mệnh trái oan, là ngôn ngữ của người lạc lõng trên con đường thảng năm của thời gian biên biệt

*“.. Ta run sợ cho yêu là mệnh số
mặc tay em định hộ kiếp ngàn sau
vì người em có bao pháp nhiệm mầu
một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc
Ta đặt em lên ngai thờ nữ sắc
Trong âm thầm chiêm ngưỡng một làn da*

Buổi em về xác thịt tấm hương hoa
Ta sống mãi thờ lạy hồn trinh tiết..."
Mê Hồn Ca, là : " yếu điệu phương đông lướt dưới đèn
Ta nằm mộng đẹp đêm thần tiên
Dáng xuân nghiêng mắt cười không tiếng
Lửa hạ lên rồi- ôi Ý Liên.."
Mê Hồn Ca, là : "qua xứ ma sầu ta mất trí
Thieu đi tập sách vẽ hoa nguyên
Trời ơi! Trời ơi! Làn tử khí
Lạc lũng hương thâm đoá Bạch Liên.."

Mê Hồn Ca, là khuôn trời Liêu Trai, là những đêm âm phần trộn lẫn với trưa dương thế. Thì Đường Vào Tình Sử khác hơn, là những bài thơ tình của miên viễn chiêm bao, của những môi hôn trong mộng, của man mác hương trinh. Mộng vẫn còn, mê ảo nhưng thực đã có da có thịt trong ngôn ngữ tình yêu

" Khi tóc mùa xuân buông dài trước cửa
Khi nắng chiêm bao khẽ chớp làn mi
Khi những con thuyền chở mộng ra đi
Giấc mộng phiêu lưu như bầy hải điều
Kỷ niệm trở về nắm tay nhau hiền dịu
Ngón tay thơm vàng phấn bướm đã tình
Anh sẽ tìm em như tìm một hành tinh
Mặt trái đất sắp tan vào mộng ảo... "
Eám đêm hơn, bài hát mùa thu:
"Hôm nay có phải là thu
Mây năm xưa đã phiêu du trở về
Cảm vì em bước chân đi
Nước nghiêng mặt ngọc lưu ly phớt buồn
Ai về xa mãi cô thôn
Một mình trong khói hoàng hôn nhớ nhà
Ngày em mới bước chân ra
Tuy rằng cách mặt lòng ta không sầu
Nắng trôi- vàng chảy về đâu
Hôm nay mới thực bắt đầu vào thu..."

Thơ Tình, đã từ mệnh mang khói sương của Mê hồn Ca đã trở về thực tại trong Đường vào Tình Sử. Tâm hồn, mỗi lúc mỗi khác trong lộ trình tìm cái vĩnh cửu. Thơ ấp ủ ước muốn bất tử, để sau xưa trùng hợp, và nỗi niềm mang nặng từ lúc hoang sơ chuyển hóa lại thành thời khắc bây giờ. Có lúc " xoay nhỡn tiền lại ngắm hiện thân " nhưng cũng có lúc " ta, suốt đời ngư phủ thả con thuyền trên mái tóc em buồn lênh đênh." Làm thơ cho Ý Liên, Bạch Liên, Diệu Hương, Hoài Điệp,... có người còn kiếp dương trần nhưng có người là phảng phất hồn ma bóng quế, là huyền ảo ẩn ức thành ngôn ngữ thi ca , để lẫn lộn mộng thực. Nếu có chữ Thần Tượng viết hoa, thì có lẽ Đinh Hùng ai người tốt cùng nâng niu cho từ ngữ ấy. Đọc thơ ông , để tâm trí bình bằng, ký ức phiêu du trên những nẻo đường mơ hồ. Có khi, trăng sao là hiện thân của giọt máu hồng tinh huyết để tình yêu chuyển đổi từ vùng cảm giác của bộ xương khô đến vóc dáng của một làn da, một mái tóc...



Thơ tượng trưng, sao từ sương khói quay ngoặt về thực tại, có phải vì trái tim đã đánh thức dậy những cảm quan từ bộ óc mơ màng không cân phân thực mộng? Nếu nói thơ là biểu hiện của niềm si đắm thì Mê Hồn Ca, Đường Vào Tình Sử là những phiên kinh xưng tụng để đời!

Đường vào tình sử

*Khi tóc mùa xuân buông dài trước cửa,
Khi nắng chiêm bao khẽ chớp hàng mi,
Khi những con thuyền chờ mộng ra đi,
Giấc phiêu lưu như bầy hải điểu,
Kỷ niệm trở về, nắm tay nhau hiền dịu,
Ngón tay thơm vàng phấn bướm đã tình,
Anh sẽ tìm em như một hành tinh,
Mặc trái đất sắp tan vào mộng ảo.*

*Trên đường ta đi,
Những đóa hoa nở mặt trời xích đạo,
Những làn hương mang giông tố bình sa,
Những sắc cầu vồng nghiêng cánh chim sa,
Và dĩ vãng ngủ trong hồ cẩm thạch
Của đôi mắt sáng màu trắng mặc khách,
Thời gian qua trên một nét mi dài.
Núi mùa hu buồn gợn sóng đôi vai,
Dòng sông lạ trôi sâu vào tâm sự.*

*Chúng ta đến nghe nổi sâu tinh tú
Những ngôi sao buồn suốt một chu kỳ
Những đám tinh vân sắp sửa chia ly,
Và sao rụng biếc đôi tay cầu nguyện.
Ôi cặp mắt sáng trắng xưa hò hẹn,
Có nghìn năm quá khứ tiến nhau đi.
Anh vịn tay số kiếp dẫn em về,
Nhìn lửa cháy những lâu đài mặt biển.*

*Phơi phới thuyền ta vượt bến,
Từ đêm hồng thủy ra đi.
Lòng ta dao cắt
Chia đôi
Biên thủy,
Dòng máu kinh hoàng chọt tỉnh cơn mê.
Chúng ta đi vào lá hoa Tình Sử,
Hơi thở em hoà sương khói Đường thi.
Anh đọc cho em những dòng cổ tự
Ai Cập và Cổ Ly Hy.
Anh viết cho em bài thơ nho nhỏ
Bài thơ xanh ánh mắt hẹn tình cờ,
Có những chữ Hoa yếu điệu,
Không phải đại danh từ.
Nét uốn đơn sơ
Lung mềm óng ả*

Những chữ hoa không thêu phù hiệu,
Những chữ hoa không biết phát cờ.
Một bài thơ
Có tiếng thở dài đôi hồn tình tự,
Vần điệu dìu nhau đi trong giấc mơ,
Sông núi trập trùng lượn theo nét chữ,
Những chữ thương yêu,
Những chữ đợi chờ,
Đẹp như
Dáng em e lệ chiều xưa.

Anh sẽ tìm em, chiều nào tận thế
Khi những sâu thương cất cánh xa bay.
Khi những giận hờn, khi những mê say,
Khi tất cả hiện nguyên hình ảo mộng:
Giọt lệ hoa niên, cung đàn hoài vọng,
Và những hương thơm tình ái trao duyên.
Những không gian thăm thẳm mắt u huyền,
Những vạt áo bông trở màu sóng biển.
Chúng ta đến, mùa xuân thay sắc diện,
Chúng ta đi, mùa hạ vạt phai nhòa,
Gương mặt mùa thu phút chốc phôi pha,
Ta dừng gót chợt mùa đông tàn phé.
Em hát mong manh bài ca Tuổi Trẻ,
Bướm bay đầy một âm giai.
Khúc nhạc lang thang như hồn Do Thái,
Đại dương cồn sóng gọi tên ai?
Vời vợi tên em lướt qua Hồng Hải,
Tiếng hát nhân ngư tuyệt vọng than dài.
Chúng ta thở những hơi nồng nhiệt đới,
Nghe mùa xuân nẩy lộc rợn trên vai.
Có những giấc mơ lên vào quá khứ,
Có những chiêm bao đi về tương lai.
Anh gặp em tự thuở nào?
Mênh mang sóng mắt
Ngờ biển dâu.
Núi non nhìn ta vừa nghiêng đầu
Hình như hội ngộ
Từ ngàn thâu.
Ta tỉnh hay mơ? Chiều nay trăng khép
Hàng mi sầu
Hay tà dương thu
Mưa rơi mau?
Em ơi! Vệt nắng phù kiều uốn mình ô thước,
Ta, suốt đời ngư phủ,
Thả con thuyền trên mái tóc em buồn lênh đênh.
Ôi chao dĩ vãng! Dĩ vãng thần linh!
Một phút, một giây, nhìn ta vạm kiếp!
Thầm gọi cỏ hoa sang tự tình.
Lời nói băng khuâng, bàn tay duyên nghiệp.
Anh nhìn em như chiêm ngưỡng một hành tinh.

Kỷ niệm Tao Đàn Phan Lạc Phúc

Đầu năm 1956 tôi từ biệt nghề "chiến binh lợi ruộng" về Phòng 5 bộ Tổng tham mưu làm sĩ quan thông tin báo chí. Lúc bấy giờ tôi chưa có vợ con gì, khoác cái ba lô lên lưng là có thể đi cùng trời cuối đất. Về Sài Gòn chưa biết ở đâu tôi sáp vô ở với bạn cũ Thanh Nam ở ngõ Nancy (đường Phan Văn Trị). Tôi và Thanh Nam chơi với nhau từ khi tôi từ ngoài khu về Hà Nội ăn dầm nằm dề trên căn gác phố hàng Bông nhà Nguyễn thiệu Giang, tập tọng làm văn nghệ văn gùng dưới sự hướng dẫn của đàn anh Đình Hùng. Trong nhóm chúng tôi ngày ấy ngoài Thanh Nam, Nguyễn Thiệu Giang còn có Nguyễn Minh Lang, Phan Nghị, Huy Quang Vũ Đức Vinh, những người Thanh Nam nhắc đến trong bài hành tuổi 40 vài chục năm sau:

...Bạn cũ hãy nương theo rét lạnh
Về đây cùng nhập một cơn say
Chí lớn chia nhau đầy gác
Bụi hồng chưa khiến tóc xanh phai
Dầm bảy lòng sông ôm biển cả
Coi đời dưới mắt nhẹ không ai
Cơn mê nhập cuộc sầu chưa bén
Thân thể chưa đau cát bụi này...

Sau hiệp định Genève 1954 nhóm chúng tôi tan tác kẻ đi người ở. Theo anh Đình Hùng vào Nam có Vũ Đức Vinh, Phan Nghị và tôi; Thanh Nam đã vào Sài Gòn trước, 1953. Ở lại có Nguyễn Minh Lang, Nguyễn Thiệu Giang. Bây giờ (1956) tôi ở với Thanh Nam, gặp lại anh Đình Hùng và có thêm những người bạn mới. Ở cùng nhà ngõ Nancy lúc bấy giờ có nhà thơ Thái Thủy (tác giả Lá thư gửi mẹ) kịch sĩ, kiêm "ngâm sĩ và vũ sư (muá Trán thủ lưu đồn) Hoàng Thư, nhà báo Vũ Quang Ninh, quản đốc đài phát thanh Quân Đội. Một lũ "xê li bạt" ở với nhau, không có đàn bà, không có trẻ con, ăn uống tùy tiện, tối đến sãi chiếu ra, chằng màn ngủ, mỗi anh một góc, không phiền ai. Nhà này trước đây còn có văn sĩ Tạ quang Khôi (xước danh Tạ ổng khổi) nhưng ít lâu nay ông "Ông khổi" tạm biệt nơi này vô Đại học sư phạm rồi. Nhà này phải để sàn rộng rãi là nó có lý do của nó. Ông Hoàng Thư thỉnh thoảng tập múa Trán thủ lưu đồn nên phải có chỗ cho "vũ sư" tập dượt. Vũ sư mặc quần đùi, thân thể hom hèm nhưng múa rất hăng vừa múa vừa hát "Trán thủ ấy mấy lưu đồn. Ngày thì canh điểm ấy tối dồn là việc quan, chém tre mà đẵn gỗ trên ngàn..." Nhà một lũ độc thân nên anh em dễ dàng hội họp, gặp nhau "phùng trường tác hí". Sãi chiếu ra, ăn nhậu dài dài. Hay đến đây là đàn anh Đình Hùng có khả năng đặc biệt vừa nằm vừa viết văn chương Tao Đàn mà chữ nghĩa vanã rồng bay phượng múa. Có ông Vũ khắc Khoan gõ muống vào ly mà "Hồ trường, hồ trường ta biết rót về đâu". Có ông Mai Thảo với ông Phạm đình Chương rượu uống tì tì, càng uống mặt càng tái đi. Có ông Anh Ngọc say ngất ngư mà vẫn hát "Anh đến thăm em một chiều mưa". Có ông Tạ Ty ngày Tết chạy sang, sãi chiếu ra, rút bắt.

Văn nghệ sĩ đến đây nhiều như thế nên người ta bảo ngõ này là ngõ "văn nghệ"; ở khu này cũng có khá đông anh em ta cư ngụ. Từ chợ Nancy quẹo vô ngõ Phan Văn Trị là nhà của nhà văn, nhà thơ kiêm "sáo sĩ" Tô kiêu Ngân. Đi thêm dăm chục bước chân là nhà Thanh Nam. Trước cửa nhà Thanh Nam là nhà Tạ Ty họa sĩ, văn, thi sĩ. Ngay cạnh nhà Thanh Nam là nhà ban Hợp ca Hạc Thành của anh em nhạc sĩ Nhật Bằng, Nhật Phượng, Thế Tần, Hồng Hảo. Xế bên kia một chút là nhà của ký giả lão thành Thượng Sĩ, nhà phê bình, điểm sách trên tờ Tin Mới của Hà Nội năm xưa, (nhà văn nữ Sài Gòn cô nương xuất hiện trên làng báo hải ngoại mấy năm gần đây là con gái anh Thượng Sĩ).

Năm ấy (1956) là thời kỳ cực thịnh của ban Tao Đàn phù hợp với giai đoạn khởi đầu của nền Đệ Nhất Cộng Hòa khi miền Nam VN vừa có một thể chế mới, một tương lai mới. Pháp đã rút hết về nước. Trên phương diện truyền thanh các đài của Pháp như Pháp Á, Con nọan (Hirondelle) nhất loạt đóng cửa; đài quốc gia (lúc bấy giờ chưa có TV) cũng như các chương trình phát thanh có bản phận phải "lớn lên" cho kịp với tình hình. Ban Tao Đàn ngoài trách nhiệm đã được minh thị "tiếng nói của thơ, văn miền Tự Do" còn tiềm ẩn một nghĩa vụ "đem theo văn hóa của 1 triệu người miền Bắc vừa định cư ở miền Nam." Thơ, văn Tao Đàn phần đông là văn hóa Bắc Hà, là những làn điệu của văn minh sông Hồng, sông Mã giao duyên cùng văn minh Hương Giang và Cửu Long Giang. Bao nhiêu năm đã trôi qua, bây giờ từ vĩ tuyến 17 trở vào trong, chúng ta có một lối ngâm thơ đã trở thành phổ biến: ngâm thơ Tao Đàn. Nó xuất hiện thường xuyên trong cái lương miền Nam hay bài chòi miền Trung. Nó là cái còn lại, là dấu ấn của văn nghệ sĩ đã đưa Tao Đàn vào đời sống văn hóa.

Người khai sinh và điều khiển chương trình Tao Đàn, như cả nước đều biết là thi sĩ Đinh Hùng. Năm 1956 tôi ở nhà Thanh Nam, nơi anh Đinh Hùng thường tới viết bài, các cộng sự thân thiết nhất của anh đều ở quanh đây nên có thể nói nơi đây là "đại bản doanh" của chương trình Tao Đàn. Chương trình Tao Đàn có thể chia ra làm 3 bộ phận. Bộ phận quan trọng nhất là ban biên tập và diễn đọc gồm Đinh Hùng, Thanh Nam, Thái Thủy; vài năm sau có Huy Quang Vũ đức Vinh từ Nha Trang vào cộng tác. Bộ phận thứ 2 là ban ca ngâm gồm những tài tử nam, nữ trình diễn thường xuyên hay tùy hứng. Người "đa năng" nhất trong ban Tao Đàn là Tô kiều Ngân. Anh vừa là tài tử diễn ngâm, vừa biên tập, vừa trong ban nhạc. Tiếng sáo Tô kiều Ngân réo rất thường được coi là "indicatif" của Tao Đàn, hợp cùng tiếng đàn thập lục trầm bổng của Bửu Lộc, tiếng piano trầm ấm trước của Ngọc Bích, sau của Phạm đình Chương. Về giọng ngâm nam ngoài họ Tô, còn có Hoàng Thư; một thời giọng ngâm Thanh Hùng cũng có góp tiếng trên đài. Tô kiều Ngân tuy giọng không khoẻ nhưng anh là người ngâm "khéo" nhất, ngâm giọng Bắc, giọng Trung đều nhuyễn. Hoàng Thư có chất giọng say sưa, mạnh mẽ được đời nhớ mãi trong Bài ca ngư phủ của Vũ Hoàng Chương. Thanh Hùng với giọng thổ pha kim, xuất sắc trong những tác phẩm bi hùng. Có những giọng ngâm không có mặt lâu năm trên đài nhưng vẫn được đời ghi nhớ như Quách Đàm trong những bài lục bát hay Thiếu Lang trong Hồ Trường của Nguyễn bá Trác.

Về giọng ngâm nữ lúc khởi đầu phải nhắc tới cái ngọt ngào của Giáng Hương nhưng các tay sành điệu đều không thể nào quên giọng ngâm đở hột đặc sắc của bà Đàm Mộng Hoàn, một danh tiếng vang lừng tại Khâm Thiên tiền chiến trong Tý bà Hành. Giọng ngâm nữ nhiều năm làm thổn thức trái tim thính giả là Hồ Điệp trong những bài thơ nức nở TTKH. Về sau, có một giọng nữ như sương như khói làm khởi sắc những vần ca dao dân tộc và những bài ca huyền sử. Đó là giọng ngâm Hoàng Oanh.

Sang đến thập niên 60 (thế kỷ trước) sức truyền lan của Tao Đàn có vẻ sút giảm đi. Thi ca miền Nam Tự Do với một thẩm mỹ mới, một thẩm mỹ chên vênh (esthétique de choc) đã ngự trị thi đàn. Thơ có vẻ đang chuyển sang không vần của thơ Tự Do. Người ta ưa đọc thơ hơn là ngâm thơ. Nhưng đó lại là một vấn đề khác. Mỗi thời điểm có vấn đề riêng của nó.

Ngày xưa đàn anh Đinh Hùng có nói: "Mỗi một người bạn là một phần đời sống của mình". Thoạt đầu, tôi nghĩ là đàn anh "bốc" đàn anh phán vậy thôi. Nhưng càng già càng thấy đàn anh nói đúng. Bây giờ nói về thời gian sống ở ngô Nancy còn lại những ai? Đinh Hùng, Thanh Nam, Thượng Sĩ, Hoàng Thư, Phạm đình Chương, Vũ khắc Khoan, Mai Thảo, Nhật Bằng, Tạ Tỵ, Phan Nghị... đều bỏ chúng ta mà đi rồi. Người gần nhất "lên đường" là Huy Quang Vũ đức Vinh. Khi nghe tin Vũ đức Vinh gác ngoài hai ông còn lại ngày xưa nhà Thanh Nam là Vũ Quang Ninh và Thái Thủy vội bay sang Seattle thăm bạn, tới nơi thấy bạn mình đã hôn mê nhưng khi nghe: "Vu Quang Ninh, Thái Thủy sang thăm ông đây" người hấp hối bỗng chảy hai hàng nước mắt. Vũ đức Vinh người bạn thường gọi tôi "bạn cũ trên 50 năm" đã từ biệt chúng ta như thế.

Bây giờ còn có người mà kể lại; mai đây không biết còn kể lại với ai?

Đình Hùng, cha tôi Đình Hoài Ngọc

Đã 45 năm nhưng có những kỷ niệm vẫn như in trong đầu, tưởng chừng như vừa mới xảy ra...



Nhà thơ Đình Hùng

Ngày ấy, bố tôi – thi sĩ Đình Hùng – luôn bận rộn với công việc, ban ngày thì đi thu thanh ở đài, rồi tiếp xúc với các bạn thơ, văn. Bạn của bố tôi ngoài các nhà thơ, văn đã có tiếng, còn có những cây bút trẻ, những “fan”, với tất cả ông đều ân cần, cởi mở, đối xử như nhau và quán bar Thăng Long bên kia đường trước nhà vẫn thường là điểm gặp gỡ, để bàn luận thi ca. Có hôm đến tối khuya mới về đến nhà, ông lại tiếp tục làm việc: soạn bài phát thanh cho chương trình Tao Đàn, làm thơ rồi viết tiểu thuyết dã sử và làm thơ trào phúng.

Ông thức gần như cả đêm cho đến tảng sáng mới chớp mắt một chút. Rồi lại chuẩn bị cho công việc ban ngày. Mẹ tôi cũng thức theo ông và là một người phục vụ tuyệt vời, pha café sữa, trà thiết quan âm, nướng lại vài mẩu biscot... Bố tôi bị đau bao tử nên không ăn được nhiều vì vậy mẹ tôi cứ phải linh kính cả đêm.

Ngoài ra bà còn là người góp ý cho những tác phẩm của bố tôi. Có đêm chợt thức giấc tôi nghe tiếng đọc thơ của bố xong, ông hỏi mẹ thấy có cần sửa gì không? Mẹ góp ý, rồi bố lại cảm cúi viết...

Việc viết tiểu thuyết dã sử của bố tôi làm cả nhà đều thích thú. Bố thường kể trước cho cả nhà nghe cốt truyện sắp viết; ông kể say sưa từng chi tiết cho đến kết thúc. Hàng ngày bao nhiêu người say mê theo dõi trên báo, nhưng ít ai biết được có nhiều khi, ban đêm không viết kịp nên mãi đến trưa đi làm về, ông mới vội vã viết, lúc đó ông viết say sưa, ngòi bút như lướt trên từng trang giấy không ngừng, hình như lúc đó ông không cân suy nghĩ mà những ý tưởng diễn biến cốt chuyện truyền thẳng từ đầu xuống tay và đưa nhanh nét bút trải đầy trang giấy. Nhiều hôm trong khi ông viết, hai nhân viên tòa báo ngồi trực bên ngoài, cứ xong được trang nào là họ vội vàng mang ngay về tòa soạn để sắp chữ cho kịp in vào số báo phát hành ngay vào buổi chiều hôm đó.

Dù rất bận rộn với công việc, bố tôi vẫn là một người cha luôn quan tâm và chăm sóc con cái rất chu đáo. Mỗi tuần, bố dành buổi tối thứ bảy và trọn ngày chủ nhật cho gia đình và nhất là cho các con. Chiều thứ bảy, ở đài phát thanh về thể nào ông cũng ghé qua Đa Kao, vào nhà sách mua sách báo của Pháp (đủ loại truyện tranh như *Spirou*, *Tintin*, *L'Intrépide*, *Mikey*....), rồi bánh kẹo và các món ăn được chúng tôi “đặt trước” từ trưa. Đến chập tối, tôi đứng trên balcon

chờ chiếc ta-xi dừng trước cửa và ông xuất hiện, tay xách nách mang, thế là tôi chạy nhanh xuống đón.

Cũng có lần bố tôi có khách mời đi vào tối thứ bảy, nhưng ông vẫn không quên những món quà cuối tuần cho các con, tạt ngang về nhà đưa quà xong mới đi. Đến nay tôi cũng cố theo cái nếp đó để thực hiện, tạo cho con tôi niềm vui vào cuối tuần như ngày xưa mình từng được hưởng.

Ngày chủ nhật thì hoàn toàn thuộc về gia đình, mẹ tôi thực hiện những món ăn đặc biệt, do bố tôi chỉ cho mẹ làm. Ngoài tài làm thơ, ông còn có “tài hướng dẫn nấu ăn”. Gọi là đặc biệt vì đây là những món ăn lạ, sau khi thưởng thức bữa tiệc nào đó, bố tôi mô tả lại với đầy đủ chi tiết (các gia vị, các nguyên liệu thực phẩm cần có) để mẹ đi chợ mua về và khi làm món ăn thì bố tôi đứng cạnh để nhận xét và góp ý xem món ăn đã đạt chưa. Tôi cho rằng “hướng dẫn người khác nấu ăn” bằng cách mô tả lại món ăn mà mình đã thưởng thức thì không phải là chuyện dễ!

Sau khi ăn uống xong, cả nhà quây quần lại để nghe bố tôi kể chuyện theo truyện tranh (mua tối thứ bảy). Tôi học chương trình Pháp, nên đọc truyện cũng hiểu nhưng vẫn thích nghe ông kể lại hơn vì bố tôi dựa theo lời truyện kết hợp với tranh vẽ để kể thành một câu chuyện liền mạch với đầy đủ tình tiết, nếu không xem tranh cũng vẫn thích thú không kém.



Từ trái qua: Tô Kiều Ngân, Lữ Liên, Vĩnh Phan, Ngô Nhật Thanh, Đoàn Minh, Lê Thương

Đầu thập niên 60, phong trào nhạc bắt đầu rộ lên, đi đâu cũng nghe người ta mở nhạc Silvie Vartan, Adamo, Christophe, The Beatles..., tôi cũng rất mê nhạc và cũng tập tành làm thơ, nhưng ngọn lửa văn nghệ trong tôi vừa mới nhen nhúm đã bị bố tôi dập tắt “không thương tiếc”! Thơ thì sau khi làm được vài đoạn, chưa tự nhận biết hay dở, tôi đưa ông xem có ý nhờ bố sửa, liền bị ông sẵn bút trên tay gạch chéo ngay và vò lại. Còn nhạc thì cũng bị đất không kém. Tôi được ông bác cho một cây đàn mandiline, nhưng bố tôi không những không dạy đàn mà còn cấm không cho đụng đến.

Ông nói: “... Không muốn các con dính dấp vào văn nghệ, thơ nhạc gì hết, sẽ khổ đời(!) Phải cố gắng có nghề nghiệp vững chắc...” Bố tôi không muốn con mình đi theo con đường của ông. Đi theo con đường trải thảm hoa nhưng bên cạnh là cái nghèo luôn theo đuổi.

Là nhà thơ trọn vẹn sống và chết với thơ, ngay cả vào những lúc vinh quang nhất bố tôi vẫn thật nghèo, nghèo nhưng không bao giờ khổ, vì nguồn vui và niềm hạnh phúc của ông là những nguồn thi ca không bao giờ cạn.

Đã có lần bố tôi bị bệnh nặng, bác sĩ Tụng - là bác sĩ của gia đình - điều trị đến khi hết bệnh, đã khuyên ông nên đổi nghề: làm công chức hay đi dạy học, vì nếu cứ tiếp tục “vắt tim gan ra” thì sẽ nguy hiểm đến tính mạng, nhưng bố tôi nói nếu để được sống lâu mà phải ngừng không được sáng tác nữa thì có khác gì đã chết! Nếu như vậy thì sống lâu làm gì, sáng tác tức là đã rồi và sự sống đó mới là bất tử.

Ngay cả vào những quãng thời gian cuối đời vẫn say mê với đũa con tinh thần: Tờ tuần báo Tao Đàn Thi nhân số đầu được ra mắt bằng tất cả sự chau chuốt của ông. Rồi ông phải vào bệnh viện, nhưng vẫn không quên lo cho tờ báo, những chương trình thơ nhạc trên đài phát thanh...

Trên giường bệnh, ông vẫn tiếp tục lo bài vở cho số 2 tờ Tao Đàn Thi Nhân. Một số thân hữu hàng ngày ra vào “tòa soạn” đặt tại...bệnh viện Bình Dân, để phụ ông sắp đặt bài vở. Và trước khi bố tôi ra đi vĩnh viễn, tờ Tao Đàn Thi Nhân đã ra được số 2, ông đã có được tờ báo số 2 bằng tất cả nghị lực trong khi cơn bệnh hoành hành ngày càng dữ dội.

Vài ngày sau, bố tôi ra đi thật thanh thản. Trước lúc mất, ông nằm vắt chân chữ ngũ và ngủ, mẹ và tôi mỗi người một bên, phẩy quạt nhẹ nhẹ, tôi khẽ nhắc chân ông đặt thẳng xuống cho đỡ mỏi. Bố tôi vẫn nằm ngủ yên thật lâu, hơi thở nhẹ dần. Bỗng dưng cả mẹ và tôi đều hoảng hốt ghé sát vào mặt ông, và ông đã nhắm mắt đi vào cơn trường mộng, lúc đó đúng 5 giờ sáng ngày 24.8.1967, để lại niềm đau xót cho gia đình và nỗi tiếc thương cho nền thi ca...

(Nguồn: <http://www.vanvn.net/news/34/2387-dinh-hung--cha-toi.html>)

Chia tay “Tao Đàn” Phan Lạc Phúc

Khi tôi về thành đầu năm 1950, vì một sự tình cờ, tôi gặp Nguyễn Minh Lang, nhà văn mới nổi của Hà Nội. Anh thường đến thăm một hiệu sách đầu phố hàng Giấy để xem tác phẩm mới xuất bản của mình (cuốn Cỏ dại?) được đón nhận ra sao? Nhà ông bác tôi ở gần đó; tôi mới hỏi cư hay đến hiệu sách xem “nhờ” sách báo, một đặc ân của H., cô chủ cửa hàng dành cho một tên “vừa đi kháng chiến về”.

Những tên này thường mang dấu hiệu của thất cơ lỡ vận, người gầy ốm (có khi còn sốt rét chưa khỏi) quần áo nhôm nhoam, mặt mũi xác xơ, ngờ ngác. Cô chủ cửa hàng, không đi tản cư nên thèm nghe những chuyện “ngoài bụng”. Tôi được quen cô H. là vì thế. Một bữa, H giới thiệu tôi với Nguyễn Minh Lang (NML); thấy tôi thuộc nhiều thơ kháng chiến NML mời tôi tới dự một buổi họp mặt tại một căn gác phố hàng Bông.

Nơi đây là nhà của chị Căn, bà chị của Nguyễn thiệu Giang đã dành một căn gác cho cậu em tiếp đãi bạn bè. Ở đó ngoài NML còn có Thanh Nam, Vũ Đức Vinh, Phan Nghị và một khuôn mặt tôi kính trọng từ lâu: thi sĩ Đinh Hùng. Anh là chef de file của những nhà văn trẻ ở Hà Nội lúc đó. Thời tiền chiến (trước 1945) tôi đã từng say mê “Kỳ Nữ” của anh qua lời giới thiệu nhiệt tình và trang trọng của chủ soái thơ mới Thế Lữ “Một Rimbaud VN”. Theo tôi, anh là nhà thơ tượng trưng (Symbolique) đặc sắc của thi ca tiền chiến:

*... Ôi vô lương trong một phút không ngờ
Ta đã muốn trở nên người vô đạo
Tất cả em đều bắt ta khổ não
Và oán hờn, căm giận đến đau thương*

*Và yêu say mê mệt đến hưng cuồng
Và khát vọng đến vô tình, vô giác... (Kỳ Nữ)*

Anh chỉ vẽ, thúc giục chúng tôi “làm văn nghệ”.

Nguyễn Minh Lang, Thanh Nam, Vũ Đức Vinh đều có tác phẩm trình làng, Phan Nghị với những bài phóng sự nóng bỏng đang là nhà báo “ăn khách”. Đàn anh Đình Hùng một bữa bảo tôi “Viết đi chứ”. Tôi chỉ cười trừ, lảng tránh. Tôi tự nghĩ việc trước thư, lập ngôn là trọng, mình tài sức được đến đâu? Tốt hơn hết là mình chỉ nên là bạn của văn nghệ mà không làm văn nghệ.

Nhưng “chinh chiến đã mang đi bạn bè”.

Năm 1951, Huy Quang Vũ Đức Vinh bị động viên đi khóa 1 Nam Định. Năm sau, 1952 tôi vào khóa 2 Thủ Đức. Dù muốn dù không, chúng tôi đâu còn chọn lựa nào khác. Đi kháng chiến không xong vì cuộc chiến này không phải của mình; người Mác Xít Lê Nin Nít chiến đấu cho chủ nghĩa của họ trước khi cho dân tộc. Nhưng chúng tôi có bao giờ muốn “đi lính cho Tây”. Cái “trở đi mắc núi, trở lại mắc sông” của đám thanh niên mới lớn chúng tôi là vậy. Chỉ sau này, khi chúng tôi đã vào Nam theo hiệp định Genève 1954, nền Đệ Nhất Cộng Hòa mới mở ra cho miền Nam VN một tương lai mới, một chủ quyền mới. Thực dân Pháp đã rút hết về nước, người VN từ vĩ tuyến 17 trở vào đang có thời cơ thiết lập một nhà nước có Độc Lập, Tự Do thật sự. Mọi người nô nức trước sự khai sinh nền Đệ Nhất Cộng Hòa của chí sĩ Ngô Đình Diệm.

Đàn anh Đình Hùng và những người bạn tôi ở Sài Gòn đang đứng trong hàng ngũ những người góp tay xây dựng chính quyền mới. Theo lời nhà thơ Thái Thủy người duy nhất trong ban biên tập Tao Đàn còn sót lại ở Mỹ bây giờ, chưa bao giờ Đài phát thanh quốc gia đầu đường Phan Đình Phùng (ngày xưa là đường Richaud) quy tụ được đông đảo anh em văn nghệ sĩ đến như thế. Nghệ sĩ cải lương, tân, cổ nhạc, kịch nói, kịch thơ, hát bội; các nhà văn nhà thơ tới viết bài bình luận hay hội thảo bàn tròn. Các đài của Pháp cũ như Pháp Á, Con Nhạn đã đóng cửa nhưng có mật lệnh từ dinh Độc Lập tới bộ Thông Tin (ông Trần Chánh Thành) là không để một nghệ sĩ nào “mất việc”.

Giám đốc đài lúc đó ông Đoàn Văn Cầu, nguyên Văn Hóa vụ trưởng, cánh tay mặt của ông Trần Chánh Thành đã cố gắng biến đài phát thanh quốc gia thành một trung tâm “văn hóa”.

Ngoài việc sắp xếp công việc cho văn, nghệ sĩ ông còn tìm cách tăng thù lao cho anh em. Ban Tao Đàn ngày ấy mỗi tuần trình diễn sáu lần chỉ trừ Thứ Bảy (có tuồng cải lương), đồng bạc VN lại đang có giá nên lương tiền anh em rất khá. Ngày ấy, nhạc sĩ Ngọc Bích và nhà thơ Thanh Nam trong ban Tao Đàn là tác giả của bài “Suy tôn Ngô Tổng Thống” nên chắc thù lao hậu hĩ. Nhà thơ Đình Hùng mới đùa anh em làm một đôi câu đối như sau:

Tậu xế Simca, Ngọc Bích suy tôn tổng thống

Mua nhà phố chệt, Thanh Nam truất phế bù nhìn.

Từ đó về sau, đài phát thanh quốc gia (lúc ấy chưa có TV) không đơn thuần là một cơ quan thông tin mà còn được coi là “hàn thử biểu” của tình hình.

Chức vụ Giám Đốc đài phát thanh (sau này có lúc tự trị lên hàng Tổng giám đốc) là một chức vụ “nhạy cảm” có tính cách chính trị hơn là kỹ thuật. Anh em trong nghề “báo nói” có truyền tai với nhau rằng “trong số khá đông những nhà Giám Đốc phát thanh có ba người để lại dấu ấn khó quên. Đầu tiên là ông Đoàn Văn Cầu thời Đệ Nhất cộng Hòa vừa kể. Ông là người hết lòng lo cho anh em nghệ sĩ. Người thứ hai là GS Nguyễn Ngọc Linh. Ông là người có những cải tổ về nhân sự. Ông và bào đệ GS Nguyễn Ngọc Phách đã mở những lớp huấn luyện căn bản đào tạo phóng viên có tính cách chuyên môn cao. Có lẽ đây là tiền đề cho hai ông sau này mở phân khoa báo chí tại trường đại học làm nhẹ đi phần nào cái xức danh “làm báo nói láo ăn tiền”.

Người thứ ba đưa phát thanh lên một tầm cao mới là Huy Quang Vũ Đức Vinh người anh em cũ tại căn gác phố hàng Bông Hà Nội, là thành viên biên tập ban Tao Đàn xưa, người đã đưa đài phát thanh quốc gia lên qui chế tự trị (tách ra khỏi bộ Thông Tin); nhưng cái đáng kể là thời kỳ Vũ Đức Vinh tin tức nhanh hơn, đáng tin hơn. Đây cũng là thời gian xuất hiện những nhà báo trẻ đầy tự tin vào chức nghiệp của mình như Vũ Ánh, Nguyễn Thiên Ân, Lê Phú Nhuận, Nguyễn Mạnh Tiến...

Trong những tháng ngày ở với Thanh Nam trong ngõ Nancy (Phan văn Trị) lúc rảnh rỗi, tôi thường theo anh em, bè bạn lên đài phát thanh xem ban Tao Đàn trình diễn. Trước ngày thu khoảng một ngày, anh Đình Hùng trưởng nhóm mới ngõ ý với Thái Thủy thư ký của ban biên tập là trong chương trình sắp tới Đình Hùng, Thanh Nam, Huy Quang (đôi khi cả Tô Kiều Ngân nữa) mỗi người “nói” bao nhiêu phút, đề tài gì; thư ký Thái Thủy sau khi thiết lập bảng “phân công” có bốn phần sửa soạn sẵn một số bài vở dự trữ để nếu cần “lấp khoảng trống” (bouche trou) và tham khảo với anh Đình Hùng về việc đề nghị nghệ sĩ diễn ngâm cho từng bài.

Ngày ấy kỹ thuật thu thanh còn thô sơ nên trách nhiệm của nghệ sĩ khá nặng nề. Vào phòng thu âm, đèn đỏ bật lên (on air) là nghệ sĩ trình diễn thẳng (vivant) từ đài phát thanh tới thính giả. Một lời đã nói ra rồi là “Nhất ngôn ký xuất, Tứ mã nan truy”, hay dở, đúng sai gì cũng không thể nào sửa chữa được nữa; không như bây giờ, kỹ thuật tân tiến, nghệ sĩ, ca sĩ thu thanh trước vào băng, đĩa, chuẩn bị thật chu đáo, o ép từng câu, từng chữ cho thật vừa ý rồi đến giờ, bấm máy phát đi. Vì vậy nên ngày nay có hiện tượng ca sĩ “nhép” tức là trình diễn trước khán, thính giả hàng nghìn, hàng vạn người mà chỉ “nhép” môi, băng, đĩa đã hát thay cho ca sĩ.

Tiện lợi thì thật là tiện lợi nhưng nó mất đi một cái rất quý, cái thật. Đây là máy hát, không phải là người hát. Đứng về phương diện bản lĩnh, người nghệ sĩ một mình đứng trước cử tọa nó chứng tỏ sự tự tin, nếu không muốn nói là hào khí của người làm nghệ thuật trong khi người ca sĩ “nhép” đã tự rút lui, nhờ kỹ thuật hành nghề giúp. Nhưng huy chương nào cũng có mặt trái của nó.

Ban Tao Đàn năm ấy (1956) đã lâm vào một tình trạng nguy cơ khi trình diễn “vivant” trên đài. Buổi trình diễn khá quan trọng vì là đêm Giao thừa, Ban Tao Đàn kiểm điểm lại qua thi văn những thành tựu của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, Hiến Pháp 26/10 vừa ban hành, một triệu người di cư đã bắt đầu an cư lạc nghiệp, tình trạng sứ quân đã bị dẹp tan, chí sĩ Ngô Đình Diệm đang mở ra một thời cơ đầy hứa hẹn cho miền Nam vĩ tuyến 17. Bài suy tôn Ngô tổng thống muôn năm đang được hát khắp nơi.

Trong chương trình đêm ấy có bài thơ (của nhà thơ Dương Vy Long thì phải) nói lên sự nô nức của phong trào “Cộng đồng đồng tiến” do dinh Độc Lập khởi xướng. Bài thơ có câu “Chúng ta mang hình Ngô lãnh tụ đi đâu”.

Một nhà ngâm thơ nữ (tôi không còn nhớ được tên) không biết vì hào hứng quá hay mãi lo ra vì Giao Thừa sắp đến nên bỏ quên cái dấu huyền trong chữ cuối của câu thơ. Câu thơ đang ở thể khẳng định một phong trào đang lớn mạnh bỗng rơi vào một tình thế tiêu cực vu vơ: “chúng ta mang hình Ngô lãnh tụ đi đâu?”

Chỉ một cái dấu huyền thôi nó đảo ngược hết ý của bài thơ.

Trong cái thế nhà nước đang xây dựng một nền cai trị “độc tôn”, ban Tao Đàn trong một chương trình cả nước nghe lại hỏi rằng “Chúng ta mang hình Ngô lãnh tụ đi đâu” thì nó vừa phạm thượng vừa vô chính phủ một cách cực kỳ. Câu thơ vừa ngâm xong trưởng ban Đình Hùng và ban biên tập “toát mồ hôi” (dù đang trong phòng lạnh). Đình Hùng ra dấu là anh em không nên nhắc đi nhắc lại chuyện này, hi vọng là thính giả không để ý, quên đi trong đêm Giao Thừa nhiều cuộc vui, nhiều tiếng động. Nhưng khi ban Tao Đàn vừa trong phòng thu âm bước ra, tình hình bên ngoài đã cho thấy là bất tường. Cảnh Sát sắc phục đã có mặt cùng với ông cò

quận 1, ông cò Quyền và ông Giám Đốc phát thanh Đoàn Văn Cầu. Toàn ban Tao Đàn lên xe “bít bùng” về bót quận 1.

Ông Đoàn Văn Cầu nói anh em cứ yên trí, ông sẽ tới sau. Tới quận 1, ông cò Quyền nói rằng: chỗ anh em quen biết cả nhưng ông phải thừa hành lệnh của Dinh Độc Lập, từ ông Chánh văn phòng ông Cố Vấn (Ngô Đình Nhu) trung tá Phạm Thu Đường. Đàn anh Đình Hùng có quen biết ông Trung tá Đường nên mới bắt phone nói chuyện.

Ông Đoàn Văn Cầu sau khi tường trình với ông Tổng trưởng Trần Chánh Thành cũng tới xin ông trung tá Đường bỏ qua, nguyên do chỉ vì bất cần của một nghệ sĩ. Cũng may là chuyện này chưa tới tai “Ông cụ” hay ông cố vấn nên mới dàn xếp được.

Anh em trong ban Tao Đàn nhớ mãi chuyện “mang hình Ngô lãnh tụ đi đâu” vì gần đến Giao Thừa anh em mới về được tới nhà. Hú vía.

báo Tự Do giữ mục “Đàn ngang cung” (sau này do nhà thơ Hà thượng Nhân phụ trách) đã ký tên Thần Đăng (cây đèn thần hay cây đèn dầu lạc).

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa phong trào bài trừ tử đồ tường lên rất mạnh, các “tiên ông” bị bố thường xuyên.

Đình Hùng vì quảng giao, anh em, đệ tử nhiều, vắc “bazoka” đi bắn nhiều nơi, nhiều chỗ nên hay bị phú lít hỏi thăm sức khỏe. Vũ Đức Vinh, Thái Thủy và tôi đã hơn một lần tới các quận Cảnh Sát “lãnh” đàn anh ra. Sau này, có tuổi một chút, anh mới ít đi giang hồ vật, nằm hít ở nhà. Bàn tĩnh ở giữa, chung quanh là từng chồng sách, báo.

Nhà anh đường Trần Văn Thạch, cạnh chợ Tân Định, trèo một cái cầu thang bằng gạch mới lên tới nơi. Anh càng có tuổi, người càng nhỏ lại. Nhiều khi khó tìm thấy anh trong đồng sách, báo càng ngày càng rậm rạp. Vì phải viết nhiều, cho Tao Đàn, cho các báo nên anh phát triển mạnh mẽ khả năng vừa nằm vừa viết của anh.

“Bạn hít của anh là ai?” một bữa tôi mới hỏi Thái Thủy. Thư ký của ban Tao Đàn trả lời:

“Tôi nói chuyện này, ông tin hay không tùy ông nhưng đó là chuyện thật. Khi anh Đình Hùng mất được vài tháng (1967) chị Đình Hùng mới bảo tôi tới dọn dẹp hộ đồng tài liệu, sách báo nơi anh Đình Hùng thường nằm viết ngày xưa; vất vả lắm mới xong. Khi dọn dẹp, rũ từng chồng sách vở, tôi thấy hàng mấy chục con thạch sùng chết khô từ đó rơi ra. Đó là những bạn hít không biết nói của đàn anh đấy”...

Cuối năm 1956 và đầu năm 1957 một số anh em ở nhà Thanh Nam trong ngõ Nancy (Phan Văn Trị) lấy vợ (Vũ Quang Ninh, Phan Lạc Phúc) dời bỏ nơi này. Buồn tình mấy nhà “độc thân dai dẳng” (célibataires endurcis) mới dọn nhà sang khu Nguyễn Thiện Thuật một thời gian rồi kéo nhau lên đóng trụ tại building Cửu Long đường Hai bà Trưng. Bồng trên building nó nhỏ như cái lỗ mũi mà lại ở những 3 người (Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư) nên không còn chỗ cho anh em hội họp; “vũ sư” Hoàng Thư không còn khả năng tập múa “Trấn thủ lưu đồn”. Thời gian này (cuối thập niên 50 đầu 60) chúng tôi có một nơi tập họp không kém phần ấm cúng: nhà mới của Phạm Đình Chương, trong một con hẻm rộng đường Võ Tánh (Frères Louis cũ) đằng sau tòa đại sứ Phi Luật Tân gần chợ Thái Bình.

Sau vụ Khánh Ngọc, đại gia đình Hợp ca Thăng Long phân tán không còn ở trong căn biệt thự lớn đường Bà huyện Thanh Quan nữa. Phạm Duy, Thái Hằng đem gia đình đi ở nơi khác; Phạm Đình Chương đưa con nhỏ và thân mẫu về khu nhà mới cùng với đôi tài danh đang lừng lẫy, Thái Thanh, Lê Quỳnh (Ý Lan bấy giờ mới chập chững biết đi).

Chính tại ngôi nhà này chúng tôi Thanh Nam, Mai Thảo, Thái Thủy và tôi cuối tuần thường đến “hầu bài” bà thân của Chương để được ăn những bữa cơm nhớ mãi: canh cua rau đay, cà pháo, đậu rán (Chắc cũng ít người biết Thái Thanh, giọng hát vượt thời gian cũng là người nấu món ăn dân tộc rất cừ).

Những ngày lễ, Tết chúng tôi cũng thường đến nhà Chương ăn nhậu. Thời kỳ này, Ngọc Bích đã dời khỏi Tao Đàn, người thay thế anh chơi piano là họ Phạm.

Lúc này Chương rất gần gũi tác giả Mê Hồn ca. Đây là thời cơ xuất hiện bản tình ca trác tuyệt Mộng dưới hoa: “Chưa gặp em anh đã nghĩ rằng, Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng...” thơ Đinh Hùng, nhạc Phạm Đình Chương.

Tết nào cứ vào mừng hai là chúng tôi tụ họp tại nhà Phạm Đình Chương vui Xuân, đón Tết. Bà thân Chương và Thái Thanh làm đủ mọi thức ăn dân tộc, cổ truyền: bánh chưng, bánh tro, thịt đông, dưa chua, giò mỡ, giò nạc, bún thang... cũng như tổ chức mọi thứ trò vui trong nhà rút bắt, đánh chắn, cá ngựa, bầu cua cá cọp, ai thích món nào, chơi món đó.

Quá nửa buổi rồi, Thái Thanh kêu gọi mọi người nghỉ tay ăn “thang” cho nóng.

Nhìn đi nhìn lại không thấy anh Đinh Hùng đâu? Tôi mới đi ra sân trước nơi đậu xe xem có Đinh Hùng ngoài đó không. Từ khi dọn về đây ẩn dật Chương chán đời, ăn mặc xuề xòa, đi dép không quai lệt xệt, để một hàm râu mép chàm rậm, rậm rịt ;tụi tôi mới có một tên mới để gọi Chương “râu kềm”. Râu kềm đang phóng túng hình hài, ít ăn ít nói hẳn đi, mà có nói cũng thường “hừ” một tiếng giọng mũi. Một nhát chém hư vô đã làm thay đổi Phạm Đình Chương. Trước đây Chương có chiếc xe Studebaker dài thông, rất à la mode, bây giờ Chương đổi xe, đi một chiếc 203 xập xệ. Tôi nhìn vào chiếc 203 thấy Đinh Hùng đang ngoẹo đầu nằm ngủ trên băng sau. Đàn anh chắc uống khá nhiều vừa rượu ta, vừa rượu tây nên thiếp đi chưa kịp dậy. Anh ngủ rất say, như chìm vào một cơn mộng nào sâu thẳm. Sợ ở ngoài này gió máy, tôi lựa thể ôm anh vào trong nhà. Đàn anh càng ngày càng nhỏ đi, anh nặng chắc không quá 40 kí. Vào tới nơi, đặt nằm xuống rồi anh vẫn còn chưa tỉnh. Một vài ngọn tóc xõa xuống mặt, tôi khẽ vén lên. Anh nằm ngủ bình yên miệng hơi hé ra.

Tôi chợt nhớ hai câu thơ của anh tôi yêu thích từ hồi tiền chiến “Thèm ăn một chút hương man dại, Và ngủ như loài muông thú kia”. Ở gần anh bao nhiêu năm nhưng lúc ấy tôi nghĩ là tôi gần anh nhất. Anh thèm ăn mọi thứ “thực phẩm trần gian” (nourritures terrestres), bây giờ anh ngủ như một động vật đơn sơ, thẳm lặng.

Thời gian trôi đi 1960-1967. Đã bao nhiêu nước chảy dưới chân cầu, bao nhiêu sự kiện trọng đại đã xảy ra tại miền Nam vĩ tuyến 17. Anh em tổng thống Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu bị thảm sát, Đệ Nhất Cộng Hòa kết thúc tức tưởi, Việt Cộng nổi dậy khắp nơi, chế độ quân nhân tạm thời cầm quyền xây dựng nền Đệ nhị Cộng Hòa. Chủ soái ban Tao Đàn, thi sĩ Đinh Hùng đang thoi thóp trong nhà thương Bình Dân với căn bệnh trầm kha ung thư bao tử, thời kỳ cuối. Anh được vô đây điều trị là nhờ sự đích thân can thiệp của Giáo sư bác sĩ Phạm Biểu Tâm. Nhưng ung thư là bệnh nan y, các y, bác sĩ dù tận tâm đến đâu cũng “chữa được bệnh, không thể chữa được mệnh”. Thân nhân, bạn bè đều rõ là những ngày cuối của anh sắp tới. Lúc đó Huy Quang Vũ Đức Vinh người bạn xưa “Chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ”, thành viên cũ ban Tao Đàn đang là Tổng giám đốc hệ thống phát thanh quốc gia.

Kẻ viết bài này đang phụ trách biên tập cho tờ Tiền Tuyến cơ quan ngôn luận của Quân Lực. Một buổi sáng đầu mùa thu năm 1967, Huy Quang hốt hoảng gọi cho tôi: “Anh Đinh Hùng mất rồi, tôi cho xe sang đón; chúng ta phải tới nhà thương Bình dân ngay”.

Chúng tôi tới bệnh viện hồi 10 giờ sáng, cái nắng cuối mùa hè vẫn còn gay gắt. Anh đã được chuyển từ phòng bệnh xuống “nhà xác”. Chúng tôi đang đi bộ tìm đường bỗng nghe một tiếng khóc ré lên “Chú Vinh ơi, chú Phúc ơi, anh Hùng anh ấy chết rồi”.

Từ một gốc cây, chị Đinh Hùng đầu tóc rối bù, áo quần sốc xếch chạy ra, vừa khóc vừa chỉ tay: “Anh ấy nằm ở trong kia kia”. Lại phải đi tìm ông “gác gian” lấy chìa khóa nhà xác. Lúc ấy có một người anh em, cựu thành viên Tao Đàn tìm đến, bạn Thiếu Lang.

Mở cửa bước vào thấy trên một cái bệ xi măng có một “brancard” sắt, trên brancard có thi thể anh Đinh Hùng nằm đấy. Năm xưa ở nhà Phạm Đình Chương anh đã nhỏ bé rồi, bây giờ anh còn ngót lại nhiều hơn nữa, nằm không đầy nửa cái brancard. Thiếu Lang quay sang hỏi chị

Đình Hùng và chúng tôi: “Đã có ai đem tiền đi đường cho anh ấy chưa?” Không ai hiểu câu hỏi của Thiếu Lang. Anh vội nhìn xuống, nhìn vào miệng Đình Hùng còn mở hé mà nói rằng “Giúp tôi một tay”. Bằng một chiếc đũa Thiếu Lang cạy miệng người vừa mất để vào ít đồng tiền kẽm mà nói: “Để anh đi đường tới cõi siêu sinh tịnh độ”. Thiếu Lang có mang theo một bó nhang nhưng trên bệ xi măng không có chỗ nào thắp hương cả. Anh nhìn quanh quẩn thấy ở góc phòng có một vỏ chai xá xí; anh liền bật lửa thắp nhang cắm vào vỏ chai xá xí vừa khấn vừa vái: “Xin anh sống khôn chết thiêng phù hộ cho gia đình, cho anh em, bè bạn”. Tôi cúi xuống chiếc brancard, như năm trước gỡ một vài ngón tóc vừa xoa xuống mặt anh vừa nói “Xưa anh ngủ một giấc trưa, bây giờ xin anh ngàn thu an giấc”.

Không biết giờ này có ai còn nhớ Thiếu Lang?

Anh chơi kịch từ hồi còn ở Hà Nội trong ban kịch Tiền Phong, trình diễn các vở Bông hồng dại, Lôi vũ, Nhật xuất (kịch Trung Hoa chuyển sang tiếng Việt). Anh người cao lớn, bậm trợn, nhân dáng như nhân vật Lỗ đại Hải trong Lôi vũ của Tào Ngưu. Vào Nam, khí hậu nóng quanh năm, trường kịch không có đất dựng vở, Thiếu Lang quay sang chơi kịch ngắn cho phụ diễn tân nhạc và ngâm thơ cổ cho ban Tao Đàn. Anh là người ngâm Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác rất có hào khí. Nhưng cái đáng kể về Thiếu Lang, theo tôi, lại ở chỗ khác.

Anh là người rất quý anh em. Bất cứ ai trong “làng” có việc, nhất là việc buồn là có Thiếu Lang ngay. Như trường hợp anh Đình Hùng vừa mất, tại sao anh biết tin sớm vậy? Có mặt ngay tại nhà thương Bình Dân từ đầu với những đồng tiền kẽm để người vừa khuất “có tiền đi đường”. Anh cũng là người đầu tiên thắp nhang khấn vái Đình Hùng.

Trước đây, trong đám táng anh Tchya (Đái Đức Tuấn), anh Từ Chung (Chính Luận) bị ám sát, con trai anh Chu Tử (Sóng) lia đời sớm... đều thấy Thiếu Lang vất vả chạy đi, chạy lại. Anh là người tự nguyện cùng tang gia chia sẻ mọi điều bối rối. Anh cũng là người ưa tiếp đãi bạn bè. Nhà anh ở một con ngõ nhỏ gần đường Hiền Vương (chỗ phở gà); chúng tôi (Đình Hùng, Mai Thảo, Thanh Nam, Vũ Khắc Khoan và tôi) thường đến đây uống rượu thuốc ăn “giả cầy” những khi Sài Gòn se se lạnh. Nhà anh nhà ống, khá chật nhưng Thiếu Lang rất hào hứng đón tiếp anh em.

Khi tôi đi tù cải tạo về Sài Gòn năm 1985, một bữa tôi có ghé khu Hiền Vương tìm nhà Thiếu Lang thì biết tin gia đình anh không còn ở đây nữa, đi kinh tế mới không rõ ở đâu; ông chủ nhà Thiếu Lang mất đã mấy năm rồi. Tôi trở thành người xa lạ trong thành phố thân yêu của mình. Không biết khi Thiếu Lang mất có ai đưa anh mấy đồng tiền kẽm để anh đủ tiền đi tới cõi siêu sinh tịnh độ?

Trở lại với cái chết của đàn anh Đình Hùng năm 1967.

Phút lâm chung của anh trong nhà thương Bình Dân thật là tẻ lạnh nhưng đám táng của anh sau đó lại rất là trọng thể. Nhà thơ tượng trưng đặc sắc của VN, chủ soái ban thi văn Tao Đàn, tác giả Đường Vào Tình Sử tác phẩm được phong tặng hạng nhất trong giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật năm 1961 vừa từ trần.

Đây không chỉ là một sự mất mát lớn cho văn học mà còn là một sự thiếu vắng đáng kể trong xã hội. Không còn nghe tiếng sang sảng của anh trên Tao Đàn, không còn giọng thơ trác tuyệt của anh trên báo chí. Anh cũng còn là một nghệ sĩ đầu đàn về trình diễn cũng như sáng tác có rất đông bạn hữu gần xa. Nhiều người yêu mến anh không chỉ về tài năng mà còn về tính nết. Anh là mẫu “công tử Hà Nội xưa” còn sót lại. Da trắng, tóc dài, môi đỏ như son, lúc nào cũng veston, cravate chỉnh tề. Phái nữ dính theo anh không phải là ít mà, theo chỗ tôi được biết, anh cũng hân hoan đáp ứng. Nhưng chưa bao giờ chúng tôi thấy chị Đình Hùng tỏ ý phản nản về thái độ của anh. Anh là người “tề gia” giỏi hay chị sẵn sàng sống theo lẽ lối xưa?

Như đã thưa trong phần trước, anh thuộc dòng “phi yến thu lâm” (phiện thú lâm) nhưng anh khác người, rất hào sảng, không tính toán chi li. Anh ngồi Pagode hay Câu lạc bộ Văn Nghệ (đường Tự Do thời đàn anh Phạm Xuân Thái làm chủ quán) là xung quanh thường có khá đông

thân hữu. Khi đứng dậy anh thường là người vui vẻ đóng vai “ông anh chi tiền”. Anh viết nhiều, làm nhiều nhưng không bao giờ giàu, cả đời đi ở nhà thuê.

Tin anh mất được đài phát thanh loan báo rộng rãi, các báo không phân biệt địa phương, đường lối đều đăng lời ai điếu trang trọng, chân thành. Riêng TIỀN TUYẾN (do kẻ viết bài này phụ trách biên tập) đi ảnh và tin anh mất trên trang nhất coi như một tin xã hội quan trọng. TIỀN TUYẾN còn đặc biệt ra một số báo “Tưởng niệm ĐINH HÙNG”.

Theo lời đề nghị của người bạn viết Hoàng Hải Thủy, thư ký tòa soạn, trong số báo đặc biệt ấy trang hai và ba, nơi thường lệ đăng các bài “năm” (truyện dài, điều tra, nghiên cứu...) đều tạm ngưng để lấy chỗ cho các anh em văn nghệ trong và ngoài tòa soạn viết “lời tiễn biệt” nhà thơ lớn vừa nằm xuống.

Người lo lắng nhiều nhất cho đám táng anh Đinh Hùng bên ngoài là Vũ Đức Vinh, người bạn cũ “chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ”, cựu thành viên Tao Đàn, bây giờ đang là tổng giám đốc hệ thống phát thanh quốc gia; nhờ Vũ Đức Vinh, anh Đinh Hùng được an táng tại nghĩa trang “quí phái” Mạc Đĩnh Chi.

Bên trong, người sát cánh với chị Đinh Hùng lo liệu mọi chuyện là thư ký ban Tao đàn, nhà thơ Thái Thủy. Đám táng rất đông người đi đưa, các nhà văn, nhà báo, các nghệ sĩ trình diễn, các thân hào, nhân sĩ. Lễ di quan bắt đầu từ bệnh viện Bình Dân, đường Phan Thanh Giản. Đầu đám táng đã đi đến khu ngang chùa Xá Lợi, đuôi đám táng vẫn chưa rời khỏi nhà thương. Đến nghĩa trang đã vào khoảng gần trưa. Quan tài anh được đưa xuống, đặt trên đòn ngang trên miệng huyệt, chờ đợi những nghi lễ sau cùng. Một người áo dài thâm, tóc xõa xuống, mặt tái nhợt ra đứng trước quan tài, kêu lên một tiếng khản đặc: “Đinh Hùng, Đinh Hùng”. Tiếng kêu vừa linh thiêng, vừa xúc động như từ một cõi âm nào vọng đến.

Người ấy là nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Anh Chương vừa réo gọi một người bạn thơ vừa từ biệt cõi đời, vừa kêu tên một người em vừa tạ thế. Chị Oanh, bà Vũ Hoàng Chương là chị ruột anh Đinh Hùng. Tôi không còn nhớ được anh Chương, sau đó Huy Quang Vũ Đức Vinh, rồi nhà thơ Phổ Đức (người tiếp tục Tao Đàn) đã nói những gì. Thần trí tôi hoàn toàn bị ám ảnh bởi tiếng kêu vừa linh hiển, vừa bi thiết của nhà thơ lớn Vũ Hoàng Chương.

Sau phần nghi lễ, bắt đầu hạ huyệt. Đòn ngang được kéo ra, quan tài theo thang giầy, từ từ hạ xuống. Giầy đã kéo lên. Chị Đinh Hùng, các cháu Đinh Hoài Ngọc, Đinh thị Hương, cháu nhỏ Đinh Hoàng Kim tiến lên, ném những hòn đất tiễn biệt. Bạn bè, thân hữu cũng làm theo. Tôi vội ném xuống tờ báo “Tưởng niệm Đinh Hùng”. Tờ báo chẳng bao lâu, khuất lấp dưới những nắm đất mỗi lúc thêm dày đặc. “Thu ối, đánh thức hồn ma dậy” bây giờ không ai đánh thức anh được nữa. Anh đã nằm yên dưới đáy mộ sâu.

Phụ đính:



Đinh Hùng

Gửi người dưới mộ

Trời cuối thu rồi -- Em ở đâu ?
Nằm bên đất lạnh chắc em sầu ?
Thu ơi ! Đánh thức hồn ma dậy,
Ta muốn vào thăm nắm mộ sầu.

Em mộng về đâu ?
Em mất về đâu ?
Từng đêm tôi nguyện, tôi cầu,
Đấy màu hương khói là màu mắt xưa.

Em đã về chưa ?
Em sắp về chưa ?
Trăng sao tắt, ngọn đèn mờ
Ta nằm rỏ lệ đọc thơ gọi hồn.

Em hãy cười lên vang cõi âm,
Khi trăng thu lạnh bước đi thẳm.
Những hồn phiêu bạt bao năm trước,
Nay đã vào chung một chỗ nằm.

Cười lên em !
Khóc lên em !
Đâu trăng tình sử,
Nếp áo trần duyên ?
Gót sen tổ nữ
Xôn xao đêm huyền.
Ta đi, lạc xứ thần tiên,
Hồn trùng dương hiện bóng thuyền U Minh.

Ta gọi bài thơ anh linh,
Hỏi người trong mộ có rùng mình ?
Nắm xương khô lạnh còn ân ái ?
Bộ ngực bi thương vẫn rợn tình ?

Hỡi hồn tuyết trinh !
Hỡi người tuyết trinh !
Mê em, ta thoát thân hình,
Nhập hồn cây cỏ, đa tình mỗi đêm.

Em có vui thêm ?
Em có buồn thêm ?
Ngồi bên cửa mộ,
Kể cho ta biết nỗi niềm.

Thần chết cười trong bộ ngực điên,
Ta nghe em thở tiếng ưu phiền.
Nỗi lòng xưa dậy tan Thanh Vắng.
Hơi đất mê người -- Trăng hiện lên.

Một trăm ngọn nến Nguyễn Tường Thiết

Tên chủ nhà ghi trên tấm bảng đồng gắn phía trước cửa khiến tiếng gõ của tôi thêm mạnh dạn. Bên trong có tiếng giầy dép khua động. Rồi cửa mở. Chủ nhà, một người nhỏ thấp, giơ bắt tay tôi rồi ra hiệu mời tôi theo anh ta lên gác. Tôi bước lên một chiếc cầu thang gỗ. Ở đầu cầu thang nhìn qua một gian phòng rộng trên gác tôi thấy khoảng vườn cây xanh của một công viên nhỏ trước nhà sau một cánh cửa sổ mở rộng, khoảng trống tươi mát rất hiếm quý của Hà Nội bây giờ.

Tôi bước vào một phòng lớn trông như một thư viện. Một tủ sách rất rộng và cao chiếm nguyên một vách tường dài. Tủ gỗ đánh véc-ni bóng, sau ngăn kính những cuốn sách dày cộm xếp ngay ngắn, trang trọng. Nhìn qua gáy tôi thấy có rất nhiều sách chữ Hán.

Giữa phòng là hai cái bàn phủ khăn trắng đặt liền nhau, trên để những chai rượu bia và đĩa đựng trái cây. Chủ nhà xếp tôi ngồi nơi một chiếc ghế đặt ở đầu bàn. Tôi nhìn hai dãy ghế trống dài ở hai bên bàn, nói với chủ nhà:

– Anh bắt đầu làm tôi lo đấy. Tưởng đến thăm anh nói chuyện một lát thôi, không ngờ anh làm to chuyện quá.

Anh ta khẽ mỉm cười, nheo cặp mắt sáng sau cặp kính cận, nói:

– Có gì đâu. Nghe tin anh về một số anh em ở đây cũng muốn gặp anh. Vả lại hôm nay là một ngày rất đặc biệt, ngày sinh thứ 100 của Cụ. Chúng tôi cũng muốn làm cái gì để tưởng nhớ Cụ. Anh cứ tự nhiên nhé. Các anh em cũng sắp tới cả bây giờ.

Nói xong anh xin lỗi đi xuống cầu thang. Tôi nhìn xung quanh. Bên cạnh tôi trên một chiếc bàn nhỏ có đặt một máy vi tính để mở. Màn ảnh của máy hiện lên bức chân dung màu của bố tôi, bức tranh do họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ.

Ngay trước mặt tôi, trên bàn, đặt một quyển sách rất dày, bìa bọc giấy láng đề TỪ ĐIỂN VĂN HỌC bộ mới, Nhà xuất bản thế giới.

Tôi giờ trang sách. Trên trang giấy đầu dưới hàng chữ in Từ Điển Văn Học là hàng chữ viết tay nắn nót và chữ ký của chủ nhà.

*Bản tặng anh Nguyễn Tường Thiết và gia đình Nguyễn Tường nhân 100 năm ngày sinh cố vấn hào Nhất Linh. Hà Nội 25-7-2006.
Nguyễn Huệ Chi.*

Buổi sáng hôm ấy từ khách sạn Galaxy trước vườn hoa hàng Đậu tôi đạp xe ôm lên Yên Phụ. Chiếc xe hai bánh lườn lách trên đường Thanh Niên trong dòng xe cộ nườm nượp. Đường này xưa kia có tên Cổ Ngư nằm xuyên giữa hai cái hồ lớn của Hà Nội là hồ Tây và hồ Trúc Bạch. Đến cuối đường, vòng qua khách sạn Sofitel, xe vào một con đường nhỏ ôm sát hồ Tây và ngừng lại trước một cái cổng gạch quét màu vôi vàng.

Tôi nhìn lên vòm cổng hình cánh cung đề hàng chữ LÀNG YÊN PHỤ rồi trả tiền bác lái xe thả bộ vào làng trên con ngõ rất hẹp thoải dốc. Mặt ngõ trắng xi măng sạch sẽ. Hai bên những căn nhà gạch nằm ép sát nhau, quét vôi trắng, ngói mái đỏ, hai ba tầng cao. Nhiều nhà trước có cửa song sắt thò ra những chấm đỏ hoa giấy.

Đi vào ngõ khoảng nửa cây số đến một khúc quanh một tấm bảng bằng đá đen đập mắt tôi. Trên bảng có hàng chữ màu vàng ĐÌNH YÊN PHỤ dưới đề “Di tích lịch sử văn hóa. Đã xếp hạng.” Một mũi tên chỉ vào đình nằm phía bên kia ngõ. Ngay khúc quanh một bờ xi măng cong vòng cao bằng đầu gối chắn ngõ với một cái đầm sen.

Khúc đường cong, đình Yên Phụ và cái đầm sen là ba điểm chuẩn giúp tôi định được vị trí ngôi nhà tôi đang tìm, ngôi nhà thời xưa xưa chúng tôi vẫn gọi bằng cái tên thân mật “nhà cây liễu.”

Nhà ấy là nơi tôi đã từng ở những ngày rất thơ ấu, cũng là nơi chú Sáu tôi, nhà văn Thạch Lam đã sống, viết và chết tại đó.

Đứng xoay lưng về phía đầm sen nhìn vào đình Yên Phụ nhà cây liễu nằm sát đình phía tay phải, ngay vị trí khúc đường cong. Trước nhà có bờ tường gạch chạy dài trên là lan can làm bằng những thanh sắt đầu có móc nhọn. Đằng sau hàng lan can ấy lại che đi bằng những tấm tôn sơn màu xanh khiến ở ngoài nhìn vào không thể nào thấy được ngôi nhà bên trong. Cuối bờ tường xây một cổng gạch có mái ngói, giữa cổng có hai cánh cửa sắt cũng sơn xanh đóng kín mít. Theo trí nhớ tôi thì phía sau cổng mé trái là vị trí của một khóm tre. Khóm tre ấy không còn nữa. Nếu còn thì hôm nay tôi phải nhìn thấy nó ló lên cao khỏi bờ tường này. Khóm tre ấy cũng chính là khóm tre mà chú Thạch Lam tôi đã nhiều lần nhìn ngắm và tả những cảm nghĩ của mình trong Theo Giọng “khi thấy các lá tre thổi vút một chiều tôi cảm thấy một vang động âm thầm và kín đáo trong tâm hồn.” Khóm tre ấy chắc là đã bị ai chặt mất từ một thuở nào xa xôi lắm cùng với cây liễu ven hồ Tây yêu quý của chú.

Không một khoảng hở để tôi có thể ghé mắt nhìn trộm vào trong. Tôi đứng ở ngoài tần ngần nhìn cánh cổng và bờ tường một lát rồi tôi quay trở lui, lưỡng lự bước vào đình Yên Phụ ở sát cạnh, mang theo hình ảnh ngôi nhà mà mặc dù tôi đang ở rất gần nó, vẫn nguyên vẹn trong tôi là ngôi nhà cũ kỹ trong tâm tưởng sáu mươi năm trước.

Thửa ấy chúng tôi thường hay sang chơi bên đình Yên Phụ. Tôi còn nhỏ quá không thể nào nhớ hình dáng đình ra sao. Toàn thể khu này chỉ lưu lại trong trí tôi một màu xám nhạt nhạt trong đó hiện lên cái sân gạch bát tràng rộng thênh thang. Tôi bước vào sân đình vắng lặng. Màu xám nhạt thì vẫn còn nguyên đấy, nhưng cái sân gạch bé nhỏ hơn rất nhiều so với ký ức. Trong sân có mấy vại sành lớn trồng những cây mẫu đơn nở hoa đỏ thắm. Tôi đến gần nhìn những đóa hoa này và ngay tức khắc hiện lên trong mắt những chấm đỏ xoay tít. Thì ra tôi đã thấy hoa này rồi, ở đây, thời bé. Hoa mẫu đơn là tập hợp của vô số những cánh hoa bé tí màu đỏ với những cọng hoa li ti hình ống. Chúng tôi thường ngắt những cọng đó rồi luồn một sợi tóc qua ống, thắt một đầu nút và vẽ tròn sợi tóc trên hai đầu ngón tay nhìn những cánh hoa đỏ xoay xoay như một cái chong chóng tí hon.

Không một bóng người. Từ lúc rời khỏi đường Thanh Niên để bước vào làng Yên Phụ những tiếng ồn ào của Hà Nội dường như đứng lại ở phía ngoài cổng làng. Trong tĩnh lặng hình như ngay cả tiếng chim kêu ở đây nghe cũng thanh sắc hơn. Tôi bước qua cái sân gạch. Nhưng thay vì đi thẳng vào đình phía chính diện tôi rẽ tay phải đi qua một cái vườn cây mà tôi đoán sau vườn là hồ Tây. Bước ra khỏi bóng tối của vườn cây mắt tôi lóa đi trong giây lát. Phản chiếu ánh sáng nắng hè mặt hồ Tây như một tấm gương mênh mông bằng nước. Một bờ rộng xi-

măng uốn vòng quanh đình Yên Phụ. Dưới bờ ấy sóng vỗ vào thềm mang theo những cánh bèo trôi rập rình. Tôi đi lần phía tay phải theo bờ nước cho tới lúc tôi không thể nào tiến xa nữa. Một hàng rào bằng lưới sắt ngăn đình Yên Phụ với căn nhà bên cạnh. Từ một bụi rậm nhìn qua lưới tôi lạng người thấy phía sau cửa căn nhà cây liễu cùng với mảnh vườn nhỏ ở ven hồ.

Ngôi nhà cũ của chúng tôi không còn nữa. Trước mặt tôi là một căn nhà gạch hoàn toàn khác, chắc là được xây rất gần đây vì màu nước vôi tường còn mới nguyên. Như vậy là từ hồi chú Sáu tôi ở đấy, căn nhà tranh của chú đã được xây lại hai lần bằng gạch. Tôi không thấy được toàn thể phía sau nhà vì bị chắn bởi một bức tường rộng bằng gạch ở giữa vườn. Tường này có khoét ba cái cửa tò vò lớn lại có mái hiên lợp ngói được xây với mục đích trang trí hơn là thực dụng. Trước là cái vườn nhỏ ngày xưa chúng tôi vẫn chơi đùa. Vườn thoải xuống hồ. Xưa kia chỗ tiếp giáp với nước có cắm một hàng cọc tre lúc nào cũng vương bám những cánh bèo trôi bèo bồng theo sóng vỗ. Những cánh bèo bây giờ vẫn còn đó, lại còn có vẻ dày đặc hơn. Nhưng cây liễu trong tâm tưởng tôi thì biến mất. Chỗ đó bây giờ người ta trồng hai cây cau, giữa hai cây căng sợi dây kẽm phơi quần áo. Những chiếc cánh áo bay phấp phật thay chỗ cho những nhánh liễu xưa kia lúc nào cũng chao nghiêng trong gió.

Một con chuồn chuồn xanh bay vụt trong trí nhớ tôi. Nó sà xuống đậu trên một chiếc lá liễu. Chà, con chuồn chuồn này thật to! Đầu bóng như hòn bi ve. Thằng bé đưa cánh tay thò phía sau đuôi con vật. Chiếc đầu bóng khế nhích một cái rất nhẹ như thể muốn ngoái nhìn phía sau. Thằng bé vội ngừng tay. lát sau nó nín thở phóng tay thật nhanh nắm lấy chiếc cánh mỏng. Tôi còn nhớ lại như in cái cảm giác nháp nháp của những đường gân nhỏ trên cánh con chuồn chuồn áp vào làn da giữa hai đầu ngón tay. Thằng bé vạch bụng mình đưa đầu con vật gần lỗ rốn. Các anh nó nói để chuồn chuồn xanh cắn rốn sẽ biết bơi. Nó thềm biết bơi lắm. Nhưng cái miệng to ngoác của con chuồn chuồn làm nó sợ. Thằng bé tính thả con vật đi nhưng nó bỗng nghĩ ra được một trò chơi. Nó gập hai chiếc cánh chuồn chuồn làm một rồi lấy tay bứt đôi trước khi thả. Con vật với đôi cánh cụt ngắn không bay lên cao được. Nó đâm chúi xuống đám bèo. Thằng bé quên phắt con chuồn chuồn xanh. Mắt nó theo dõi những chấm đỏ bay loảng quảng trên đám bèo: vô số những con chuồn chuồn ớt đỏ chót là xuống nhón đậu trên những cánh hoa bèo tím, những hoa bèo nhấp nhô trên sóng nước mang những chấm đỏ rung rinh. “Nếu mình biết bơi mình sẽ bắt những con chuồn đỏ ấy.” Thằng bé nghĩ thế và nó tiếc đã không để con chuồn chuồn xanh cắn rốn. Không biết bơi như các anh tôi, tôi cùng chị Thoa làm thuyền. Chị Thoa khéo tay lắm. Chị làm thuyền bằng những thân bèo ghép sát nhau giữ bởi những cây tăm cắm xuyên. Một cái đũa tre cắm giữa thuyền, một hai chiếc lá bèo to xuyên qua đũa làm cánh buồm. Chúng tôi làm nhiều thuyền như thế lắm. Nhưng những chiếc thuyền được thả xuống hồ không đi xa được vì thường bị vướng mắc giữa những đám bèo luôn luôn dày đặc ở ven bờ hồ. Chúng tôi phải nhờ các anh lớn bơi ra ngoài thả thuyền ra khơi. Những con chuồn chuồn bay lả trên đám bèo, những cánh bướm bay loảng trên bờ cỏ... Như thế đấy. Vòn vẹn những hình ảnh vật vãnh như thế lưu giữ mãi trong ký ức tôi về căn nhà của người chú... toàn những cái không đáng nhớ.

Nhưng chú Đình Hùng thì khác. Trí nhớ của nhà thơ này mới thật đáng nhớ. Trong cuốn hồi ký viết về những kỷ niệm “chia ngọt sẻ bùi cùng Thạch Lam” chú đã tả quang cảnh nơi tôi đang đối diện này bấy mươi năm trước như sau:

“Tuy là nhà tranh nhưng ngăn nắp sáng sủa, có đủ cửa kính lẫn cửa chớp, có thềm cao, với một khoảng sân nhỏ mấp mé ngay bờ hồ, với cây liễu rũ cành lá xuống nước và khóm tre xào xạc ngoài cổng.”

“Tôi đã ngủ nhiều đêm dưới mái nhà ấy, và canh khuya, khi cái tiếng vọng mơ hồ của thành phố xa xa lắng dần vào không khí óng ả của vùng hồ nước mát rượi, nằm nghe sóng vỗ vào bờ thao thức, nghe hơi thở uyển chuyển của gió lùa qua khóm tre, tôi cảm thấy những thời khắc đó thật đáng quý, khung cảnh thật dịu lành mà quyến rũ, và tôi thán thía tại sao Thạch Lam

không muốn đổi ngôi nhà tranh của anh lấy bất cứ một lâu đài dinh thự nào...”

“Những người bạn văn nghệ mà tôi thường gặp ở nhà Thạch Lam dạo đó là: Nhất Linh, Khái Hưng, Trần Tiêu, Thế Lữ (cùng cả vợ nhỏ là nữ kịch sĩ Song Kim), anh bạn thơ Huyền Kiêu, Nguyễn Tường Bách, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tứ, đôi khi Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, và một lần, Nguyễn Tuân, một lần Nguyễn Đỗ Cung...”

“Tất cả những người kể trên đều đã có lần tụ họp tại nhà Thạch Lam, thường thường quanh mâm rượu, thỉnh thoảng quanh chiếu tổ tôm hay cạnh khay trà. Ở địa vị chủ nhân tác giả Hà Nội băm sáu phố phường thực đã xứng đáng với cái danh ‘Hào sĩ’ mà chúng tôi tặng anh.”

“Tôi không bao giờ quên được bữa rượu hội kiến đầu tiên có mặt Nhất Linh, Thế Lữ, Huyền Kiêu, Thạch Lam...”

Từ trong nhà một người đàn bà đi ra bước qua cửa tò vò đến giữa hai cây cau. Người đàn bà túm lấy mấy chiếc áo khô bỏ trong một cái giỏ, lật mặt trái phơi tiếp mấy cái quần tây rồi bỏ đi vào trong nhà. Trong căn nhà ấy... tôi nhìn thấy – qua con mắt của chú Đình Hùng – hình bóng những người thân yêu đã khuất của tôi, bố tôi và các chú.... đang ngả nghiêng đánh chén.

Khuya lắm, tiệc tàn. Bố tôi nằm trên chiếc võng giữa nhà, ê a ngâm thơ. Chú Sáu, chú Đình Hùng và chú Huyền Kiêu thì loay hoay xuống bếp nướng mực và mò gậm giởng lấy dưa chua trong vại ra nhậu... Cho đến rạng sáng, chú Sáu kêu người nhà đi mua thêm đồ nhắm. Bố tôi đã tỉnh ngủ từ hồi nào, ung dung ngồi vào dự tiệc. Trong khi tất cả đều say mềm bố tôi vẫn sung sức dẻo dai như khi bắt đầu uống. Bố tôi có tửu lượng rất cao. Hồi ở Đà Lạt tôi vẫn ngồi ngắm ông uống rượu. Càng uống ông càng ít nói, mặt chỉ tái đi chút đỉnh. Hồi ở bên Tàu – anh tôi kể – “cậu đã từng uống thi whiskey với ba tay lính thủy Mỹ lực lưỡng, ba tay này gục trên bàn rượu trong khi cậu vẫn còn tỉnh như sáo.” Cứ như thế tiệc rượu của bốn người kéo liền một mạch cho đến tận trưa. Tất cả đều say khướt, có lẽ chỉ trừ bố tôi. Chú Sáu và chú Huyền Kiêu rót rượu đầy tràn cả ra ngoài miệng chén.

Bố tôi giằng lấy chai rượu đem giấu vào góc tủ, nói:

– Thôi đấy nhé! Hết rượu rồi. Không ai được uống nữa.

Rồi bố tôi kêu nóng. Ông cởi phăng áo ngoài. Minh trần, quần cộc, bố tôi chạy ra sân, nhảy tùm xuống Hồ Tây bơi ào ào. Khi cách bờ khoảng dặm chục thước ông lớn tiếng nói vọng lên:

– Các tửu đồ! Có hứng thử nhảy xuống hồ này vùng vẫy chơi cho mát!

Chú Đình Hùng cũng thoát y mặc xì-líp nhảy xuống hồ bơi lóp ngóp dưới nước. Bố tôi vung tay vẫy và nhào người bơi thật nhanh về phía chú. Còn cách nhau chừng dặm chục thước, bố tôi bảo chú Đình Hùng:

– Tôi với anh bơi thi từ đây vào bờ, xem ai thắng.

Hai người ra sức thi đua liền. Biết là chú Đình Hùng không bơi giỏi, lại sợ chú còn say, bố tôi bơi kèm sát chú để đề phòng bất trắc. Cả hai về gần tới bờ cùng một lúc. Nhưng bố tôi cố ý bơi thật lại, nhường chú nửa sải tay. Hai người khoác tay nhau bước lên bờ. Rồi bố tôi cúi xuống. Nước hồ chảy trên chiếc lưng rộng của ông...

Chiếc lưng ướt nước...Trí tôi thoáng hiện một kỷ niệm với bố tôi ở Đà Lạt.

Trời nóng. Mấy bố con tôi vừa vào rừng tìm lan và đang đứng phía dưới cửa ngọn thác

Pongour, nơi có một chỗ nước suối khét sâu làm thành một cái vũng lặng. Bố tôi ngồi xuống cát, tháo đôi giày rồi đứng lên cởi áo sơ mi lột áo lót. Ông cúi xuống vén hai ống quần tây lên tận bẹn, quay sang tôi nói:

– Trời nóng quá! Chỗ này nước lặng con có thể tắm được.

Tôi ngần ngại. Trên người tôi mặc độc chiếc quần cộc và áo ngắn tay. Không có cả xi-líp. Năm đó tôi 16 tuổi. Tôi đã qua từ lâu cái tuổi tắm trường. Bố tôi biết ý nói:

– Con cứ mặc quần mà tắm. Trời này thì quần ướt sẽ khô ngay ấy mà!

Tôi cởi áo đi theo bố tôi lội xuống nước. Bố tôi không bơi mà chỉ dầm chân xuống suối ngang đầu gối. Ông cúi xuống hai tay vốc nước suối dấp lên mặt, lên vai, lên lưng. Trước khi nhẩy tùm xuống bơi tôi thoáng thấy trên cái chiếc lưng ướt của bố tôi một cục bướu tròn to bằng cái trứng chim cú nằm ngay giữa xương sống. Chỉ một thoáng thôi nhưng hình ảnh cái cục bướu ấy cứ lẩn cấn mãi trong trí tôi cho tới tận ngày nay. Bố có cục u từ hồi nào? Liệu chú Đinh Hùng có nhìn thấy nó khi ông bơi với bố ở hồ Tây? Bố trần trở ra sao mỗi khi nằm ngửa. Bố có khó chịu không? Vào khoảng đầu thập niên 60 ở Sài Gòn có phong trào các cô gái mặc áo cánh mà khuy cài lại ở phía sau lưng. Bố tôi thấy chị Thoa tôi mặc áo đó thì bình phẩm: “Mặc áo đó thì khó chịu chết, mấy cái khuy cứ cấn sau lưng sao mà ngủ được?” Thế còn cái bướu của bố nó to và cộm hơn mấy cái khuy áo nhiều, thì sao?

Một tiếng động sột soạt ở phía sau lưng khiến tôi ngoảnh ra sau nhìn. Từ trong một bụi chuối bước ra một cụ già quần áo nâu, râu tóc bạc phơ nhưng người trông cứng cáp khỏe mạnh. Thấy tôi cụ trở mắt nhìn. Cái nhìn nghi hoặc làm tôi lúng túng. Rõ ràng là tôi vừa bị bắt quả tang đang toan tính chuyện gì mờ ám. Một người lạ đến khu này mà không vào đình, lại lén lút chui vô cái xó kẹt này nhìn chăm chăm vào căn nhà bên cạnh thì quả là rất khả nghi.

Tôi mỉm một nụ cười gượng tiến lại phía cụ già lễ phép hỏi:

– Thưa cụ, cụ có phải cụ Từ trông nom đình Yên Phụ không ạ?

Ông cụ nhướng đôi mắt.

– Phải. Chính tôi. Ông muốn gì?

Tôi phân trần:

– Thưa cụ cháu định vào tham quan đình nhưng cháu nhìn mãi chẳng thấy một ai cả, cháu bèn ra hồ để ngắm cảnh.

Thấy cụ già hết nhìn tôi lại nhìn căn nhà bên kia lưới sắt, về nghi ngờ, tôi nói thêm:

– Chẳng nói đâu gì cụ... cháu từ ở nước ngoài về. Trước đây hồi cháu còn bé, để cũng đã sáu mươi năm rồi, chúng cháu có ở căn nhà này. Vâng đúng là nhà này vì cháu nhớ nhà cháu sát cạnh đình Yên Phụ. Cháu bèn mạn phép tự tiện mò vào đây chỉ cốt là để nhìn lại căn nhà cũ của cháu, chứ thực tình không có ý gì khác. Nhưng cháu chẳng nhận ra được nhà cháu ngày xưa. Họ phá ra xây lại hết rồi. Cháu nhớ là ở chỗ cây cau kia kia trước kia có một cây liễu...

Nói đến đây tôi thấy đôi mắt cụ Từ dịu xuống. Cụ nói:

– Cậu nhớ thế là đúng rồi. Cây liễu đó ai chặt mất từ lâu lắm. Ở đây không còn một ai nhớ ra là chỗ đó ngày xưa có cây liễu, ngoài tôi.

– Thưa cụ, như vậy cụ trông nom đình này đã lâu lắm. Chắc cụ biết trước kia nhà này là nhà tranh và nhà văn Thạch Lam đã từng sống trong nhà tranh đó.

– Ủ tôi biết chứ. Ông Thạch Lam tôi không được quen nhưng tôi biết ông Hoàn. Ông gì Hoàn nhỉ...? Tôi quên rồi. Hình như ông ta cũng có liên hệ với ông Thạch Lam.

– Thưa, chú Nguyễn Kim Hoàn là anh rể của chú Thạch Lam cháu...

Chúng tôi vừa nói chuyện vừa đi chậm về phía đình. Đi qua bụi chuối gần đến bên hông đình thì cụ Từ lại rẽ ngang dẫn tôi ngược lại phía hồ. Cụ nói:

– Chẳng mấy khi mà đình làng này được đón khách từ ở nước ngoài về. Cậu ra đây một lát uống với chúng tôi chén nước.

Chúng tôi vào một lối mòn xuyên giữa bụi chuối. Qua mấy chậu cây cảnh thì đến lại cái bờ xi-măng cong vòng lúc nãy. Nhưng khúc bờ xi-măng này nhìn ra phía khác của hồ. Từ chỗ này không thấy nhà cây liêu, nhưng thấy được mái chùa Trấn Quốc ló ở tít xa. Một hàng dừa cao phủ bóng mát trông dọc theo bờ xi-măng. Dưới bóng cây mấy người đàn ông ngồi ngắm cảnh hồ trên những chiếc ghế nhựa thấp, trước một cái bàn con có để một ống điều cày, một bình nước trà và mấy cái chén.

Cụ Từ chỉ tôi ngồi trên ghế rồi giới thiệu tôi với mọi người. Tất cả những người này đều đứng tuổi. Khi được biết tôi là cháu ruột của nhà văn Thạch Lam, một người lên tiếng bình phẩm:

– Thạch Lam à? Đệ nhất văn sĩ đấy! Văn thế mới đích thật là văn! Trước sau không một ai có thể viết được như Thạch Lam. Tôi dám cam đoan thế...

Với một vẻ trân trọng đặc biệt ông ta tiếp tục nói về Thạch Lam và những nhà văn khác thời đó. Giọng nói có xen lẫn chút u hoài như thể các nhà văn ông vừa nhắc tới khiến ông nhớ lại một thời tuổi trẻ của mình. Câu chuyện xoay quanh vấn đề văn chương và đặc biệt là văn chương của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tôi hơi ngạc nhiên nghe những vị này bàn về văn đoàn cũng như thành viên của văn đoàn này với một sự hiểu biết khá chính xác, mặc dù Tự Lực Văn Đoàn là một đề tài cấm kỵ không được nhắc đến từ hơn một nửa thế kỷ. Trước đây tôi đã có dịp nói chuyện với vài người trong giới trẻ Hà Nội như mấy cô chú hướng dẫn viên các hãng du lịch hoặc các cô cậu sinh viên làm việc ở quầy tiếp tân các khách sạn, những người trẻ này có khả năng về ngoại ngữ rất cao, thể nói được nhuần nhuyễn cả hai thứ tiếng Anh, Pháp. Nhưng khi được hỏi về Tự Lực Văn Đoàn thì đa số trả lời là họ chỉ biết đến nhà văn Thạch Lam với truyện ngắn Hai Chị Em được dạy trong giáo trình giảng văn bậc trung học.

Rít một hơi thuốc lào một người khác ngửa cổ lên trời nhả khói rồi nói:

– Bây giờ người ta không biết viết văn... Cả một thế hệ không biết viết văn... Sách truyện bây giờ người ta in khối ra đấy mà chả có một cuốn nào viết ra hồn... Văn chả ra văn.

Tôi lên tiếng bênh vực:

– Bác nói thế có hơi quá không? Nhìn chung thì đúng như thế đấy, nhưng cũng có ngoại lệ chứ. Tôi đã đọc vài truyện tôi rất thích của một hai tác giả ở Hà Nội. Theo tôi họ viết cũng hay lắm.

– Ông nói thế là thế nào? Ông thử nêu tên vài cuốn tôi nghe thử? Làm sao họ có thể viết văn hay như những tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn được?

Tôi im lặng. Hơn bốn mươi năm trước hồi ở Sài Gòn đã có lần tôi nói tôi thích đọc văn của nhóm Sáng Tạo hơn đọc văn Tự Lực Văn Đoàn và khen nhóm này có nhiều tay viết rất cừ, mới chỉ nói thế thôi mà đã gây tranh luận trong đám bạn bè. Bây giờ nếu tôi mở miệng khen ngợi một hai nhà văn đương thời của Hà Nội với các vị mê say Tự Lực Văn Đoàn, xem văn của nhóm này như chuẩn đích cho cái hay của văn chương mọi thời thì chắc cũng lại chỉ gây tranh

cãi vô ích.

Cụ Từ cúi xuống rót thêm nước chè vào chén của tôi. Từ lúc nãy cụ yên lặng không tham dự vào câu chuyện văn chương. Cụ chắc đã trên tuổi bát tuần. Cái tuổi mà nếu các nhà văn bậc tiền bối còn sống hẳn là đã gọi cụ bằng hai tiếng thân mật “chú em.” Tôi nhìn ra hồ Tây phía xa. Trong rặng cây xanh bên kia bờ nổi bật mái đỏ của hai gian nhà lớn hai tầng. Thấy tôi nhìn phía bên kia hồ cụ Từ chỉ tay về phía ấy nói:

– Bên ấy là làng Thụy Khuê. Rặng cây xanh là vườn Bách Thảo. Hai cái nhà lớn mái đỏ kia là trường Bưởi.

– Thế hả cụ? Cháu cứ nghe mãi tên trường Bưởi bây giờ mới biết nó ở đây đây.

Trường Bưởi, cái tên rất thân quen. Chu Văn An ngàn đời treo gương sáng... anh tôi vẫn cất tiếng hát, bài hát của ngôi trường một thuở nào xa xôi anh đã từng in dấu. Trường Bưởi, cùng với sóng nước hồ Tây, đã đi vào văn chương. Tôi mê đoạn văn sau đây, nhớ mãi. Có thật chẳng một cuộc tình nào nung đã từng nảy nở bên kia bờ nước, sau lùm cây, trên bãi cỏ, phía góc trường kia?

“Hai mươi năm đã qua... Quanh hồ đủ thứ đã đổi thay, song thần thái của hồ vẫn là muôn thuở. Vẫn mênh mang thế, vẫn bình yên, thông dong, lãng đãng thế và say đắm thế. Với sương mờ ban mai. Với vừng ráng chiều tà. Với rặng núi xa. Kiên chưa lần nào vào lại sân trường xưa để vòng sau nhà bát giác tới lùm cây ấy, bãi cỏ ấy. Anh chỉ từ rất xa, mé đường Thanh Niên mà nhìn về góc trường đó, mặt hồ dửng như ngược nhìn anh bằng đôi mắt lấp lánh màu nâu của Phương, với vẻ kỳ diệu và nổi ngậm ngùi của tuổi thơ ấu, của tình yêu đã đi qua, đã xa vời vợi. Và những chiều ngồi bên hồ bao giờ anh cũng ngồi nán lại cho đến khi vừng ráng chỉ còn đọng lại một ngấn đỏ chạy ngang trời. Ấy là ánh hồi quang của cái đêm hai mươi năm trước, bên bờ hồ, sau lùm cây, trên bãi cỏ, phía góc trường...”

Sóng hồ dập dềnh, ì oạp vỗ vào bờ cỏ. Xa xa, từ chỗ pháo đội cao xạ chót nổi trên đám bèo neo sâu trong hồ một hồi keng khuya chậm rãi dóng lên. Vị thần bảo hộ cứu tinh cho sự trong trắng và trong sạch của đôi bạn, chẳng phải ai khác ngoài chính họ.

Gió thổi dài. Im lặng lan xa. Hai người như thể vừa từ đáy nước nổi bông lên để rồi bị cuốn dạt ra mỗi ngã...” (Bảo Ninh, *Thân phận của tình yêu*).

Gió... không thổi dài ở đây, bây giờ, mà lồng lộng thổi từ mặt hồ Tây mênh mang phía trước.

Ngày hôm qua tôi nói với Bảo Ninh ngồi đối diện tôi nơi một bàn tiệc:

– Tôi có đọc truyện *Nỗi buồn chiến tranh* của anh. Không khí truyện này rất lôi cuốn khiến tôi đọc mà muốn ngộp hơi. Đọc xong tôi hiểu vì sao anh bị giằng co trong sự lựa chọn giữa hai nhan truyện “Nỗi buồn chiến tranh” và “Thân phận của tình yêu.” Tôi thích nhan đề sau hơn, có lẽ bởi vì tôi bị mê hoặc bởi những đoạn anh viết về những cuộc tình hơn là những đoạn anh viết về cuộc chiến, tôi thích style văn rất mới của anh, cái lãng mạn trong văn phong anh, không phải cái lãng mạn trữ tình êm đềm kiểu Tự Lực Văn Đoàn mà là thứ lãng mạn chua xót và đớn đau. Tôi cho rằng mình đã đọc một truyện rất hay về cuộc chiến tranh mà anh với tôi đã cùng trải qua và trực tiếp dự phần, từ hai phía đối nghịch.

Bên kia bàn Bảo Ninh, trẻ hơn tôi đúng một giáp, mái tóc đã điểm sương bông lên bù xù, hàng râu quặp trên mép, nhận lời khen của tôi một cách trịnh trọng, hơi kiêu cách: anh nắm chặt hai bàn tay vào nhau để phía trước ngực khẽ cúi đầu nói nhỏ “đa tạ!”. Trong lúc ăn Bảo Ninh luôn tay với chai rượu whiskey rót thêm vào cốc đưa lên miệng uống. Chả mấy chốc chai thứ hai đã

được khai. Bàn tiệc có sáu bảy người. Một mình anh ta có lẽ đã tiêu thụ nguyên gần một chai rượu mạnh.

Ngồi bên trái tôi, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp yên lặng gấp đồ ăn, anh ăn nhỏ nhẹ không đụng tới một giọt rượu.

Bảo Ninh uống. Hết ly này đến ly khác. Mắt anh có một lúc rời tôi nhìn người ngồi cạnh tôi bên phải. Cặp mắt đã mờ say của anh ánh lên một tia nhìn dịu và đằm thắm, hẳn cũng là cái nhìn của nhân vật Kiên với những người nữ trong *Nỗi buồn chiến tranh* của anh.

Bên cạnh tôi là Đỗ Hoàng Diệu một nhà văn nữ rất trẻ, tác giả một quyển truyện nổi tiếng *Bóng Đè*. Tiệc tàn. Tôi hơi say. Cả bàn có lẽ chỉ có hai người không đụng tới rượu là Nguyễn Huy Thiệp và Đỗ Hoàng Diệu.

Nguyễn Huy Thiệp quay qua tôi hỏi:

– Để tôi chở anh về. Anh có bận gì không?

– Không.

Anh ghé nói nhỏ vào tai tôi:

– Nhà anh Tô Hoài rất gần đây. Mình ghé thăm anh một lát rồi tôi chở anh về nhà tôi chơi...

Nơi mé hồ gần bờ hướng chùa Trấn Quốc có một người đang bơi, cái đầu chồi ngụp trên mặt sóng. Hình ảnh bố tôi bơi với chú Đình Hùng lại thoáng trong trí. Bố tôi đã ra đi bốn mươi ba năm trước... như con bướm trắng bay đi không trở lại. Nếu còn sống thì hôm nay là sinh nhật thứ 100 chúng tôi đã thắp một trăm ngọn nến trên chiếc bánh sinh nhật của ông.

Tôi đứng dậy nhìn đồng hồ tay. Nhớ tới cái hẹn tại nhà anh Nguyễn Huệ Chi tôi nói với cụ Từ xin kiếu về. Bước ra khỏi đình Yên Phụ tôi ngoái nhìn phía trước căn nhà cây liễu một lần cuối rồi đi rẽ về phía cổng làng.

Mặc dù không dặn nhưng khi bước qua khỏi cổng làng tôi đã thấy bác lái xe ôm ban sáng ngồi chờ tôi dưới một gốc cây. Thấy tôi bác lật đặt đứng lên vút điếu thuốc xuống lề đường. Lúc nấy tôi đã định bụng không về ngay khách sạn mà tản bộ một lát trên đường Cổ Ngư, nhưng thấy bác ta chờ từ sáng tới nghiệp, tôi đổi ý và để bác ta chờ về. Ngồi sau lưng bác tài trên chiếc xe hai bánh chạy ngược trên đường Thanh Niên tôi nhớ ngày hôm qua tôi ôm eo Nguyễn Huy Thiệp trên chiếc xe gắn máy của anh ta và hình như cũng chạy qua con đường này. Không có ý niệm về đường phố ở Hà Nội tôi không biết anh Thiệp đã chở tôi đi những đâu, qua những con phố nào, chỉ biết là anh chở tôi đi xa lắm tôi ngồi lâu trên xe ê cả mông đi.

Từ nhà hàng ăn chúng tôi đến thăm nhà văn lão thành Tô Hoài, tác giả của tập truyện *Con đé mèn phiêu lưu ký* tôi đã mê say đọc từ hồi còn nhỏ. Anh Thiệp sau đó chở tôi đến phố Hàng Trống thăm một xưởng tranh hình như là của người con anh. Chiều đến anh chở tôi về nhà anh ở vùng ngoại thành Hà Nội rất xa khu trung tâm thành phố. Khi chiếc xe rời con đường chính vào một con ngõ tôi định nhìn sắp đến nhà anh. Nhưng không. Xe còn đi lâu lắm rẽ qua không biết bao nhiêu con ngõ rắc rối rồi cuối cùng mới dừng lại trước căn nhà có bờ tường rêu bao quanh và có cổng gỗ kiến trúc giống như cổng một mái chùa hay một ngôi đình làng.

Nguyễn Huy Thiệp tắt máy xuống xe tra chìa vào ổ khóa đẩy hai cái cánh cửa gỗ nặng nề dất xe qua cổng. Bên trong mở ra một thế giới khác hẳn bên ngoài. Một khu tuy nằm trong lòng Hà

Nội nhưng biệt lập yên tĩnh và đặc biệt là rất đồng quê. Qua bóng rợp của một khu vườn cây rộng, toàn cây ăn trái, nào nhãn, nào ổi, nào khế... cây nào cây nấy nặng trĩu những quả, một con đường lát gạch dẫn tôi tới căn nhà hai tầng nằm ẩn sau vườn, nơi mà “Không có vua,” “Tướng về hưu”... cùng những tác phẩm khác của anh được thai nghén và sáng tác.

Tối đó anh Thiệp mời tôi dùng cơm tại nhà anh. Tôi nhớ mãi bữa cơm rau ấy vì đã từ lâu lắm rồi tôi không được ăn một bữa cơm rất thanh đạm nhưng đầy mùi vị quê hương. Về khuya anh đưa tôi ra đầu ngõ đón xe về khách sạn. Anh nói trước khi chia tay:
– Văn chương nó bạc lắm anh ạ. Phần thưởng quý nhất có lẽ là qua nó chúng ta có được những người bạn mới ở khắp bốn phương.

Tôi cúi xuống mở cái ba-lô tôi để dưới chân ghé lấy ra quyển hồi ký *Nhất Linh, cha tôi* tôi mới xuất bản ở Mỹ. Tôi mở trang đầu cuốn sách viết lời đề tặng chủ nhà. Có tiếng động và tiếng người nói ở nhà dưới. lát sau mọi người lần lượt lên cầu thang ngồi trên hai dãy ghế hai bên bàn. Có hai vị khách được chủ nhà hướng dẫn ngồi ghế phía trước cạnh tôi. Tất cả khoảng hơn mười người.

Chủ nhà, giáo sư Nguyễn Huệ Chi, trưởng ban văn học Việt Nam Cổ cận đại viện văn học Hà Nội, cũng là chủ biên của tập *Từ Điển Văn Học*, giới thiệu những người hiện diện. Trừ vài người tôi đã nghe danh tánh như giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, giáo sư Phan Đình Diệu, hai vị ngồi cạnh tôi, và một người ngồi phía dưới là đạo diễn Trần Văn Thủy, những người khác tôi mới nghe tên lần đầu.

Nghe anh Huệ Chi giới thiệu những người đó với toàn chức vị “tiền sĩ” tôi nói đùa với anh:
– Mặc dù Hà Nội đang giữa mùa Hạ anh cũng làm tôi rét đấy! Tôi chưa từng bao giờ được diện kiến với nhiều vị tiền sĩ như vậy trong đời...

Vài nụ cười nhẹ thoáng trên môi của mấy vị khách phái nữ.

Câu nói đùa của tôi không phá được bầu không khí khá trịnh trọng lúc ấy. Trong một lát tôi ngỡ ngàng. Tôi hoàn toàn không chuẩn bị để đối diện với cái không khí này. Vị trí ngồi của tôi ở đầu bàn cho thấy hậu ý của chủ nhà muốn tôi là người nói chuyện và có lẽ là người duy nhất phát biểu trong buổi kỷ niệm này với đề tài được mọi người trông chờ là nói về ông cụ.

Tôi biết nói gì đây, ở một nơi mà chỉ nội nhắc đến cái tên ông cụ không thôi đã là một điều rất cấm kỵ? Tôi mở đầu nói về tiểu sử và các hoạt động văn hóa của ông cụ. Tôi nói vắn tắt vì biết rằng hầu hết những người trong phòng này là những học giả uyên bác, họ đã nghiên cứu tác giả Nhất Linh rất kỹ và chắc hẳn là tường tận hơn tôi.

Còn về con người thứ hai của ông cụ, con người chính trị và cách mạng Nguyễn Tường Tam, thì đây mới thực sự là “điểm nóng.” Nhưng nơi này lại không phải là một chỗ thích hợp để nói tới và luận bàn. Tôi với tay lấy cuốn hồi ký của tôi trên bàn và đọc nguyên một đoạn dài trong bài “Nói chuyện với Huy Cận.” Bài viết đó tôi tường thuật buổi gặp gỡ giữa anh em chúng tôi với thi sĩ Huy Cận vào mùa Hạ năm 2001, bốn năm trước khi thi sĩ qua đời. Trong buổi nói chuyện ấy chúng tôi đã có một lúc tranh luận khá gay gắt khi Huy Cận bắt đầu nói về chính trị, đặc biệt khi ông tự dành quyền “phán xét” hành động chính trị của bố tôi, điều mà bố tôi không muốn: bố tôi tự chết chỉ quyết là không để ai được quyền phán xét ông, ngoài “lịch sử.”

Buổi nói chuyện trong đó tôi là người duy nhất lên tiếng chấm dứt trong im lặng. Không một tiếng nói thứ hai, không một lời bình luận. Sự yên lặng bao trùm khiến tôi liên tưởng đến thái độ

của những người trí thức trong nước mà tôi đã có dịp tiếp xúc: họ nhã nhặn, lịch sự nhưng dè dặt. Sau đó chủ nhà đứng lên chuyển lại lời mời của tôi với tất cả mọi người hiện diện đến dự buổi cơm trưa tại một nhà hàng do anh ấy lựa chọn. Rồi anh chuyển quanh bàn cuốn *Từ Điển Văn Học* để tất cả cùng ký tên trên trang sách anh đã viết sẵn lời đề tặng chúng tôi.

Sau khi chụp hình lưu niệm mọi người lần lượt bước xuống cầu thang. Anh Huệ Chi bảo tôi:
– Anh cứ ở trên này một lát để tôi xuống trước thu xếp xe.

Tôi hỏi anh:

– Anh đã chọn được quán ăn nào chưa?

– Rồi. Quán Ngon.

Tôi hỏi lại:

– Quán gì?

– Quán Ngon.

– Chà, cái tên lạ nhỉ...

Anh mỉm cười bước xuống cầu thang.
Tôi ngồi xuống ghé lật trang đầu cuốn *Từ Điển*.

Bên dưới chữ ký của anh Nguyễn Huệ Chi có thêm chữ ký của các vị sau đây: Phan Đình Diệu, Trần Văn Thủy, Phạm Ngọc Lan, Đặng Thị Hảo, Nguyễn Bá Dũng, Phạm Thu Hương, Trương Hồng Quang, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Văn Bình.

Phía dưới nữa là một hàng chữ lớn viết tay và chữ ký của người viết:

*Với cả tấm lòng quý trọng đại văn hào Nhất Linh.
Hoàng Ngọc Hiến*

**Đình Hùng với cơn mê trường dạ
Tạ Ty**

*Ta suốt đời ngư phủ
Thả con thuyền trên mái tóc em buồn lênh đênh.
(Đình Hùng)*

Đình Hùng, con người có may mắn được mọi người biết đến từ khi tác phẩm hầy còn là bản thảo. Đình Hùng, con người kỳ lạ xuất hiện trên thi đàn Việt Nam với vóc dáng quái dị của ngôn ngữ làm mê hoặc người yêu thơ. Đình Hùng, tượng hình cô độc trên vòm trời thi ca Việt Nam vào năm 1940 đến 1945. Rồi từ đây, Đình Hùng mới tìm thấy bạn đường như Trần Dần, Phùng Quán v.v... Chất thơ của Đình Hùng không giống và không mang một ý nghĩa thông thường của thi ca với những hình ảnh quen thuộc của thi nhân đang nổi tiếng hồi đó như Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Nguyễn Bính v.v...

Đình Hùng đi vào thi ca với những ước mơ kỳ lạ và suy nghĩ về cõi vô thức giữa một thời đại lười suy nghĩ nhất. Tiếng thơ của Đình Hùng không thuộc về thứ tình cảm chung chung, mà toát ra tự ngôn ngữ làn ánh sáng diễm ảo, ở trong đó, từng nổi bản khoả, từng niềm ước vọng

chạy xôn xao như tiếng thời gian đuổi nhau trên rừng cây trút lá. Đinh Hùng tự mình tạo nên sắc thái đặc biệt, rất đặc biệt, để ngụp lặn trong dòng mê cảm đó với khổ đau cũng như kiêu hãnh. Từng hình ảnh mông lung, từng nỗi buồn vò xé, từng uất hận nghẹn ngào, tất cả, biến Đinh Hùng thành một nạn nhân, nạn nhân của mặc cảm. Đinh Hùng đã bị mặc cảm giày vò tái tê từ thể xác tới linh hồn. Mặc cảm đó là nỗi bơ vơ lạc loài của kiếp người trôi buộc vào áo cơm trách nhiệm với ngàn ấy vốn liếng riêng tư giữa cuộc sống xô bồ giả tạo. Đinh Hùng làm thơ chẳng phải để tỏ bày tâm sự mà để xác định thái độ, một thái độ bị phần khi nhận thấy kích thước trần gian không phải nơi mình mơ ước.

Cõi nhân gian mà Đinh Hùng vọng tưởng đã khuất lìa. Nó là tiếng nói hoang sơ của thời tiền sử. Nó là thiêng liêng cao cả của một khung trời nguyên thủy. Nó rộng rinh và chói lói hào quang ân sủng của thi nhân đóng vai Thượng Đế. Nó là cái nước Vô Danh với sự hiện diện của con người Mộng Ảo đi suốt một hành lang cô liêu muôn đời không gặp thực tại.

Dòng thơ của Đinh Hùng đi từ sự mê hoặc của tâm linh vượt đến cõi ý thức của thân phận qua thi phẩm *Mê hồn ca* rồi ném mình theo *Đường vào tình sử*. Khúc hát nào lênh đênh trôi nổi trên đầu non, và tâm hồn nào còn giữ nguyên màu trinh tuyệt trong xác thịt chứa đầy tội lỗi bi thương? Trong cái bóng tối mênh mông dày đặc của tương lai, trong nỗi khao khát hung cuồng đăm đuii cản chặt ở môi ngậm cứng trái sầu đau, Đinh Hùng nhắm mắt lại, mở hồn thoát du vào ảo giác.

Đinh Hùng vào đời như đi trong ác mộng. Những hình dáng con người di động giữa kích thước thành phố đã làm người thơ phẫn nộ:

*“Miệng quát hỏi: có phải người là bạn?
Ôi ngờ ngác một lũ người vong bản
Mất tinh thần từ những thuở xa xôi
Ta về đây lạ hết các người rồi
Lạ tình cảm, lạ đời chung cách sống”.*

(“Bài ca man rợ”, *Mê hồn ca*)

Đi từ cõi huyền ảo của tiềm thức, Đinh Hùng dùng tâm tư mong biến cuộc đời thành trường mộng. Hình ảnh một sinh vật đơn côi trong một thiên nhiên mới hình thành, tia sáng thứ nhất của tâm linh chiếu rọi vào sự vật như một chứng tích ghi nhận có đời sống trần gian với những huyền bí còn nguyên màu huyền hoặc. Cái Thiên Nhiên mà người thơ vung vẩy thả bỏ mọi níu kéo làm Đinh Hùng mơ ước trở về, sự trở về trong những lối hoang sơ – ở đây – bước chân đi làm rung chuyển núi rừng, đòi suối. Đau đớn thay, sự hiện diện này làm kinh ngạc cả nhan sắc, làm cho tình thương cũng mất chìm trong cô độc.

Từ cái nhìn cô độc, Đinh Hùng không tin cõi đời hiện hữu là có thực và người con gái bằng xương bằng thịt kia với những mùi hương quyến rũ, vụt chốc trở thành xa lạ đến nghi hoặc khởi đi từ tri giác:

*“Ôm nhan sắc với hai bàn tay sắt
Ta nhìn ai, ôi khéo mắt ta nhìn
Em có là ma, là quỷ, là tiên?
Em có mấy linh hồn bao nhiêu mộng?
Em còn trái tim nào đang xúc động?
Em có gì trong xác thịt như hoa?
Lạ thiên nhiên đến cả bọn đàn bà,*

Với những vẻ dung nhan kiều diễm nhất”.

(“Bài ca man rợ”, Mê hồn ca)

Cái vũ trụ mà Đinh Hùng vọng tưởng đó đã mất. Trong bóng tối mênh mông dày đặc của hiện tại, người thơ không trông mong tìm thấy những gì mình chờ đợi. Đinh Hùng nhắm mắt lại để du hồn vào quá khứ, đi về những hướng sao rơi và theo lối chân cầm thú. Trong trời thơ Nguyên Thủy, Đinh Hùng bơ vơ, lạc loài giữa thế giới tâm linh, với tất cả tiếc thương, hờn giận. Đinh Hùng ẩn hồn trong toà lâu đài kiến tạo bằng vân thạch, gọi hồn cổ sơ về ngồi chung tâm sự. Người thơ muốn được “*ăn hoa man dại*” rồi “*ngủ như muông thú*”. Nhưng cái sống của “*Gái-muôn-đời*” có “*bộ ngực tròn nuôi cuộc sống đương xuân*” không còn nữa. Nó đã chết theo tiếng cười man rợ và mối “*Tình-thái-cổ*” đã “*thơ thần với trăng sông*” tự ngày trái đất có con hươu vàng diệp, cất cao đầu nhìn hoàng hôn chìm vào đêm Thơ hiện hậu.

Do đấy, cái khung trời mà Đinh Hùng dùng để viết thơ của mình lên, là một khung trời chứa chấp toàn huyền ảo giữa người và sự vật, giữa suy tưởng và thiên nhiên, giữa mơ mộng và thực tế. Vì nhìn rõ vị trí của mình trong cuộc sống có đấy, Đinh Hùng chẳng cần tra vấn hiện tại, phó mặc thời gian vận chuyển, hằng đêm, bên ánh toạ đặng, lắng nghe tiếng thơ nức nở âm vang theo từng sợi khói mong manh:

*“Đi vào mộng những Sơn Thân yên ngủ
Đôi hồn người tưởng gặp bóng cô đơn
Rượu Trường Sinh: ta uống mắt em buồn
Sầu mấy kiếp, giấc ngủ say bừng đỏ?
Quên đi em, hãy sống đời cây cỏ
Từng linh hồn đan díu với hương hoa
Ta nhớ xưa: đêm thu rụng tiếng gà
Trăng vĩnh viễn khóc thời gian tình tự...”*

(“Trời ảo diệu”, Mê hồn ca)

Cái thời gian tình tự đó, có lẽ, chỉ hiện diện trong cơn say men khói vì “*bây xứ tình*” đã khuất chìm theo lối mộng mà người thơ đã từng đi về “*ân ái cũ*”. Từng nhịp thở của đôi hồn người cô đơn cứ khắc khoải, chập chờn trong trí não Đinh Hùng làm cho chết ngộp cả một vùng ảo diệu.

Tiếng thơ Đinh Hùng không phải tiếng thơ buông lời, dễ dãi hoặc chọn lời lựa chữ cho suôn sẻ thanh âm. Nói cho đúng, nó là chuỗi kim cương sáng ngời, như những vì sao lạ treo chênh vênh giữa vòm trời thi ca hiện đại.

Trong giai đoạn nguyên thủy, Đinh Hùng mang tâm trạng kẻ lạc loài giữa đồng loại không chấp nhận sự hiện hữu này là thực thể, nên luôn luôn người thơ đi tìm kiếm cho riêng mình một giá trị trong những giá trị có đó. Đinh Hùng mang tâm tư của loài rong biển trôi dạt theo lớp sóng ngầm giữa lòng đại dương bát ngát, phó mặc cho dòng nước luân lưu đưa đẩy, miễn tìm thấy hồn thời gian qua vọng tưởng.

Đi từ thơ Nguyên Thủy qua Thần Tượng, Đinh Hùng đã xê dịch từ rung cảm thuần túy sang bình diện con người. Nghĩa là người thơ đã nhìn rõ giá trị của đời sống qua vóc dáng kỳ nữ – làm người thơ choáng váng.

*“Ta thường có những buổi sầu ghê gớm
Ở bên Em – ôi biển sắc, rừng hương*

*Em lộng lẫy như một ngàn hoa sớm
Em đến đây như đến tự Thiên Đường
Những buổi đó, ta nhìn em kinh ngạc
Hồn mắt dần trong cặp mắt lưu ly
Ôi mắt xa khơi! Ôi mắt dị kỳ
Ta trông đó thấy trời ta mơ ước
Thấy cả bóng một vàng đồng thuở trước
Cả con đường sao mọc lúc ta đi
Cả chiều sương mây phủ lối ta về
Khấp vự trụ bỗng vô cùng thương nhớ...”*

(“Kỳ nữ”, *Mê hồn ca*)

Có lẽ, vóc dáng người kỳ nữ một sớm nào đó đã gõ nhẹ vào cửa lòng thi nhân làm cho tỉnh giấc. Bóng dáng động viên thạch bị lu mờ trước giai nhân và thời man rợ bị đẩy lui vào tưởng niệm. Cặp mắt lưu ly nào đó đã chiếu rọi vào tâm hồn thi nhân bằng tia sáng quang tuyến, có khả năng xuyên qua sự vật để nhận rõ bản thể đích thực của sự vật. Hơn thế nữa, nó còn cho người thơ tìm về thân phận với ước mơ còn đầy, với bóng vàng đồng thuở trước và con đường sao mọc khi xưa. Thơ Đinh Hùng quả thực có ma lực, nó có đó mà vô cùng xa xôi, vô cùng cao trọng. Thực và Mơng luôn luôn xáo trộn tạo nên ấn tượng hoang vu, man rợ. Nó là tiếng kêu vò xé. Nó là lời thảng thốt giữa cơn mê loạn. Nó là nỗi đam mê bản loạn. Nó là tiếng thở dài ai oán trút tự cõi lòng cô độc. Nó là thịt da, xương máu của thi nhân. Nó là sự giao hưởng nhiệm màu giữa thơ và thơ trỗi kết lại:

*“Ôi cảm dõ! Cả mình em băng tuyết
Rợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân
Ta gần em, mê từ ngón bàn chân
Mắt nhắm lại, để lòng nguôi gió bão
Khi sùng bái ta quỳ nâng nếp áo
Nhưng cúi đầu trước vẻ ngọc trang nghiêm
Ta khẩn cầu từng sớm lại từng đêm
Chưa tội lỗi đã thấy tràn hối hận...”*

(“Kỳ nữ”, *Mê hồn ca*)

Cái nhan sắc ấy làm Đinh Hùng hoảng hốt và mê đắm với lòng “sùng bái” như một tín đồ sùng bái đức “*Giáo chủ*”. Trong thơ *Thần tượng*, Đinh Hùng đã đóng vai gã si tình để tỏ bày ngưỡng mộ. Đối với thế gian, Đinh Hùng tỏ ra mình là thi nhân kiêu sa, còn đối với tình yêu Đinh Hùng muốn làm Bạo chúa.

*“Ta quên hết! Ta sẽ làm Bạo chúa
Sống nghìn năm, ngự trị một lòng em
Cuộc ân tình ghê rợn suốt muôn đêm
Nào ai tiếc thương gì thân mỹ nữ!...”*

(“*Ác mộng*”, *Mê hồn ca*)

Nhưng tình yêu với đôi cánh bay lượn chập chờn trong cõi nhớ mong và “*người em gái*” đã cùng thi nhân gặp gỡ trong “*mộng linh hồn*” đã vội trở thành một “*yêu quái*” biết cười vui và nói giọng êm đềm. Đinh Hùng phó mặc cho tình cảm lướt trôi cùng nhan sắc và *nụ hôn đầu đã làm tê dại cả tâm can*, người thơ *gục khóc tưởng tình xưa ngồi cạnh*. Rồi gác “*ca-lâu*” cũng rèm

buông, lửa đỏ và xiêm áo như hoa thấp thoáng đi về giữa trời ảo ảnh.

Tình yêu đối với Đinh Hùng thoáng đến, thoáng đi và khắc sâu vào tâm khảm người thơ những lần roi rướm máu.

Nhan sắc, nhan sắc thật mong manh và vô cùng diễm tuyệt. Đinh Hùng chưa kịp hưởng say men tình ái mà giông gió cuộc đời đã cuốn vội từng lớp tang thương. Từ hy vọng mê cuồng bước sang trời Chiêu Niệm. Người thơ đi tìm mình, đi tìm chân lý tuyệt đối của tình yêu trong đất lạnh, trong vóc dáng thương yêu gói tròn hoài vọng:

*"Trời cuối thu rồi. Em ở đâu?
Nằm bên đất lạnh chắc em sầu
Thu ơi! Đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm nắm mộ sâu..."*

(*"Gửi người dưới mộ", Mê hồn ca*)

Mùa thu với từng cánh lá vàng đẹp như cánh thơ rơi tự trời cao. Mùa thu làm se ngọn cỏ hanh vàng trên nắm mộ. Mùa thu với đám mây lãng đãng trở về sau cuộc phiêu hành khắp vòm vũ trụ. Mùa thu có hồn Vệ Nữ lạc loài bên cửa huyết, có cây Từ Bi chột nở đóa Ác hoa mà thiện căn không tìm đâu thấy.

Những vản thơ Chiêu Niệm chảy dài như dòng lệ không bao giờ khô trên gương mặt thi nhân. Nó kéo lê thê như một ám ảnh trong mỗi câu, mỗi chữ với nhịp điệu tiếc nuối, than van với bóng tử thần chập chờn, đe dọa.

Nhưng rồi, tháng năm với những u buồn còn đầy, Đinh Hùng ném hồn mình vào cõi Mê Hồn, ở đó, cái đau và cái nhớ chột tan biến để thi nhân nhìn hé thiên cơ với ánh lửa tinh cầu *"dựng lên đọa chấn, loạn màu huyền không"*. Đinh Hùng van xin Trăng đừng bỏ kính thành, đừng bỏ nhân gian để thi nhân nằm chờ Siêu Thoát, mơ đến những thanh âm tạo dựng một kiến trúc với chiêm bao thần bí:

*"Lời nói im ta nằm chờ siêu thoát
Mơ hoàng thành dựng lại bản thanh âm
Mười ngón tay run
Mở cửa để cầm
Ôi kiến trúc một chiêm bao thần bí
Ta lạc hồn giữa lâu đài kỳ dị
Suốt muôn đời không hiểu dãy hành lang..."*

(*Mê hồn ca*)

Làm sao mà Đinh Hùng có thể hiểu được vì thực tế và mơ mộng không nằm chung ước lệ. Cái chất thơ cứ vươn lên, vươn lên mãi trong khi thân phận nằm đây, soi lệch ánh toạ đấng mỗi đêm với muôn vạn nhọc nhằn:

*"Máu ta say không chảy thoát hình hài
Hằng kinh động chốn ăn nằm vĩnh viễn..."*

(*Mê hồn ca*)

Trước viễn ảnh chói loà của thi ca, Đinh Hùng dùng nghệ thuật để đồng hóa thể xác mình với thời gian vĩnh cửu.

*“Buổi chiều đến, sầu lên Kim tự tháp
Bóng ta đi hoài cảm góc trời mây...”*

Đó, tất cả cái sáng láng, cái tinh hoa của Đinh Hùng trình bày với người đọc những nỗi niềm mà người thơ thổ lộ qua vần, qua điệu. Đinh Hùng muốn vượt thoát hình hài, vượt thoát hoàn cảnh để tự do múa lượn trong cõi trường mộng, vì cuộc đời có khác gì mộng ảo?

Thơ Đinh Hùng chính thực không hoàn toàn mang tính chất quái dị, đúng ra, nó hình dung những siêu thoát, những nhiệm màu mà con người trong khi thất vọng thường bám víu lấy để cầu mong an ủi. Người thơ đi tìm bản thân trong chiều sâu tâm giác, trong ngôn ngữ xuất thần với suy tư đầy loạn nội tâm. Do đấy, lời thơ Đinh Hùng bao giờ cũng vượt qua được bức trường thành nhân thể để chiếu từng tia sáng mong manh nhưng sắc bén giữa những tâm hồn đồng điệu:

*“Khi mùa Xuân buông dài trước cửa
Khi nắng chiêm bao khẽ chớp hàng mi
Khi những con thuyền chở mộng ra đi
Giấc mộng phiêu lưu như bầy hải điểu
Kỷ niệm trở về nắm tay nhau hiền dịu
Ngón tay thơm vàng phấn bướm đa tình
Anh sẽ tìm em như tìm một hành tinh
Mặc trái đất sẽ tan vào mộng ảo...”*

(“Đường vào tình sử”)

Tình yêu vẫn có uy lực dẫn dắt thi nhân đi vào muôn ngàn lối ân tình. Dù trái đất có tan vào mộng ảo, dù buổi chiều nào tận thế, dù mùa thu phôi pha, mùa đông tàn phế, ta vẫn vì em mà sống đời ngư phủ, thả con thuyền trên mái tóc em buồn lênh đênh và sau cùng để chiêm ngưỡng Em như chiêm ngưỡng một hành tinh xa lạ.

Phải nhận rằng, trong tập *Đường vào tình sử* (Nam Chi Tùng Thư xuất bản, 1961), hơi thở của Đinh Hùng đã phần nào là buông cung điệu và nỗi hoài mong của thi nhân chỉ gói tròn vào tình cảm thông thường nơi tình yêu đôi lứa, dù cho tình yêu có được thấp sáng bởi trí tuệ người thơ. Những nét độc đáo với dòng suy cảm quái đản được gọi về từ thiên cổ không thấy xuất hiện. Lời và ý thơ trong *Đường vào tình sử* thật dung dị và đẹp:

*“Tôi nghe em nói bằng im lặng
Bằng dáng nghiêng nghiêng động nét mày
Bằng cả mệnh mang chiều lắng đọng
Nụ cười em gửi gió thu bay*

*Tóc quyện mây choàng vai mộng nhỏ
Chìm chìm hơi nắng bước thu đi
Hôn như khói toả say tà lụa
Chợt tỉnh, còn như truyện ngủ mê...”*

(*Đường vào tình sử*)

Toàn tập hầu như thế cả, nguyên lý không gây được ấn tượng sâu đậm nào ở trong tâm thức người đọc như *Mê hồn ca*. Sở dĩ như vậy vì tập *Đường vào tình sử* là sự gộp nhặt nhiều bài thơ ở nhiều thời kỳ đã đăng tải rải rác trong các tạp chí văn học. Nhưng dù sao, vẫn có trong đó cái “chất” Đinh Hùng, cái “chất” đã đưa Đinh Hùng vào ngôi vị xứng đáng của nền thi ca Việt Nam.

Đinh Hùng chịu ảnh hưởng rất nhiều ở dòng thơ Tượng Trưng Pháp với các thi hào Baudelaire và Mallarmé của thế kỷ XIX. Nhất là Baudelaire nhà phù thủy ngôn ngữ trong thi ca Pháp, người đã dịch truyện của văn hào Mỹ Edgar Poe và có tập *Fleurs du Mal* (Ác hoa) đã gây sôi nổi dư luận quần chúng Pháp vì những tư tưởng táo bạo trong thơ.

Khởi hành từ trạng thái đốn đau trong tình yêu với sự dần vật đọa đày ở mỗi không-gian-cuộc-sống, Đinh Hùng nhìn chòng chọc vào nó như thách đố và coi nhẹ hệ lụy đến nỗi tưởng rằng chỉ có thể giới linh hồn là thực, kỳ dư đều mộng ảo.

Có những đêm đông Hà Nội, tôi đến thăm Hùng tại căn nhà cổ nằm sâu trong ngõ hẹp ở cửa Ô Cầu Rền, chẳng cách xa phường Dạ Lạc là bao. Bước chân dò từng phiến gạch gồ ghề trơn trượt dưới lớp bùn quánh đặc. Đi qua chiếc sân đất rộng đầy cây cảnh hiện sừng sững với hình thể đục, nặng vì thiếu ánh sáng. Hương nha phiến thoảng ngát. Tôi bước lên thêm cao, căn nhà trống trải âm u dưới ngọn đèn dầu cháy leo lét ở một góc, chỉ vừa đủ soi sáng một khoảng nhỏ. Tiếng kêu vo vo của nhựa thuốc thiêu trên ngọn lửa làm tôi thấy nôn nao. Đã nhiều đêm tôi ngồi bên để nhìn các bạn vui, nhưng sao mỗi lần gặp tôi, tôi vẫn mang cảm giác rờn rợn như gặp yêu nữ.

Tôi đứng yên ở dưới mái hiên nhìn vào. Trước mắt tôi, dưới làn khói mỏng như tơ, Đinh Hùng nằm nhỏ nhoi tựa đứa bé. Mái tóc nặng nề lẫn vào bóng tối. Đôi mắt tinh anh, mở nửa vời dài dại. Tôi biết Đinh Hùng đang nhập mộng. Chừng một phút sau, Đinh Hùng nhòe dậy, cầm ấm trà màu gạch cua rót vào chiếc chén hạt mít trắng muốt đưa lên môi. Tôi nhẹ nhàng đi về phía giường. Mùi ấm mốc quyện vào dầu lạc làm khó thở. Biết tính, Đinh Hùng không bảo tôi nằm xuống như bao nhiêu bạn khác mà chỉ mời ngồi, rồi lại thả nhiên nằm nghiêng đối diện với ngọn đèn đỏ khè ngọn bắc.

Ở khoảng thời gian đó, Đinh Hùng đang đi vào Chiêu Niệm với sự nuôi tiếc một hình ảnh hoang sơ man dại từ khi trái đất mới hình thành mà tất cả vạn vật đều trở thành thần tượng với vóc dáng thiên nhiên in hẳn trong tâm tưởng. Vật chất đôi khi làm cho thi sĩ đốn đau nhớ tiếc khôn cùng. Tiếng khóc thê lương đòi về đáy mộ. Tấm hình hài nào đó với đường nét thanh tao, với nụ cười tắt nửa chừng, với đôi mắt lưu ly soi thấu vô cùng vũ trụ, và âm dương đòi tái hợp cuồng mê tâm tưởng! Ôi! Niềm giao ước hung tàn giữa kẻ chết, người sống, giữa cõi nhân gian và đáy mộ vực đen, giữa tiếc thương và hy vọng nào nề. Đinh Hùng đi tìm tử thần bên cửa huyết, hay “*Trong giấc ngủ đắm mùi hương phấn lạ*”. Đinh Hùng phóng hồn mình vào cõi bi thương với lời van xin ứ nghẹn. Hùng cầu nguyện với tấm lòng trinh bạch như kẻ ngoan đạo nguyện cầu dưới chân đức Thích Ca hay Đức Jesus xin dâng hiến máu, tìm mình cho nguồn sống thiêng liêng cao cả mà chẳng đòi nhận về ân tưởng. Trong cõi *Mê cung*, Hùng lạc vào với từng bước đắm say giữa “*Nghìn yêu ma chung bước cõi luân hồi*” với khúc hát *Vong tình* bay chót vót trên núi non mở hội oan hồn.

Trong không gian ấm mốc, giữa vùng mê hoặc của hương nha phiến, Đinh Hùng cất tiếng ngâm bài “*Tìm bóng tử thần*”. Giọng của Đinh Hùng sang sảng. Ánh đèn le lói với hoa bắc rung rinh. Tiếng thơ đã làm tôi rúng động và tôi đâu ngờ, 10 năm sau, tiếng ngâm thơ đó còn vang trên làn sóng điện, tạo niềm cảm thông sâu xa giữa Thơ và cuộc sống qua hội Tao Đàn.

Tôi thường đến thăm Đình Hùng như thế, đôi khi với nhiều bạn khác. Hùng đã tạo cho mình một vị trí, vị trí đó, Hùng làm chủ suýt với các người làm thơ tiến bộ tụ họp, trong số ấy có Trần Dần, Phùng Quán, Lê Văn Thanh, Bích Câu v.v...

Vì dấn thân quá sớm, nhất là dấn thân vào một địa hạt phức tạp đầy dẫy ưu phiền, Đình Hùng đốt cháy thân phận chẳng những trên đầu ngọn bấc mà còn ở men rượu và sinh phách. Đình Hùng huỷ hoại hoa niên trong những đêm dài Dạ Lạc qua các cửa Ô, cũng như đắm chìm vào đáy ly nồng đắng. Ở tuổi hoa niên, tôi quen nhiều bạn biết uống rượu, nhưng chưa thấy ai uống hào bằng Đình Hùng và Văn Cao. Riêng Đình Hùng có thể uống hai lít để, không cần đồ nhắm. Vì thế, Hùng mới có gan đối ẩm với Tần Đà hằng nửa ngày trời.

Trong tháng ngày kháng chiến lên đên, chúng tôi gặp nhau ở chợ Đại thuộc Khu 3. Tôi và Hùng ngồi trong một quán nước. Hôm đó, không nhằm phiên chợ nên thật vắng vẻ. Những con đường bùn lầy, hố "tăng xê" ngập nước ở hai lối đi. Những mái lá cũ kỹ nằm trên hàng cột tre già lảng bóng. Hùng cao giọng đọc thơ, những vần thơ mà kháng chiến không chấp nhận. Tôi gọi hai *cút* rượu uống cho ấm lòng. Chúng tôi vừa uống vừa thảo luận về thơ và nhắc đến Hà Nội mến thương cách trở. Chúng tôi gọi tên từng người bạn với u hoài kỷ niệm. Hùng kêu rượu nữa, rồi cho tay vào túi áo lấy một gói nhỏ. Hùng nhẹ nhàng mở ra, dốc dùm bột màu nâu sẫm vào lòng chén. Tôi nhìn Hùng mỉm cười. Hùng lạnh lùng rót rượu, lấy ngón tay trở khuấy nhẹ rồi ngửa mặt nuốt ực một hơi.

Sau chén rượu bất ngờ đó, tôi và Hùng chia tay. Nhưng bài thơ "Sông núi giao thần" của Hùng vẫn còn âm vang trong tôi như lời cầu nguyện:

*"Trăng ơi đừng bỏ Kinh thành
Hồn Cổ đô vẫn thanh bình như xưa
Nhỡn tiên chợt sáng Thiên cơ
Biết chẳng ảo phố, mê đồ là đâu?..."*

Sau thời gian lang thang khắp núi rừng Việt Bắc, bệnh sốt rét đã làm tôi phải trở về Khu 3 để tiếp nối những ngày vô định. Những con người văn nghệ thuở kháng chiến như những cánh chim trời bay lạc loài khắp nẻo. Gặp nhau đấy rồi xa nhau ngay, nên mỗi lần gặp, mỗi lần thương nhớ chẳng rời.

Nhân có cuộc họp văn nghệ, tôi và Hùng gặp lại nhau và cùng đi Đống Năm thuộc tỉnh Thái Bình. Lần này đi thêm họa sĩ Bùi Xuân Phái, người họa có dáng điệu khù khờ với bộ râu đỏ hoe mọc lờm chờm trên màu da trắng muốt. Tôi nhớ buổi chiều hôm đó trời mưa bụi, chúng tôi lại ngồi uống rượu chờ tối để xuống đò. Mặt Hùng xanh mướt, một phần tại lạnh, một phần vì cơ cực. Chiếc trần thủ màu cỏ già lem luốc, rộng thênh thang không làm ấm mảnh thân gầy phủ lên bộ quần áo nâu dính bùn bạc phếch. Ba chúng tôi khề khà cho đến lúc không gian mờ đục khuấy chìm vào bóng đêm. Từng đốm lửa vàng hoe cháy hiu hắt đó đây. Hùng nhìn ánh đèn với nét mặt đắm chiêu.

Qua một đêm trắng nằm đờ, chúng tôi lên bến Gián Khuất, đi Đống Năm, lướt qua bao nhiêu làng mạc, bao nhiêu cánh đồng và từng con đê dài thăm thẳm. Trong suốt cuộc hành trình Hùng nói rất nhiều về đủ mọi loại chuyện vui buồn. Hùng đọc thơ Baudelaire và rất thích cuộc sống của thi nhân này. Bài thơ mừng cô vợ da đen chết, Baudelaire lại được tự do, có thể lang thang uống rượu khắp nơi và ngủ ngon lành ở lề đường như con chó, làm Hùng cười sảng khoái. Sau ba ngày đêm chung vui, chúng tôi lại nắm tay nhau giã từ. Hùng ở lại Đống Năm với Vũ Hoàng Chương để dạy học.

Vào năm 1949, áp lực chiến tranh mỗi ngày mỗi đè nặng vào vùng đất Liên khu 3. Những con chim trời bay tản mác khắp ngả để tìm nơi an lành trú ẩn. Thời gian trôi đi theo tiếng bom đạn

cày nát quê hương đau khổ!

Đến cuối năm 50, Hùng trở về Hà Nội. Cuộc sống của Hùng có thay đổi, Hùng đã lập gia đình như lập trường thi ca vẫn y nguyên. Gánh nặng áo cơm và nguồn đam mê đến chết-không-rời quấn chặt lấy thân phận nhỏ nhoi đó mà hành hạ. Thiếu thốn thường xuyên nhưng Hùng vẫn giữ nguyên phong độ của kẻ sĩ. Hùng được một số bạn thương giúp đỡ nhưng sự giúp đỡ này chỉ như những gáo nước nhỏ tưới vào một vùng hạn hán trường kỳ. Cứ như thế, như thế, Hùng sống cho đến ngày di cư vào Nam với thi phẩm *Mê hồn ca* làm vốn liếng và hành lý.

Kể từ đó cuộc đời đối với Hùng đã phần nào đỡ khe khát. Hùng cố gắng bằng đủ mọi cách như viết truyện dã sử dưới bút hiệu Hoài Điệp Thứ Lang, làm thơ trào phúng ký Thần Đăng, phụ trách mục Tao Đàn v.v... Cuối cùng Hùng đã ngã xuống với tiếc thương đời đoạn và vĩnh viễn đi vào Cơn-mê-trường-dạ.

Đường vào tình sử còn dài lắm, Hùng đành bỏ dở, và có mái tóc nào buồn lênh đênh cho thuyền hồn thi nhân thả mộng?...

*"Khi anh chết các Em về đây nhé
Vị chút tình lưu luyến với nhau xưa
Anh muốn thấy các em cùng nhỏ lệ
Tay cầm hoa, xoã tóc đứng bên mồ..."*

("Cung đàn tường niệm", *Đường vào tình sử*)

Nói đến Đinh Hùng là nói đến cô đơn, là nói đến khát vọng. Nỗi cô đơn và niềm khát vọng đó in hằn trong kích thước thi ca mà Hùng đã dần thân như người lính cảm tử. Hùng đã sống trọn vẹn và chung thủy đến lúc lìa đời với hương đi tự nguyện. Bao nhiêu đau khổ, bao nhiêu mặt đắng do cuộc đời trao tặng, Hùng đem thiêu trên đầu ngọn lửa và nuốt trọn vào tim phổi mình với nguồn vui ảo giác. Hùng rất mực đa tình nhưng mối tình đầu oan trái với người em họ đã thui chột nụ hoa tình ái và biến Hùng thành cuồng bạo trong mỗi suy nghĩ về tình yêu.

Nói đến Đinh Hùng, không phải nói đến cái gì mới lạ, vì thi ca Việt Nam bây giờ đã vượt thoát khỏi trạng thái ứ đọng, nó đi vào cõi mộng mênh của Vô Thức. Từ Vô Thức nó trình bày Ý Thức Mới không hẳn là cố định nhưng, nó là thời đại chúng ta đang góp mặt. Nói về Đinh Hùng là nhắc đến một không gian cũ, là nói tới khoảng cách – ở đó – từ hiện tại trở lui về quá khứ, chúng ta vẫn nhìn rõ ánh sáng của ngọn Thần Đăng chói loà hào quang kỳ ảo.

**Đinh Hùng (1920 - 1967), Giải Quán Quân Thơ "Văn Chương Toàn Quốc 1961" (miền Nam).
Thế Phong**

Đinh Hùng sinh năm 1920, con út một gia đình trung lưu, gốc làng Phượng Dực (tỉnh Hà Đông) – từ lâu ra lập nghiệp tại Hà Nội. Ông bà Phán, còn gọi ông bà Hàn, sinh được hai trai, bốn gái. Trưởng nam Đinh Lân, và các chị Loan, Yến, Hồng, và Thục Oanh- cô chị này hơn cậu em 1 tuổi và chiếm được trọn vẹn tin yêu của cậu em khó tính là Đinh Hùng. Thật vậy, Đinh Hùng từ nhỏ đã khó tính, lại ưa cô đơn. Sống trong 1 gia đình đông vui, mà Hùng vẫn tưởng đâu là đang sống giữa chiếc đảo nhỏ nhoi giữa một quần đảo, tứ bề xa cách. Phải chăng vì bà Phán hoài thai nhà thơ của chúng ta ở Manila (Philippines) – nơi ông Phán được bổ nhiệm sang đây làm Chánh văn phòng Tòa Lãnh sự Pháp từ 1918. (*theo Tạ Tỵ- sách đã dẫn*)

Chị ruột ông, Đinh Thị Thục Oanh (sinh 1919 ở Manila) còn Đinh Hùng sinh sau 1 năm – đích thị bà Phán đã hoài thai chàng thi sĩ bẩm sinh từ nơi quần đảo xa xôi ấy- sau này Vũ Hoàng Chương đã cho rằng thơ của cậu em vợ đã chịu ảnh hưởng này cách bất ngờ, rơi rớt lạc vào dòng thơ, có câu:

*“...Hỏi bao quần đảo vừa ly tán
Trần tục là đâu hỡi đất bằng ! “
(Mê hồn ca)*

Vẫn theo Vũ Hoàng Chương- Đinh Hùng bị cú sốc tinh thần vào lúc 11 tuổi - hoa khôi Đinh thị Tuyết Hồng nhảy xuống hồ Trúc Bạch tự vẫn. Cái chết của người chị trước đó, kéo theo sau tang tóc từ cụ thân sinh thất lộc khi tuổi chưa tới 50 – rồi 3 năm sau Đinh Hùng lại phải từ biệt một người chị đã lập gia đình, mà tuổi còn rất trẻ. Người chị cả đó là chị Loan.

Đinh Hùng tốt nghiệp Tú tài bản xứ- vừa khi đó- ông lại bị cú sốc tình đầu – yêu đơn phương một chiều- nàng Kiều Hương. Nàng đi lấy chồng, hết Tố của Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng khắc họa chân dung nàng qua thơ:

*“ Tần Hương ôi Tần Hương
Tên nàng như hoa đẹp
Chàng là bướm tơ vương
Nên chàng là Hoài Điệp...”
(Đường vào tình sử)*

Và chẳng ngạc nhiên gì, sau này Đinh Hùng dùng bút danh *Hoài Điệp* (trước) và sau là *Hoài Điệp Thứ Lang* trong tiểu thuyết đăng nhiều kỳ trên báo từ sau 1954 – kể cả bút danh trào lộng Thần Đăng - và ông còn phụ trách *ban Tao Đàn* trên Đài Phát thanh Saigon, tiếng thơ réo rắt, và giọng nói Đinh Hùng nhừa nhựa sắc như lưỡi gươm bén, phóng vào đêm tối âm vang.

Thi sĩ Bằng Bá Lân, nhà thơ tiền chiến; khi phân tích thơ của nhà thơ trẻ Đinh Hùng- ông chú ý ngay từ khi “*Bài ca man rợ*”- được tập san “*Giai phẩm*”) Nxb Đồi Nây của nhóm *Tự lực văn đoàn*, tâm bocc :

“... trước hết là trí tưởng tượng phong phú của tác giả. Ông tưởng tượng ra một con người nguyên lòng sơn dã, từ lâu ông sống một đời man rợ thiên nhiên trong núi sâu rừng thẳm, bỗng một ngày kia trở về đô thị”.

Cùng đọc một số đoạn trong “ *Bài ca man rợ*”:

*“ Lòng đã khác ta trở về đô thị
Bỏ thiên nhiên huyền bí của ta xưa
Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ
Và chân bước nghe chuyển rung đồi suối
Lá cờ sắc vương đầy trên tóc rối
Ta khoác vai manh áo dấm hương rừng
Rồi ta đi khí núi bốc trên lưng
Mắt hung ác và hình dung cổ quái
Trông thấy ta cả cõi đời kinh hãi
Dòng sông con nép cạnh núi biên thù
Đường châu thành quần quại dưới chân đi
Xao động hết loài cỏ hoa đồng nội*

*Người và vật nhìn ta không dám nói
Chân lẳng xa, từng cặp mắt e dè
Ta ngẩn ngơ nhìn theo bóng ngựa xe
Nhìn theo mãi đến khi đời lánh cả
Và ta thấy hiện nguyên hình sơn dã ...”*

Tôi trích 17/ 55 câu - một trong những bài thơ đầu đời Đinh Hùng - dường như đã quá đủ biểu hiện dòng thơ lãng mạn thời tiền chiến- mà không cần trích đủ toàn bài, như Bàn Bá Lân xưng tụng, trích dẫn về Đinh Hùng ..

Vậy bài thơ đầu tiên nào của Đinh Hùng được đăng báo ? Đó là “ *Đám ma tôi* “; Đinh Hùng ký *Hoài Diệp*, do Nguyễn Đức Chính đưa cho *Nxb Tân Việt* in – rồi Nguyễn Đức Chính lại đem thơ Đinh Hùng giới thiệu” *ông Trùm coi sóc thi đàn Nxb Đồi Nay- Thế Lữ*”. chẳng ? Tư liệu này do Vũ Hoàng Chương tiết lộ, và qua một nguồn khác lại cho rằng: Thạch Lam mới là người giới thiệu Đinh Hùng (*tác giả cùng tác phẩm*) với “ ông Trùm Thế Lữ” ? Câu chuyện được kể lại :

“... Khi Thạch Lam xuất bản” Hà Nội 36 phố phường” , tác giả ở trong 1 ngõ rất sâu thuộc làng Trung Phụng (ngoại ô Hà thành) – nơi này cũng là một nơi đất nhiều ma quái, đẫm lệ - nào có những bộ xương khô cùng lưỡi hái dài nanh ác lẩn quất trong lùm cây khế to đùng, cả cây cam âm u của trại Trung Phụng...”

Lại nói về Thạch Lam- mỗi khi lên phố, phải đi qua nhà ông bà Phán (cha mẹ Đinh Hùng). Biết vậy, Đinh Hùng nghĩ kế cách nào để làm quen được với nhà văn nổi danh nhóm *Tự lực văn đoàn*? Ông bèn viết một lá thư kèm bài văn có tựa đề “*Thịt chó*”- rồi chặn đường, gặp được Thạch Lam, trao cho đọc, xin ý kiến. Thế rồi, có một buổi, Thạch Lam ghé vào nhà Đinh Hùng thật - lần này” *nhà thơ trẻ*” sững sốt, gây một ấn tượng tốt đẹp khó quên trong đời. Dần dà, Thạch Lam quen thân Đinh Hùng hơn, ông dắt đưa bạn trẻ đến trụ sở *Nxb Đồi nay* ở phố Quán Thánh, rồi giới thiệu hết lời về Đinh Hùng với Thế Lữ, Khái Hưng, cả Nhất Linh nữa - toàn “ *tay tổ*” của nhóm *Tự lực văn đoàn*.

Và sau, chính Thế Lữ- là người đầu tiên nâng đỡ đích thực nghiệp văn thơ đầu đời nhà thơ trẻ - và Đinh Hùng tự-sự- kể:

‘...Hồi đó mỗi khi làm xong bài thơ nào, tôi thường tìm Thế Lữ để đọc cho ông nghe. Lần nào cũng vậy, nghe xong, ông lắc đầu bảo: “ Chưa được, cậu cần phải chịu khó hơn nữa”. Tôi buồn quá vì tự ái nổi dậy, nghĩ thế nào cũng phải làm cho được 1 bài thơ hay. Không lẽ cứ để cho Thế Lữ chê hoài ?...”

Hồi ấy, Đinh Hùng đang yêu thầm nhớ trộm một cô đầu trẻ ở phố Khâm Thiên- khi tác giả làm xong bài thơ “*Kỷ nữ*”, liền đem đến khoe nhắng với Thế Lữ. Thi sĩ “ *ông Trùm thơ Đồi Nay*” thông cảm háo hức bạn trẻ, đọc ngay, im lặng hồi lâu, chậm rãi, phán:

“-...được lắm ! cậu nên làm theo thể loại này!”

Thế là “ *Mê hồn ca*” được hình thành từ thời kỳ đó.

Qua một thời gian tham gia Kháng chiến ở Khu IV - bỗng một ngày kia, khăn gói lẩn trốn về Thành (Hà Nội- lại gặp được ngay Hồ Dzếnh) lúc này đã là chồng bà Nhật- chủ một hiệu, sách *Bình Minh* ở góc Phố Huế + Reinach)- Hồ Dzếnh đọc xong, nhận in ngay “ *Mê hồn ca*”. Khi đang xúc tiến in, gần xong, thì Hội nghị Genève 1954, Việt Minh và Pháp ký hiệp định chia đôi Việt nam - thì *Mê hồn ca* chịu chung số phận. Kể bỏ tiền in không có cơ hội phát hành ở ngoài Bắc, lại cũng không di cư vào Nam - Hồ Dzếnh giao cho tác giả cả ngàn tập *Mê hồn ca* cùng tác giả di cư vào Saigon- vừa phát hành, vừa bán, vừa tặng.

Rồi Đinh Hùng làm " *chủ soái ban Tao Đàn*" - từ 7 giờ tối hàng đêm réo rất giọng ngâm thơ hiều tài tử, nghệ sĩ tài danh: nào những Quách Đàm, Hoàng Thu, Tô Kiều Ngân, cả ca sĩ Thái Hằng và Hồ Điệp- một giọng ngâm thơ thật đặc biệt sáng giá! .

Vào đầu thập niên 1960, một chuyện như giai thoại thật trớ trêu xảy ra- khi chủ soái Tao Đàn mặc complet xám chững chạc, vừa hoàn thành thâu thanh, bước ra khỏi Đài Phát thanh Saigon – một cô chặn lại hỏi:

- thưa ông, có phải ông là Đinh Hùng?

- Phải, chính tôi- Đinh Hùng đáp.

Người vừa lên tiếng hỏi chủ soái ban Tao Đàn- một cô mặc đầm, nói năng lễ độ, miệng cười tươi. Nghe xong câu thứ 2, Đinh Hùng ngỡ ngàng:

- Ông có nhớ 3 câu thơ mà ông vừa ngâm trên ban Tao Đàn tối thứ 2 không ?

- Nhớ chứ , 3 câu ca dao nói về Án sát, Tuần phủ chứ gì ? Đinh Hùng đáp.:

- Rất đúng thưa ông, và bắt đầu bằng :

- " *Thứ nhất rắn hổ mang hoa*

- *thứ 2 Trần Tấn..*

- *thứ 3 là Bùi Bành "*

- *có phải không ạ ?*

- *..mà ông có biết Trần Tấn... là ai không nhỉ ?*

- Đinh Hùng chưa kịp trả lời – nét mặt duyên dáng cô gái biến sắc, chuyển sang " *tông*" khác-cúi xuống lấy chiếc guốc dưới chân trái , rồi nện thẳng vào đầu nhà thơ.

- Trần Tấn là Trần Tấn Bình, ông nội tôi. Bố tôi là con Cụ Tuần Bình : *Trọng Lang- Trần Tấn Cửu*, chắc là ông có biết?

- Nói xong, bỏ chiếc guốc vào chân trái, bước ra xe rất nhanh –một sĩ quan mặc đồ trận chờ ở ngoài lề đường - chờ trên xe gắn máy đi mất tăm.

- Thấy Đinh Hùng lấy tay ôm đầu máu, Hoàng Thu (thì phải) lại dìu vào quán phở 44 đối diện. Hỏi han, Hoàng Thu cho biết tên sĩ quan chờ cô em phang guốc vào đầu Đinh Hùng – đó là trung úy Trần Tấn Đ...- trưởng nam nhà văn tiền chiến Trọng Lang có tên thật Trần Tấn Cửu.

Rồi tới một buổi trưa thứ 7, trước cửa nhà số 38 đường Tú Xương (Saigon 3) là Trường Cán sự Xã hội Caritas- tôi đến để đón C.M.N. và gặp Đinh Hùng vẫn trong bộ cánh " *complet xám*" tự khai :” ông đón ai, còn tôi đón nàng thơ có phương danh Hoài Diệu. “ Và Đinh Hùng kể tiếp: - Đáng lý” *toa*” phải lãnh nguyên cái guốc mới phải - thế mà “ *moa*” đã phải nhận thay” *toa*” rồi đấy ! “*Toa*” có nhớ không, chỉ vì 3 câu” *vẻ*” phải gió căn rặng trong” *Nhà văn tiền chiến. ..*” của” *toa*” – “ *moa*” cho ngâm trên “ *Tao đàn*” – mà giờ này đầu “ *moa*” còn “ *ư*” một cục !

Năm 1961, Đinh Hùng được giải 1- Giải thưởng Thơ Toàn quốc - sách in tuyệt đẹp (*linograph*) tại” Kim Lai Ân quán”:- với lời tựa đính kèm rất trịnh trọng của “ thi sĩ” Đoàn Thêm., . tay này đậu Cử nhân Luật thời tây- bấy giờ là đương kim Phó Tổng lý Phủ Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông là tác giả đôi ba tập thơ, sách viết về lý luận thơ, dịch sách hội họa vv.. Dự luận “ *phê*” ngầm” :

- Có “ *ông Phó*” Đoàn Thêm “*đề tựa*” thì ” *Đường vào tình sử*” của Đinh Hùng, “ *bố*” thẳng giám khảo nào dám tự ý “ *lắc đầu*” không bỏ phiếu thuận.

Cùng nghe Du Tử Lê, tác giả” *Năm sắc diện, năm định mệnh: Đinh Hùng, Bùi Giáng, Tô Kiều Ngân, Thanh Tâm Tuyền, Thế Phong* – Saigon 1965) kể về giai thoại giải thưởng kia – với lý do nào Đinh Hùng “*đề*” được bỏ phiếu thuận để “ *ẵm*” chót lọt Giải thơ Toàn quốc của Tổng thống Diệm ?

Trước tiên, sách phải in đẹp, bây giờ chỉ có Nam Chi Tùng Thư (*Lãng Nhân* giám đốc), in đẹp nhất là Kim Lai Ấn quán, do tổng quản lý “ *kỹ thuật*” Nguyễn Doãn Vượng. mà thôi. Anh là thi sĩ, được lắm- *thơ có hay*” không nhưng trước tiên còn phải có tiền in thơ cho đẹp vào – thì mới lọt mắt Ban Giám khảo... Nếu không sẵn tiền cho lắm, - thì anh phải kiếm được người” *sáng giá*” viết” tựa”- cỡ ông Phó Đồng lý Tổng thống phủ Đoàn Thêm chẳng hạn thì mới” *ăn giải*” được !

Nhưng muốn có tiền để in thơ - sắp chữ *linograph* - tư nhân chỉ có Kim Lai Ấn quán, ắt phải có Bình Nguyên Quân; nhưng là ai đây ? .

Xin trả lời ngay

- Ông Đoàn Thêm, tác giả thi tập” *Nhạc đế*”- chuyên viên hàng đầu viết diễn văn cho Tổng thống Diệm đọc, và Đinh Hùng muốn in thơ ở K.L.Ấ.Q., ắt phải” *cậy ông ta để tựa*” .

Vẫn theo Du Tử Lê- hỏi đó Thế Phong gặp Đoàn Thêm, đã nói ngay:

“ ... Anh Đinh Hùng rất buồn khi phải *cậy anh để tựa*...”

Đoàn Thêm trả lời:

- *Đó là tự ý Đinh Hùng cậy nhờ tôi...*”

Thế Phong bồi thêm:

-*VThế mà.. thực sự anh ấy không cảm thấy sung sướng một chút nào ?!*”

Gần đây, khi hỏi về chuyện ấy, chính miệng Đinh Hùng tiết lộ Du Tử Lê hay- viết tựa kia là ngoài ý muốn Đinh Hùng. Thật ra, chẳng phải ông Đoàn Thêm bắt buộc phải có” *tựa*”- nhưng muốn được in thơ (tại Kim Lai Ấn quán) thì đành phải nhờ tới Đoàn quân thôi. Cùng năm, Đinh Hùng gửi” *Đường vào tình sử*” dự giải Văn chương Toàn quốc- thì Ban giám khảo bộ môn Thơ là” học giả “ Đông Hồ và thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, cả hai bỏ phiếu tán thành Đinh Hùng chiếm giải 1 “ . Trước khi trình Phủ Tổng thống” *ngự lãm*”, theo tôn ti phép vua, phải qua ông Ngô Trọng Hiếu- Bộ trưởng Bộ Công dân vụ.

Nhưng...

Lại phải thêm chữ” *nhưng*” Ban Giám khảo Thơ gửi bản đề nghị đề cử Đinh Hùng xứng đáng chiếm giải 1 - thì giám khảo viên Phạm Đình Tân (ở *ban khác*) nhất nhất không đồng tình treo giải quán quân Bộ môn thơ cho Đinh Hùng. Bởi, Phạm Đình Tân còn là chủ soái” *cái gọi là*” *Tinh Việt Văn Đoàn*”, chủ nhiệm tuần báo” *Văn đàn*”- lại” *ý*” có bác sĩ Trần Kim Tuyền (*văn hữu xưa trong nhóm*) nay Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị- Xã hội (*một tên khác*: Mật Vụ) –từng là dịch sách” *Định mệnh con người*” do Nxb Văn đàn in ấn.

Do vậy, Phạm Đình Tân muốn” *cậy nhờ*” ông Trần Kim Tuyền- “ *kính chuyển tờ phúc trình mật*” – ý kiến ‘*Tinh Việt Văn đoàn*” không đồng tình treo Giải 1 thơ về tay tác giả tác phẩm” *Đường vào tình sử*” .

Tổng thống Diệm đọc xong phúc trình- cho gọi ngay ông Lê Văn Thái (*tự* Thái Trắng- *phụ tá ông Trần Kim Tuyền*) vào Dinh.

Tổng thống Diệm phán:

- Sao treo giải Thơ cho một cuốn như ri ...?

- Ông Lê Văn Thái- cánh tay phải Bác sĩ Tuyền, Chánh sở Mật Vụ - hoảng hốt- vì đọc hay chưa hề đọc “ *Đường vào tình sử*” thì không biết::

- “...dù có đọc, tôi (*Du Tử Lê*) chắc người ấy *chả hiểu gì* ...?”

- Và ông Lê Văn Thái đành khất Tổng thống phúc trình đầy đủ sau.

- Vẫn theo Du Tử Lê (*Năm sắc diện.... – sách đã dẫn*)), ông Lê Văn Thái bèn “ *mò*” ra ” *La Pagode*” (ngã tư Lê Thánh Tôn + Tự Do) hy vọng gặp được Thế Phong, chàng ta thường ngồi cà phê cùng bạn bè tại đây. Tay này thường ăn sáng, với bánh kẹp *Croque Monsieur*, và ly cà phê đen” *tổ bố*” (khi rủng rỉnh quý kim) – Du Tử Lê viết vậy. .

- Từ lâu " Quán Cáo Chùa" là nơi gặp gỡ của anh em làm văn chương. Tìm ai, chúng ta (đây vẫn là Du Tử Lê) chỉ cần sáng sáng hoặc chiều chiều là gặp thôi. Và Thái Trắng đã gặp được Thế Phong thật. Rồi Thái Trắng dạm ý - thì T.P. trả lời đại để:

- .. đem Bàn Bá Lân so với Đinh Hùng- ai là người xứng đáng chiếm giải quán quân Thơ năm nay ư ? Kề xứng đáng thì không thể Bàn Bá Lân được, mà phải là Đinh Hùng, bởi lẽ : " *Đinh Hùng xứng giải là làm vinh dự cho giải Thơ - còn giải thưởng thì không thể tạo vinh dự cho Đinh Hùng được !*).

- Sau cùng, Hội đồng Giám khảo Giải văn chương Tổng thống năm 1961 đề bạt Đinh Hùng chính thức nhận giải 1- lại còn được bầu làm đại diện viết diễn từ đọc trước quan khách vào ngày Tổng thống trao giải tại Dinh Độc Lập. Và " *gà thơ dự giải Bàn Bá Lân* " – từ " *chuồng* " *Tinh Việt văn đoàn*"(Công giáo) - *chủ xị* Phạm Đình Tân ' *thả* " " *gà tranh giải thơ* " *bay vụt ra* – nhưng chẳng mấy chốc bị đánh bật ra ngoài lề một cách không thương tiếc !

Bài thơ *Kỳ nữ* của Đinh Hùng được Thế Lữ khen từ thời mới vào nghề, liệu có thể gọi là một bài thơ hay ? Thật ra thì không hay lắm, nhưng ít ra cũng làm điểm tựa cho tác giả tin khả năng thi ca bước đầu không tệ lắm đâu ! Có những câu:

*" Có con đường sao mọc lúc ta đi
Cả chiều sương mây phủ lối ta về
Khấp vũ trụ bỗng vô cùng thương nhớ
Vì người em có bao phép nhiệm màu
Một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc
Ta đặt Em lên ngai thờ Nữ sắc"*

hoặc rất " *mô- nô -tôn*"(monotonie) , như trong " *Thần Tụng* ":

"... Mây lòng vương giả bơ vơ từ thuở suy vong nửa cuộc giao tranh sây đến tâm tình gỗ đá, kẻ phong sương, người lữ quán đã chưa kinh kỳ ảo tưởng, đã xoay nghiêng gác phấn lầu son. Từng điểm tinh anh lang thang những chiều tái tạo, bốn mùa hôn phối hiện lên thanh sắc cỏ cây, màu quân tử, nét văn khô, tuy chẳng cơn mưa móc từ bi cũng bùng nở..."

Xu hướng thơ Đinh Hùng – đó là thơ viết theo hướng hoài vọng cá nhân. Và chưa có một thi sĩ nào có thể đem cái riêng tư sầu kín phản ánh qua thơ trung thực hơn Đinh Hùng- hoặc nói một cách khác - thì thơ ông đầy tính chất thần kỳ, ma quái, ý tưởng càng quái đản, nào hồn ma siêu phách, thế giới âm ty – nhưng thơ tình yêu lại rất cuồng nhiệt cụ thể! Đôi khi thôi, đọc thơ Đinh Hùng, người đọc hình dung được trong đầu thế giới vàng son, cung ngà, điện ngọc- như phảng phất đâu đây:

*" Gió trăng ngự uyển buồn sâu sắc
Thử bước vào xem cung điện ma .."*

Đinh Hùng thường bị ám ảnh, luẩn quẩn- thơ chàng thi nhân của lầu son, gác tía, xưa kia thích than mây, khóc gió – thì nay đã không còn! Bây giờ thế kỷ XX, chàng đành chấp nhận mặc bộ *complet* từ phương Tây du nhập, dân thân đời trần tục, ta bà- lại không thể dễ quên thế giới hồng hoang!

Bùi Giáng- một thi nhân rất gần Đinh Hùng qua thi ca – lại rất khác biệt với con người ngoài đời. Đinh Hùng bình thường trong đời sống nhân sinh - còn Bùi Giáng nửa điên, nửa tỉnh- riêng lần đánh giá thi tài Đinh Hùng lần này lại rất tình (*hoặc thời đoạn sống này Bùi Giáng chưa mê điên chẳng*):

“...Đình Hùng là thi sĩ muốn khai phá một nẻo đường đưa tới thế giới hồng hoang, nơi đây con người trút bỏ hết hình hài, thể phách, tinh anh cũ; mà đắm mình trong một bầu không khí ảo huyền, trác tuyệt, đầy những sương lá phong thần. Thi sĩ quên mất lo eo sèo thế sự. Cuộc sống tủi buồn của nhân thế đã xa biết bao! Tiếng cười, tiếng khóc ở đây có những âm vang kỳ ảo: “Trận cười tan hợp núi sông/ Còn mơ kỳ thú lạ lòng cỏ hoa / Hý trường đổi lớp phong ba / Mượn tay ngụy tạo xóa nhòa bể dâu...”).

Nỗi buồn tiếc nuối thế giới hồng hoang từ thế kỷ nào vẫn lẫn quất mạnh mẽ trong tâm can Đình Hùng - nét dị biệt khác hẳn thơ Vũ Hoàng Chương. Nỗi buồn trừu tượng mênh mang, siêu thực cách ảo hóa, ngông cuồng vô lối, “sinh ra làm thế kỷ”. Thơ V.H.C già cỗi, ảo mộng, người đọc dễ nhìn được tương lai sớm lụi tàn. Còn thơ tình Đình Hùng trẻ trung, tươi, duyên dáng, ngây thơ, sâu sắc hồn nhiên, dung dị :

“... Trời hồng chắc má em tươi
Nước trong, chắc miệng em cười thêm xinh
Em đi hoài cảm một mình
Hai lòng riêng, để mối tình cô đơn ...”

Phút xuất thế đối với thi nhân- tuy tác giả muốn trốn chạy thế sự đa tạp, ngổn ngang để chui mình sâu trong vỏ ốc – thi nhân sẽ không còn muốn sống hòa nhập với xã hội- nếu có- thi nhân muốn được nhìn là người từ một bộ lạc xa xôi, nay phiêu lãng về thăm:

“ Qua xứ ma sầu ta mất trí
Thieu đi tập sách vẽ hoa nguyên ...”

Với tình yêu- Đình Hùng rất trân trọng- lại si mê cuồng dại tới mất trí, và chung thủy thì tới tận cùng! Tỷ dụ bài” *Gửi người dưới mộ* –nàng thơ ngoài đời tên Liên. Thời kỳ này ông đang theo học ở Trường Bưởi, Nàng Liên là mối tình đầu Đình Hùng chăng ? Nàng qua đời vào mùa thu - khiến thi nhân nuối tiếc, nhớ thương, đêm đêm nguyện cầu, rồi khóc nàng:

“ ... Trời cuối thu rồi em ở đâu ?
Nằm bên đất lạnh chắc em sầu
Thu ơi ! đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm nắm mộ sâu
Em mất về đâu, mộng về đâu ?
Đêm đêm ta nguyện với ta cầu..... “

Ở một tác phẩm văn xuôi khác” *Đốt lò hương cũ*”(Saigon 1971- Nxb Nhân sinh thập từ nhiều bài viết trên các báo cho xuất bản (sau khi tác giả đã qua đời)- tác giả nhớ bạn văn thơ qua đời trước ông, với bài mang tựa:” *Gửi người bạn bên kia trần lụy*”:

“ *Cái tin*” cả bầy văn tinh tới nay tụ họp tại nhà Bạch Liên “ (không biết có phải Bạch Liên và Liên” mối tình đầu Đình Hùng” là một chăng?) – với những tên tuổi như Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam vv...”Thâm Tâm, Vũ Trọng Can, Tô Ngọc Vân, Lê Văn Trương, Vũ Xuân Tụ vv... (thời tiền chiến) và Chế Vũ (Hồ Xuân Tịnh), Quách Thoại vv.. (thời hậu chiến) .

Theo tôi, một bài thơ viết theo lối” *thơ xuôi*” - bài “ *thơ xuôi duy nhất của Đình Hùng*”- là “ *Hoài niệm*”. Có thể nói không sợ lầm, “ *thơ tự do Đình Hùng*” có ý tưởng thật phóng khoáng, lối diễn đạt không theo qui luật nào- mà cả đời thơ Đình Hùng chỉ làm theo qui luật có sẵn :

“ (.....)
... Bạn là người chung tình

Gần nhau không hẹn
 Lòng giữ nguyên hương hoa bình minh
 Bên đèn tâm sự
 Bạn với tôi như đôi hình viễn xứ
 Đôi bóng phù du
 Không dung mà thương nhớ
 Không đau mà ngăn ngại
 Rủ bướm chim theo vào giấc ngủ
 Thả sấu trên con thuyền mây đưa
 Trời giăng sao tỏ
 Đêm mùa thu
 Cửa phòng tôi bỏ ngõ
 Giấc mộng tôi hững hờ
 Ta biết giăng buồn ngày ta còn nhỏ
 Ai biết ta buồn vì lòng ngây thơ ?
 Nhìn cuộc đời
 Tin rằng hạnh ngộ
 Bạn yêu giăng và tôi yêu gió
 Cười nụ cười đơn sơ..."

(.....)

(Hoài niệm bày văn tinh)

Đình Hùng qua đời lúc 5 giờ sáng 24 / 8/ 1967 tại *Nhà thương Bình dân*, và trước đó vài ngày, tôi có ghé lại thăm. Đình Hùng ngồi trên đệm chiếc giường một, bụng trương to chẳng khác thiếu phụ ôm bụng trống sữa soạn lâm bồn. Bệnh nhân được chuyển tới bệnh viện Bình dân - nhờ bác sĩ Phạm Biểu Tâm đích thân lái xe hơi đưa từ Bệnh viện Cộng Hòa sang đây, để chính bác sĩ giám đốc chăm sóc, theo dõi tình hình sức khỏe Đình Hùng.

Giáo sư bác sĩ Phạm Biểu Tâm rất tốt, hào sảng, có lòng với bạn văn chương, không chỉ với Đình Hùng mà thôi. Bảy năm trước, ông là bác sĩ điều trị ung thư gan cho chủ soái Nguyễn Đức Quỳnh (*nhóm Hàn Thuyên tiền chiến*) một cách tận tình.

Tôi còn nhớ như in- gặp tôi, anh hỏi:

- ...bao giờ ông vào Không quân ? nhớ là ngày đầu tiên mặc bộ đồ *treilli*, thì nhớ vào trình diện tôi đầu tiên nhé !

Giọng the thé- chỉ Đình Hùng có -mà không thể lẫn bất cứ ai - từ âm vang, tiết tấu, giọng điệu, kể cả lời giới thiệu' *chủ soái Tao đàn*" (tôi thường nói điều đùa cợt: " *tao đàn, mày hát, nó nghe*"- đến lần đầu tiên tôi vô Saigon (*trước 4 ngày Điện Biên phủ thất thủ*) –chúng tôi cùng vào sàn nhảy " *Lệ Uyên*" nằm trên đường Tổng đốc Phương (Châu Văn Liêm, quận 5 bây giờ)- vẫn là giọng the thé Đình Hùng vang lên mừng rỡ gặp " *cô ca ve quen*". Đình Hùng người nhỏ thó, mặc *complet* khiêu vũ, như cuộn tròn muốn bay lên, thì cô vũ nữ kèm lại. Hình như lần ấy Thái Thủy rủ đi, lẽ đương nhiên " *nhân viên trong ban Tao đàn chỉ 'địa'* !

Lại nhớ tới ngày đầu 1965 ngồi trong Câu lạc bộ *Trại Huấn luyện Cát Lở* (Vũng Tàu) – thì đâu đây tiếng Đình Hùng giới thiệu ;" ... *chương trình " Tao đàn" bữa nay giới thiệu cô X (tôi quên tên ngâm sĩ)* với *bài thơ " Soi gương" của Thế Phong* ". (bài lục bát đăng trên tạp chí " *Tân Phong*" – Nguyễn Thị Vinh chủ nhiệm).

Vẫn là giọng the thé dễ nhớ của Đình Hùng sau 11 năm.

Có một lần nữa, tôi đến phòng anh chị thuê ở trên lầu 1- số 7 Trần Văn Thạch, Tân Định, Saigon 1 – (nay là Nguyễn Hữu Cầu). Từ phòng cuối dãy lầu 1, anh thông dong đi bộ ra tiếp tôi, dáng điệu bơ phờ, vì chưa đủ "cũ thuốc" (thuốc phiện). Cầm theo tập thơ "Đường vào tình sử"- lời đề tặng ký từ 1961 (năm anh được Giải thưởng thơ Tổng thống VNCH) - "bản Liên Tà" nét chữ "rồng bay phượng múa" điệu nghệ- đặc biệt "chữ đề tặng ... (mực màu đen) Thế Phong (màu mực hồng)".

Đài Phát thanh Saigon loan tin Đinh Hùng qua đời- bạn văn đi đưa tang Đinh Hùng gần như đông đủ- nhưng thiếu "tên Thế Phong" mặc đồ lính Không quân đang "ắc ế" bài học quân sự căn bản.- không dám mạnh miệng xin cấp trên cấp phép xuất trại để đi đưa Đinh Hùng tới nơi an nghỉ cuối cùng! Không biết "nàng Hoài Diệu" - bữa nào mà anh đón vào một chiều thứ 7 - trước cửa nhà số 38 Tú Xương, có mặt đưa tiễn không đây ?

Tạp chí Văn (N.Đình Vương chủ báo- Trần Phong Giao thư ký gom bài) ra mắt một số đặc biệt về Đinh Hùng. Gồm nhiều bài chiêu niệm: Bằng Bá Lân, Vũ Hoàng Chương, (2 bài diễn thuyết các ngày 8/10 và 8/12/ 1967 / Saigon), Mai Thảo, Trần Tuấn Kiệt, Thanh Nam, Thái Thủy, Kiên Giang_ Hà Huy Hà, Cao Tiêu, Huy Quang, Phan Lạc Phúc, Văn Quang, Tô Kiều Ngân, Tiểu Nguyên Tử vv... Chỉ một bài báo (potin) ngắn của Dương Tấn Trương là "giá trị nhất" (theo tôi mà thôi). Luật sư Trương viết báo, qua bút danh Tiểu Nguyên Tử từng sống ở Hà Nội, khoảng thời gian Tự lực văn đoàn hoạt động báo chí, văn chương rôm rả (1932-1942) - thì luật sư Trương quen biết nhiều bạn văn như Thế Lữ, Khái Hưng, Tchya, Lãng Nhân vv. mà lại không biết Đinh Hùng. "...Đinh Hùng nổi tiếng về sau. Và sau ngày di cư, dân chúng miền Nam mới biết được thi sĩ Đinh Hùng, qua Đài Phát Thanh. (...) Giọng ngâm hơi ngọng - vì lưỡi hơi ngắn, nhưng từ thơ dồi dào, lời văn ngào ngạt, khiến cho tất cả thính giả, nghĩa là toàn dân đều biết Đinh Hùng. Tiểu Nguyên Tử chỉ quen với Đinh Hùng sau này, vì Đinh Hùng bị chủ đất đưa ra Tòa, đòi dỡ căn nhà lá một chái của nhà thơ. Đinh Hùng nhờ một luật sư thân với T.N.T. như bóng với hình, bênh vực. Và sau khi luật sư thành công, Đinh Hùng trả công, bằng một bức tranh vẽ... "cái xóm nhà lá ấy", do một bạn họa sĩ tạo nên, theo lời yêu cầu của thi sĩ. Bức tranh ấy hiện đang còn được treo tại phòng giấy luật sư, ngay cửa chánh. Rồi lại hay tin Đinh Hùng bệnh nặng, Đinh Hùng chết. Và là một đám tang long trọng... (...) Ở xứ người, một thi sĩ ở trong địa vị của Đinh Hùng, nghĩa là chẳng những nổi danh vì một tập thơ, mà lại còn... nổi tiếng qua Đài Phát Thanh - như "Jean Cocteau" chẳng hạn - đã được giàu có trong lúc sống. Và sung sướng trọng đãi từ ngày nổi danh cho đến ... mấy chục năm sau ngày chết. Xứ ta, thi sĩ hữu tài chỉ được trọng đãi sau ngày chết.... Nhứt là nhờ ngày chết ấy lại lọt trong thời kỳ bầu cử"

(nhật báo " Dân Chúng " số 1004/ngày 4/9/1967).

" Và quả thật khi giã từ cuộc đời- thì ra đi chỉ một mình- tất cả để lại sau lưng, có ai mang theo được gì! Tôi lẩm nhẩm mấy câu thơ nhớ được- từ "Hoài niệm" dành tặng "văn tinh Đinh Hùng chữ của Đ.H.- TP chú thích) - ngay ở bãi cỏ quân trường - nơi lính tráng bị cấm trại 100% -dịp bầu cử Tổng thống VNCH (1967)- liên danh Nguyễn Văn Thiệu & Nguyễn Cao Kỳ:

"... Mộng cung tần
Xoay nghiêng mặt gó
Ai cười? Ai nói? Ai xênh ca
Lênh đênh nước biển trắng nhòa
Những vì sao lạ đã xa xuống gần
Trời buồn giáng điệu giai nhân
Trái đất xoay vần - đứng lặng mà nghe
Rạt rào sóng nhạc pha lê
Đêm tàn, núi đổ - Ra đi một mình .."

Saigon 1997.

(30 tết Canh Dần, chuẩn bị đón tân xuân Tân Mão - sao nhớ Đinh Hùng lạ thường !)

Tựa Đoàn Thêm” In Trong “Đường Vào Tình Sử “Đinh Hùng

Thế Phong

Kính gửi thi sĩ Đinh Hùng,

Ông bạn có cho xem bản thảo tập thơ ‘Đường vào tình sử’ và tôi đã trình bày qua thiên kiến. Song ông bạn còn muốn tôi ghi rõ ra, để tiện bề ngắm lại.

Tôi nghĩ thế khác nào phê bình, mà phê bình theo tôi, cần dành cho những nhà văn chuyên trách nghiên cứu, chứ không phải là công việc của những người cùng sáng tác, nhất là khi hai đường lối làm thơ không giống nhau, rất e nhiều phần chủ quan bất tiện.

Vả chẳng, tôi đã đọc kỹ, ngay trên các trang đánh máy, khuyên tròn, sỗ ngang, hay gạch bằng bút chì đỏ xanh để lưu ý tác giả, như vậy tưởng đã đủ phận sự một bạn đọc với tất cả sự thận trọng cần thiết để xét một tác phẩm.

Nhưng ông bạn còn bảo: chính vì thấy đọc kỹ nên mới đòi hỏi, và mặc dầu đã như trên, chỉ có nhận định về chi tiết, còn thiếu về đại cương toàn thể; vả lại, có chịu viết ra hộ, thì mới cần nhắc cẩn thận từng ý, chứ không hời hợt gọi là, như khi nói chuyện qua loa.

Từ chối làm sao bây giờ? Thôi thì đành hạ bút, với sự dè dặt của người hằng quan niệm phê bình như một ngành văn học rất cao, chứ không thể là sự phán đoán táo bạo của bất cứ ai cầm sách đọc. Dù sao, nhìn rõ được đến mức nào, với tư cách một độc giả, cũng xin trình bày để tùy ý ông bạn xét.

Tôi còn nhớ khi trao tay cho tôi tập thơ này, ông bạn vừa cười vừa bảo”: Đây là loại thơ tình, có xem thì xem...”. Xem lắm chứ, nhưng vì sao tác giả đã thốt ra câu đó? Ngụ ý, là e ngại rằng tôi coi thơ tình không hợp thời, hoặc không hợp với sở thích của tôi, bởi vì khi tôi làm thơ, bạn biết tôi thường tránh nói thẳng về tình ái. Ông bạn đã xác nhận, thì tôi phải đính chính.

Lỗi thời, hợp thời ? Một vấn đề làm nhức óc kẻ sáng tác. Song đối với riêng tôi, và như có dịp trình bày trên một tạp chí, hợp thì càng lợi cho tác giả, không hợp thì chưa chắc đã hại gì đến giá trị tác phẩm. Nhiều tranh vẽ của Monet, của Cézanne, của Matisse, của Picasso, khi mới trưng ra, đã bị công chúng và các nhà phê bình mạt sát đả kích: nhưng cách đó một vài năm hay một vài chục năm, các vị trên lại được ca ngợi và họa phẩm được đấu giá hàng mấy trăm triệu quan mỗi bức. Ngược lại, có nhiều tác phẩm, tưởng là bị loại bỏ rồi, mà vẫn được các giới trí thức ưa chuộng, tỉ như kịch của Shakespeare. Vậy ông bạn không nên băn khoăn, chúng ta chỉ biết sáng tác bằng tất cả tâm hồn ta, giá thử tâm hồn đó đã được đào luyện theo nếp bị coi là cũ, thì đổi đề tài hay kỹ thuật cũng chỉ gượng gạo; và ngược lại, nếu tâm hồn ta được đào luyện theo các phương pháp mà có người cho là tân tiến, thì ý và lời ta muốn có vẻ khác, cũng chẳng thể dối ai. Tầm nhà thơ hay ông kéo mặt, có biết là hợp thời hay lỗi thời đâu? Ta có mặt, tuy đã có từ mấy ngàn năm nay, nhưng điều tốt đẹp, vẫn không thiếu người ưa.

Còn tình yêu mà ông bạn ca hát, đâu có lỗi thời ? Chất sống của con người mất làm sao được ? Có lẽ ông bạn ngại vì có người bảo: đương ở giai đoạn tranh đấu cho cuộc sống còn của dân

tộc và nhân loại giữa lúc cần” nói lên” những thắc mắc và giải quyết những vấn đề con người thời đại “ vv... sao vẫn yêu đương vớ vẩn và say sưa mộng đẹp? Không bàn cãi vì ngại lạc đề, tôi chỉ nhìn nhận khách quan một sự hiển nhiên: hiện nay vẫn chẳng có tiểu thuyết nào hay, phim điện ảnh nào hay, mà hoặc không có tình hay không có người đẹp. Bỏ tình đi, đuổi hết người đẹp đi, vô số nhà xuất bản và các rạp điện ảnh sẽ đóng cửa: chẳng lẽ cho vỡ nợ cả. Tôi cũng tự hỏi vì sao hôm nay có phim ái tình ly kỳ thì hàng ngàn người gia trẻ trai gái chen chúc lấy vé, ngay ở những thời kỳ bom đạn 1942-1945 .

Vậy tôi thiết nghĩ ông bạn cứ tùy ý chọn đề tài, hay đúng hơn cho nhà thơ, thì cứ theo cảm xúc riêng đưa đẩy tới những điều vãn hòa hợp với đời sống nội tâm, nếu tình yêu là chất đẹp dồi dào mạnh mẽ nhất của đời sống đó: chẳng lẽ tôi làm, khi đã theo dõi dòng thơ của ông bạn chan chứa qua hàng trăm bài, nhất là từ” Mê hồn ca “? Tôi vẫn biết hiện nay một số nhà thơ đã tìm nguồn mới, ở cảnh vật nhìn theo những đường lối mới của nhỡn quan; hoặc những khu vực khác của linh hồn, trong thâm tâm u uẩn, hoặc những xúc động của thời đại, và tôi cũng không mong gì hơn là nhà thơ Việt Nam dần bước đến những miền bao la đó, thì tứ thơ của ta mới phong phú như của thi nhân Âu châu. Song chính ở Pháp, tôi thấy nhà thơ, tuy đã ngao du ở nhiều non nước lạ, cũng vẫn thiết tha với người đẹp, hoặc chưa dứt được yêu đương. Trong hai cuốn hợp tuyển toàn những thơ tình vừa xuất bản năm 1955 “ Anthologie de la Poésie amoureuse” của Georges Pillement có cả những nhớ nhung thao thức của Paul Valéry, Paul Claudel hay Marie-Noel là những thi nhân thiên về triết lý hoặc tín ngưỡng cao siêu, chớ không kể xiết những người như Aragon thất thanh kêu gọi nàng Elsa ?

Cho nên tất cả vấn đề ở đây, không phải là cứ làm thơ tình hay không nên làm nữa, nhưng là diễn tả thứ tình chi, với lời lẽ như thế nào, và làm sao rung động được, sau khi mặc khách tao nhân từ mấy ngàn năm nay đã cho chảy bao nhiêu suối mực, tràn bao nhiêu lớp sóng nước mắt vì mỹ nhân và tung ra bốn phương trời bao nhiêu luồng gió “ phong tình”? Vậy thì tình của ông bạn có những đặc tính gì ? Tôi không dám đòi hỏi những sự tân kỳ, vì đã yêu thì con người nào chẳng nhớ nhung, thương tiếc, sầu, ghen, giận, tủi, khóc, cười... Tôi cũng không dám đòi hỏi như nhiều bạn khác, rằng thi nhân phải nói hộ bằng lời đẹp hơn của tôi, những tình cảm mà tôi không diễn tả nổi. Vì tôi trọng tự do của mỗi con người, xin để cho mỗi người sáng tác cảm xúc theo cá tính và hoàn cảnh riêng biệt của người ta trước hết; rồi nếu hợp với tôi, thì càng tốt cho tôi; ngược bằng không nói hộ gì cho tôi, thì cũng chẳng sao. Cần nhất là họ hãy nói ra cho đẹp những gì của họ đã. Nếu không thế, thì tôi sẽ mắc lỗi độc đoán, kiêu căng ép buộc người ta phải hợp với tôi hay sao. Nhưng tôi lại xin đặt vấn đề nội dung và văn thể như sau, vì tôi muốn đòi hỏi gắt gao hơn ở một thi nhân có tên tuổi: thi nhân yêu với ánh sắc chỉ mang bóng dáng Đinh Hùng, với lời lẽ gì gọi ra được những ánh sắc đó?

Thường khi đọc thơ tình, cũng như nhiều bạn, tôi hay tò mò tự hỏi : người đẹp ở đây là ai, đã có chuyện với tác giả trong trường hợp nào ? Thi sĩ Lamartine có nàng Elvire, Hugo có Drouet, Vigny có Marie Dorval là nữ tài tử kịch trường đi lại lâu năm... Vậy thì giai nhân của Đinh Hùng người ở đâu ta, gặp gỡ bao giờ, hay ít ra tên họ là chi ?

Phải chăng là cô Tần Hương mặc áo hoa vẽ bướm, đã khiến thi nhân tơ tưởng, khiến:

*Chàng nhật từng cánh hoa
Giữ từng con bướm ép ?*

Không, đó chỉ là hình ảnh lơ mơ trong đầu óc người thiếu niên đương tuổi bồng xuân, áp ủ “ Giấc mộng ban đầu” cũng như bóng dáng phơ phất qua đường với:

*Cặp má nào phơn phớt ánh phù dung
Đâu là lướt mái tóc dài sóng gợn ?*

(trong bài” **Khi mới lớn**”)

Hay là cô nhỏ ngây thơ còn trèo cây khế, vin hái quả xanh bên tường ? Không thể vì lại thấy em khác trong cảnh” Da hội” tượng bưng cho say mê chốc lát, để rồi thi sĩ thở than”

Ta chọn nhằm hoa, lẫn ái tình

Nếu cứ dò la như vậy thì đọc hết hàng mấy trăm câu cũng chưa tìm ra ái với dung nhan và tính tình rõ rệt. Khó lắm, chúng ta có kiên tâm thì cũng chẳng hài lòng, chỉ như Lưu Thần, Nguyễn Triệu trở lại tìm tiên mà chỉ thấy khói mây nghi ngút .

Tôi đọc nữa và ngẫm lại. Thôi phải rồi. Người đẹp của Đinh Hùng không phải là con nhà họ Trần ở Hà Nội hay họ Lưu ở Saigon. Đâu phải người cõi này ? Nàng là “ Em Huyền Diệu” , là” Nữ Chúa Sầu”. là” Công Chúa Si Mê”, là” Sầu Hoài Thương Nữ”, nàng

*.... tự ngàn xưa chuyển bước về
Thuyền trao sóng mắt dán trăng đi*

Dĩ nhiên nàng đẹp, nhưng với những dáng vẻ thấp thoáng của con người xứ mộng. Nàng ẩn hiện biến hóa khôn lường. Có lúc nàng mượn hình ở” Lam tuyền viễn mộng”

*Nếp mặt hoa rùng mưa giấc ngủ
Ngàn thương mái tóc xõa như mây
Có khi, nàng là thiếu nữ chờ yêu nũng nịu
Hồng lên má phấn hoa bưng tỉnh
Xuân với em vừa lá tóc xanh*

Buổi khác, nàng nhập vào mỹ nhân bên hàng xóm, gió hiu quạnh rung phím dương cầm:

*ôi mắt xanh, mà lặng, áng mi dài
người khuê nữ tóc buồn như suối chảy*

Những đêm trăng, khi lòng chàng thao thức nàng rón rén đến gần bên:

Tuyết rợn làn da bóng nguyệt trôi

Lại có lần như người kiếp trước, nàng lặng lẽ đến trong giấc ngủ canh khuya:

*Em đến mong manh góc ngọc chìm
Tàn canh hồn nhập bóng trăng im*

Rồi chán làm cô gái nhỏ leo cây khế, hoặc cô vũ nữ một đêm vui, hay cô Tàn Nương nào đó, nàng hóa thân ra tất cả các cô em xinh xắn ngây thơ

Các em đi tha tướt áo màu hoa

hoặc:

*những nàng như liêu mắt xa xôi
để thi sĩ ngân ngơ say tỉnh*

Chàng đã sống với nàng ra sao ? Rất thiết tha, đắm thắm: lúc” kể chuyện lòng” hay” tư tình dưới hoa “, lúc” gắn chặt lời thề trên gối” hoặc cùng hòa nhịp ân tình dạ khúc... Chàng kêu gọi” xin hãy yêu tôi”, say sưa chỉ vì một tiếng em, có bận” hờn giận nhau rồi tình lại mới” , chàng đã từng được hưởng cảnh ấm cúng, trong buổi” xuân ấm hương rùng”, ở giờ phút mở lòng đón” hy vọng chiều xuân”. Nhưng rồi cũng như bao khách si tình khác, phải chia phôi thương nhớ” gặp nhau lần cuối” trải qua đêm chớp bể mưa nguồn, bơ vơ trên đường khuya trơ bước, dù sao cũng “ lạc hướng Mây Tần”(*) .(* :- những chữ” trong ngoặc” lấy ở đầu đề các bài thơ của Đinh Hùng”- Đoàn Thêm chú thích.)

Điều rất đáng chú ý, là tuy họ yêu nhau, chàng thiết tha vô cùng, mà nàng thì ngay trong những giờ phút gần gũi, xem chừng không đủ đắm thắm để đáp lại mối tình sâu xa, sôi nổi, day dứt của chàng.

Chàng đón chờ từng nụ cười, khoe mắt, làn hương trên tóc, một lời êm ái, một bước đi

*Chừng nghe qua bóng lá xanh
Có chân ai lặng bước nhanh trong sầu
(Thủy mặc)*

Chàng băn khoăn thăm dò từng ý nghĩ, từng rung động của nàng và mỗi khi gần nhau, mong muốn nàng cũng xao xuyến như về mọi cảnh mọi sự để” hai linh hồn vào chung một mộng / hai bóng người làm một bóng thôi” (Sấm Thương sầu nhạc). Cho nên, chàng phải gạn hỏi rất nhiều

*-Em đã cho lòng thương nhớ chưa?
Khi chiều sương bạc ánh saot hưa
-Em có vì thu gieo lệ không ?
(Lạnh mùa đông cũ)*

hoặc:

*-Em hiểu rằng tôi yêu đến đâu
Khi trăng sơ ý xé ngang đầu
Hồn đêm chợt thoáng qua làn mắt
Tôi ngẩng nhìn em một thoáng mau*

hoặc:

*-Em muốn đôi ta mộng chốn nào ?
Ước nguyện đã có gác trăng sao...
(Tự tình dưới hoa)*

Lúc vui cùng hỏi, lúc buồn cũng muốn biết, nghĩ sao :

*-Em trở về đây để nắng hồng
Hồn xưa còn đẹp ý xưa không ?
(Buồn xưa)*

*Thu về em đã gặp thu chưa?
Giải nước trường giang lạnh mấy bờ ?
(Nụ cười thương nhớ)*

Nhưng Nàng cứ im lặng, đôi khi nở nụ cười, nhiều lúc ngả bóng mi sầu, chẳng thấy trả lời một câu, dầu chàng năn nỉ hết lời: muốn biết dĩ nhiên cần nghe nói, và cứ lặng thinh thì thông cảm làm sao ?

*-Nói đi em, từng ý nhỏ mà say
Từng rạo rức cánh lòng hoa đương mở
-Nói đi em cho từng mảnh sao rơi
Từng vũ trụ tắt dần trong lồng ngực*

Hay là chẳng lên tiếng, thì ít ra cũng biểu lộ tâm tình bằng cách khác:

*- Em hãy cười như thuở mới quen
Trời xanh trao khước mắt như thuyền
Em hãy nhìn như thuở mới say
Màu xuân tô nét nắng đôi mày
(Hy vọng chiều xuân)*

Van lơn mãi, cũng vậy thôi, “ anh nhìn em như chiêm ngưỡng một hành tinh,” (Đường vào tình sử) song “Em nhìn lơ đãng biết bao nhiêu !” (Truyện lòng). Kết cục, là anh đau khổ vì không thỏa dạ:

Khát vọng còn nguyên lửa cháy rừng
(Lời thề trên gối)

Trước tình trạng đó, ai có thể hành động khác thi nhân, nghĩa là chẳng ôm hận ra đi, mặc dầu vẫn yêu:

*Từ buổi ấy, mê một làn hương quý
Tôi ra đi chưa biết sẽ về đâu ?
(Giáp mặt phù dung)*

Mà có muốn tìm an ủi chốn khác, cũng vô ích, và chỉ:

*thấy quanh đây toàn xác thịt âu sầu
toàn những dáng hoa phai buồn ủ rũ*

Vì khát vọng của nhà thơ đâu phải là những xác thịt, nhưng là một tâm hồn bạn, một tâm hồn vừa chan chứa yêu thương, lại vừa cảm thấy được tất cả nỗi lòng thi sĩ với bao nhiêu hoài mệnh mang trước những bóng vang huyền ảo của tạo vật, những uẩn khúc vui buồn nhớ tiếc từ dĩ vãng tha về con người hiu quạnh trong hiện tại và âm thầm chờ đợi tương lai. Lạc bước đi tìm lại hạnh phúc của những ngày vui không còn nữa:

*Dòng sông bơ vơ tìm dĩ vãng
Thuyền trôi bang khuâng về tương lai
(Hồn giận)*

*Và lời gió cùng run cùng cánh bướm
Em không thấy u hoài như sóng gợn
Tự lòng anh rung lại mấy thanh âm
(Tiếng dương cầm)*

*Ngày xưa bướm trắng mây vàng
Ta sống trong vườn tiên giới
Bây giờ lạc xuống trần gian
Tôi đi tìm Bồng lai mới
(Linh hồn Hoài Điệp)*

Nỗi cô đơn trước cuộc đời và vũ trụ đã giải nghĩa khát vọng yêu đương kia, và được diễn tả qua những điệu vần đượm sâu man mác:

*Giữa đêm lòng bỗng hoang vu
Gối chẵn nghe cũng tình cờ quan san
(Vào thu)*

*Mây bay ánh mắt trắng tà
Nắng hương cỏ dại, sương pha áo ngàn
Người đi vào giấc mơ tan
Ta soi dòng suối đêm tàn tìm nhau
(Xuân ấm hương rừng)*

*Đêm tàn, núi đổ, ra đi một mình
(Hoài niệm)*

*Hồn rừng động tiếng nai kêu
Con thuyền độc mộc trôi theo nỗi buồn
(Sóng hồ Ba Bể)*

*Nhịp bước nắm cung đàn ảo tưởng
Buông chìm tâm sự nửa đêm say
(Một tiếng em)*

Nhưng khách tình si còn nặng nợ với giai nhân, nên tuy lòng tự nhủ lòng, mà vẫn thiết tha kêu gọi, không phải để van lơn cho riêng mình, nhưng tin rằng tình yêu của mình rất cần thiết cho tất cả những ai là hiện thân của sắc đẹp muôn đời muôn vẻ, vì thi nhân sinh ra đời để ca tụng Đẹp của Hóa công, hoặc dùng thơ mà điểm tô Đẹp đó:

*-Xin hãy yêu tôi, những lòng thiếu nữ
Tôi chép thơ ca tụng miệng hoa cười
-Tôi không yêu sao có má em hồng ?
Tôi không buồn sao có mắt em trong ?
Tôi không mộng sao có lòng em đẹp ?
-Yêu tôi với, tôi làm thơ ân ái
Để yêu người và cũng để người yêu
Để các em qua từng bước điểm kiều
Trong cánh nước non tình tôi xếp đặt .
(Xin hãy yêu tôi)*

Như thế, nghĩa là thi sĩ vẫn yêu, không phải là yêu một người, nhưng yêu đời, yêu sắc đẹp. Cứ như thế mãi, hoa vẫn nở vẫn tàn, nước vẫn chảy, sông núi vẫn im lìm, giai nhân vẫn lặng tiếng; nhưng Đinh Hùng vẫn yêu như đã yêu từ muôn kiếp trước rồi “hóa thân vào nét chữ cuồng si”.

Chẳng biết sau khi nhận xét như trên, tôi đã thấu đáo hồn thơ của ông bạn chưa ? Dù sao, tôi đã hết lòng tìm hiểu được phần nào xin trình bày ra phần ấy.
Chắc ông bạn còn muốn biết ý kiến tôi về lời thơ.

Như tôi thường thưa chuyện với ông bạn, thiết nghĩ lời thơ phải tùy tứ thơ, chất thơ, là phần cốt yếu. Đã là tình yêu, thì không cần gọt rửa như khi khách quan tả cảnh, hoặc dùng những chữ mới lạ như khi muốn gọi những thắc mắc hoang mang; nhưng trái lại, lời phải thốt ra từ đáy lòng, càng sát bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, thành thực của ý hiện ra bình dị của lời.

Về điểm đó, tôi nhận thấy ông bạn đã thành công ở nhiều bài nhiều đoạn và những câu mà tôi đã trích ra không những có tính cách dẫn chứng về nội dung, còn bộc lộ được tình cảm, có khi với âm hưởng hồn nhiên của lời ca dao thôn dã, nhưng luôn luôn có giọng đơn sơ thân mật của câu tâm sự hai người. Kể ra thì còn nhiều đoạn khác nữa, để khiến cho độc giả nhập tâm, chính tôi đã thuộc lòng những câu như:

*Tôi hết thơ hoa, mộng bướm rồi
Bây giờ lòng kể chuyện lòng thôi
Bởi em mơ dáng sầu đôi chút
Tôi mới băng khuâng ngỏ mấy lời.*
(Truyện lòng)

Tả tình như vậy, tả cảnh cũng có một đặc sắc: cảnh ngấm qua tình, tình hợp với cảnh, hay chỉ mượn cảnh tả tình ? không thể phân biệt rõ, nhưng chính vì thế mà cảnh không bao giờ khó khăn, lúc nào cũng đượm vui buồn; nghĩa là cảnh có hồn vậy

*...Còn nhớ tới bây giờ
Những buổi trưa hè, tiếng võng xưa
Câu chuyện đêm trường bên giếng nước
Tiếng buồn, ai hát giọng đò đưa ?*
(Lạc hướng Mây Tần)

Nhưng đơn giản không phải là thiêu thú vị, và những thi ảnh gợi ra bằng vài nét, nhiều khi thấp thoáng như bóng vang hay những cảm giác êm dịu, vì ngả về sâu, và được buông theo những vần điệu nhẹ nhàng:

*Em về rũ tóc mưa sa
Năm canh chuốt ngón Tỳ bà khói sương*
(Vào thu)

*Lá xanh che khuất đường trưa
Bóng thêu hoa nắng lụa thưa điểm vàng*
(Thủy mặc)

*Bỗng nghe lạc trận mưa ngàn đổ
Cả một mùa thu đã quá giang*
(Sóng nước đồng chiều)

Song theo tôi, đó chỉ là những vẻ đẹp rất thường gặp ở một nhà thơ nhiều năm tên tuổi.
Kính bút,

Saigon, ngày 25 – 12 - 1960

++++

Đình Hùng

Đình Hùng sinh năm 1920, con út một gia đình trung lưu, gốc làng Phượng Dực (tỉnh Hà Đông) – từ lâu ra lập nghiệp tại Hà Nội. Ông bà Phán, còn gọi ông bà Hàn, sinh được hai trai, bốn gái. Trưởng nam Đình Lân, và các chị Loan, Yến, Hồng, và Thục Oanh- cô chị này hơn cậu em 1 tuổi và chiếm được trọn vẹn tình yêu của cậu em khó tính là Đình Hùng. Thật vậy, Đình Hùng từ nhỏ đã khó tính, lại ưa cô đơn. Sống trong 1 gia đình đông vui, mà Hùng vẫn tưởng đâu là đang sống giữa chiếc đảo nhỏ nhồi giữa một quần đảo, tứ bề xa cách. Phải chăng vì bà Phán hoài thai nhà thơ của chúng ta ở Manila (Philippines) – nơi ông Phán được bổ nhiệm sang đây làm Chánh văn phòng Tòa Lãnh sự Pháp từ 1918. (*theo Tạ Ty- sách đã dẫn*)

Chị ruột ông, Đình Thị Thục Oanh (sinh 1919 ở Manila) còn Đình Hùng sinh sau 1 năm – đích thị bà Phán đã hoài thai chàng thi sĩ bẩm sinh từ nơi quần đảo xa xôi ấy- sau này Vũ Hoàng Chương đã cho rằng thơ của cậu em vợ đã chịu ảnh hưởng này cách bất ngờ, rơi rớt lạc vào dòng thơ, có câu:

*“...Hỏi bao quần đảo vừa ly tán
Trần tục là đâu hỏi đất bằng ! “*
(Mê hồn ca)

Vẫn theo Vũ Hoàng Chương- Đình Hùng bị cú sốc tinh thần vào lúc 11 tuổi - hoa khôi Đình Thị Tuyết Hồng nhảy xuống hồ Trúc Bạch tự vẫn. Cái chết của người chị trước đó, kéo theo sau tang tóc từ cụ thân sinh thất lộc khi tuổi chưa tới 50 – rồi 3 năm sau Đình Hùng lại phải từ biệt một người chị đã lập gia đình, mà tuổi còn rất trẻ. Người chị cả đó là chị Loan.

Đình Hùng tốt nghiệp Tú tài bản xứ- vừa khi đó- ông lại bị cú sốc tinh thần đầu – yêu đơn phương một chiều- nàng Kiều Hương. Nàng đi lấy chồng, hết Tố của Vũ Hoàng Chương và Đình Hùng khắc họa chân dung nàng qua thơ:

*“ Tần Hương ôi Tần Hương
Tên nàng như hoa đẹp
Chàng là bướm tơ vương
Nên chàng là Hoài Điệp...”*
(Đường vào tình sử)

Và chẳng ngạc nhiên gì, sau này Đình Hùng dùng bút danh *Hoài Điệp* (trước) và sau là *Hoài Điệp Thứ Lang* trong tiểu thuyết đăng nhiều kỳ trên báo từ sau 1954 – kể cả bút danh trào lộng Thần Đăng - và ông còn phụ trách *ban Tao Đàn* trên Đài Phát thanh Saigon, tiếng thơ réo rắt, và giọng nói Đình Hùng nhừa nhựa sắc như lưỡi gươm bén, phóng vào đêm tối âm vang.

Thi sĩ Bàn Bá Lân, nhà thơ tiền chiến; khi phân tích thơ của nhà thơ trẻ Đình Hùng- ông chú ý ngay từ khi *“Bài ca man rợ”*- được tập san *“Giai phẩm”*) Nxb Đời Nay của nhóm *Tự lực văn đoàn*, tặng bốc :

“... trước hết là trí tưởng tượng phong phú của tác giả. Ông tưởng tượng ra một con người nguyên lòng sơn dã, từ lâu ông sống một đời man rợ thiên nhiên trong núi sâu rừng thẳm, bỗng một ngày kia trở về đô thị”.

Cùng đọc một số đoạn trong “ Bài ca man rợ”:

“ Lòng đã khác ta trở về đô thị
Bỏ thiên nhiên huyền bí của ta xưa
Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ
Và chân bước nghe chuyển rung đồi suối
Lá cờ sắc vương đầy trên tóc rối
Ta khoác vai manh áo dầm hương rừng
Rồi ta đi khí núi bốc trên lưng
Mắt hung ác và hình dung cổ quái
Trông thấy ta cả cõi đời kinh hãi
Dòng sông con nép cạnh núi biên thù
Đường châu thành quần quai dưới chân đi
Xao động hết loài cỏ hoa đồng nội

Người và vật nhìn ta không dám nói
Chân lảng xa, từng cặp mắt e dè
Ta ngẩn ngơ nhìn theo bóng ngựa xe
Nhìn theo mãi đến khi đời lánh cả
Và ta thấy hiện nguyên hình sơn dã ...”

Tôi trích 17/ 55 câu - một trong những bài thơ đầu đời Đinh Hùng - dường như đã quá đủ biểu hiện dòng thơ lãng mạn thời tiền chiến- mà không cần trích đủ toàn bài, như Bàn Bá Lân xưng tụng, trích dẫn về Đinh Hùng ..

Vậy bài thơ đầu tiên nào của Đinh Hùng được đăng báo ? Đó là “ *Đám ma tôi* “, Đinh Hùng ký *Hoài Diệp*, do Nguyễn Đức Chính đưa cho *Nxb Tân Việt* in – rồi Nguyễn Đức Chính lại đem thơ Đinh Hùng giới thiệu “ *ông Trùm coi sóc thi đàn Nxb Đời Nay- Thế Lữ*”. chẳng ? Tư liệu này do Vũ Hoàng Chương tiết lộ, và qua một nguồn khác lại cho rằng: Thạch Lam mới là người giới thiệu Đinh Hùng (*tác giả cùng tác phẩm*) với “ ông Trùm Thế Lữ” ? Câu chuyện được kể lại :

“... *Khi Thạch Lam xuất bản” Hà Nội 36 phố phường*”, *tác giả ở trong 1 ngõ rất sâu thuộc làng Trung Phụng (ngoại ô Hà thành) – nơi này cũng là một nơi đất nhiều ma quái, dâm lệ - nào có những bộ xương khô cùng lưỡi hái dài nanh ác luẩn quất trong lùm cây khế to đùng, cả cây cam âm u của trại Trung Phụng...*”

Lại nói về Thạch Lam- mỗi khi lên phố, phải đi qua nhà ông bà Phán (cha mẹ Đinh Hùng). Biết vậy, Đinh Hùng nghĩ kế cách nào để làm quen được với nhà văn nổi danh nhóm *Tự lực văn đoàn*? Ông bèn viết một lá thư kèm bài văn có tựa đề “*Thịt chó*”- rồi chặn đường, gặp được Thạch Lam, trao cho đọc, xin ý kiến. Thế rồi, có một buổi, Thạch Lam ghé vào nhà Đinh Hùng thật - lần này “*nhà thơ trẻ*” sững sốt, gây một ấn tượng tốt đẹp khó quên trong đời. Dần dà, Thạch Lam quen thân Đinh Hùng hơn, ông dắt đưa bạn trẻ đến trụ sở *Nxb Đời nay* ở phố Quán Thánh, rồi giới thiệu hết lời về Đinh Hùng với Thế Lữ, Khái Hưng, cả Nhất Linh nữa - toàn “*tay tổ*” của nhóm *Tự lực văn đoàn*.

Và sau, chính Thế Lữ- là người đầu tiên nâng đỡ đích thực nghiệp văn thơ đầu đời nhà thơ trẻ - và Đinh Hùng tự-sự- kể:

‘...Hồi đó mỗi khi làm xong bài thơ nào, tôi thường tìm Thế Lữ để đọc cho ông nghe. Lần nào cũng vậy, nghe xong, ông lắc đầu bảo: “ Chưa được, cậu cần phải chịu khó hơn nữa”. Tôi buồn quá vì tự ái nổi dậy, nghĩ thế nào cũng phải làm cho được 1 bài thơ hay. Không lẽ cứ để cho Thế Lữ chê hoài ?...”

Hồi ấy, Đinh Hùng đang yêu thầm nhớ trộm một cô đầu trẻ ở phố Khâm Thiên- khi tác giả làm xong bài thơ “*Kỹ nữ*”, liền đem đến khoe nhắng với Thế Lữ. Thi sĩ “ *ông Trùm thơ Đời Nay*” thông cảm háo hức bạn trẻ, đọc ngay, im lặng hồi lâu, chậm rãi, phán:

“-...*được lắm ! cậu nên làm theo thể loại này!*”

Thế là ‘*Mê hồn ca*’ được hình thành từ thời kỳ đó.

Qua một thời gian tham gia Kháng chiến ở Khu IV - bỗng một ngày kia, khăn gói lẩn trốn về Thành (Hà Nội- lại gặp được ngay Hồ Dzếnh) lúc này đã là chồng bà Nhật- chủ một hiệu, sách *Bình Minh* ở góc Phố Huế + Reinach)- Hồ Dzếnh đọc xong, nhận in ngay “ *Mê hồn ca*”. Khi đang xúc tiến in, gần xong, thì Hội nghị Genève 1954, Việt Minh và Pháp ký hiệp định chia đôi Việt nam - thì *Mê hồn ca* chịu chung số phận. Kê bỏ tiền in không có cơ hội phát hành ở ngoài Bắc, lại cũng không di cư vào Nam - Hồ Dzếnh giao cho tác giả cả ngàn tập *Mê hồn ca* cùng tác giả di cư vào Saigon- vừa phát hành, vừa bán, vừa tặng.

Rồi Đinh Hùng làm “ *chủ soái ban Tao Đàn*” - từ 7 giờ tối hàng đêm réo rất giọng ngâm thơ hiều tài tử, nghệ sĩ tài danh: nào những Quách Đàm, Hoàng Thu, Tô Kiều Ngân, cả ca sĩ Thái Hằng và Hồ Điệp- một giọng ngâm thơ thật đặc biệt sáng giá! .

Vào đầu thập niên 1960, một chuyện như giai thoại thật trớ trêu xảy ra- khi chủ soái Tao Đàn mặc complet xám chững chạc, vừa hoàn thành thầu thanh, bước ra khỏi Đài Phát thanh Saigon – một cô chặn lại hỏi:

- thưa ông, có phải ông là Đinh Hùng?

- Phải, chính tôi- Đinh Hùng đáp.

Người vừa lên tiếng hỏi chủ soái ban Tao Đàn- một cô mặc đầm, nói năng lễ độ, miệng cười tươi. Nghe xong câu thứ 2, Đinh Hùng ngỡ ngàng:

- Ông có nhớ 3 câu thơ mà ông vừa ngâm trên ban Tao Đàn tối thứ 2 không ?

- Nhớ chứ , 3 câu ca dao nói về Án sát, Tuần phủ chứ gì ? Đinh Hùng đáp.:

- Rất đúng thưa ông, và bắt đầu bằng :

- “ *Thứ nhất rắn hổ mang hoa*

- *thứ 2 Trần Tấn..*

- *thứ 3 là Bùi Bành “*

- *có phải không ạ ?*

- *..mà ông có biết Trần Tấn... là ai không nhỉ ?*

- Đinh Hùng chưa kịp trả lời – nét mặt duyên dáng cô gái biến sắc, chuyển sang” *tông*” khác-cúi xuống lấy chiếc guốc dưới chân trái , rồi nện thẳng vào đầu nhà thơ.

- Trần Tấn là Trần Tấn Bình, ông nội tôi. Bố tôi là con Cụ Tuần Bình : *Trọng Lang- Trần Tấn Cừu*, chắc là ông có biết?

- Nói xong, bỏ chiếc guốc vào chân trái, bước ra xe rất nhanh –một sĩ quan mặc đồ trận chờ ở ngoài lề đường - chờ trên xe gắn máy đi mất tăm.

- Thấy Đinh Hùng lấy tay ôm đầu máu, Hoàng Thu (thì phải) lại dìu vào quán phở 44 đối diện. Hỏi han, Hoàng Thu cho biết tên sĩ quan chờ cô em phang guốc vào đầu Đinh Hùng – đó là trung úy Trần Tấn Đ...- trưởng nam nhà văn tiền chiến Trọng Lang có tên thật Trần Tấn Cừu.

Rồi tới một buổi trưa thứ 7, trước cửa nhà số 38 đường Tú Xương (Saigon 3) là Trường Cán sự Xã hội Caritas- tôi đến để đón C.M.N. và gặp Đinh Hùng vẫn trong bộ cánh “ *complet xám*” tự khai :” ông đón ai, còn tôi đón nàng thơ có phương danh Hoài Diệu. “ Và Đinh Hùng kể tiếp: - Đáng lý” *toa*” phải lãnh nguyên cái guốc mới phải - thế mà “ *moa*” đã phải nhận thay” *toa*” rồi đấy ! “*Toa*” có nhớ không, chỉ vì 3 câu” *vè*” phải gió căn rặng trong” *Nhà văn tiền chiến. ..*” của” *toa*” – “ *moa*” cho ngâm trên “ *Tao đàn*” – mà giờ này đầu “ *moa*” còn “ *ư*” một cục !

Năm 1961, Đinh Hùng được giải 1- Giải thưởng Thơ Toàn quốc - sách in tuyệt đẹp (*linograph*) tại” Kim Lai Ấn quán”:- với lời tựa đính kèm rất trịnh trọng của “ thi sĩ” Đoàn Thêm., . tay này đầu Cử nhân Luật thời tây- bấy giờ là đương kim Phó Đồng lý Phủ Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông là tác giả đôi ba tập thơ, sách viết về lý luận thơ, dịch sách hội họa vv.. Dự luận “ *phê*” ngầm” :

- Có “ *ông Phó*” Đoàn Thêm “*đề tựa*” thì “ *Đường vào tình sử*” của Đinh Hùng, “ *bố*” thàng giám khảo nào dám tự ý “ *lắc đầu*” không bỏ phiếu thuận.

Cùng nghe Du Tử Lê, tác giả” *Năm sắc diện, năm định mệnh: Đinh Hùng, Bùi Giáng, Tô Kiều Ngân, Thanh Tâm Tuyền, Thế Phong* – Saigon 1965) kể về giai thoại giải thưởng kia – với lý do nào Đinh Hùng “*để*” được bỏ phiếu thuận để “ *ấm*” chót lọt Giải thơ Toàn quốc của Tổng thống Diệm ?

Trước tiên, sách phải in đẹp, bây giờ chỉ có Nam Chi Tùng Thư (*Lãng Nhân* giám đốc), in đẹp nhất là Kim Lai Ấn quán, do tổng quản lý “ *kỹ thuật*” Nguyễn Doãn Vượng. mà thôi. Anh là thi sĩ, được lắm- *thơ có hay*” không nhưng trước tiên còn phải có tiền in thơ cho đẹp vào – thì mới lọt mắt Ban Giám khảo... Nếu không sẵn tiền cho lắm, - thì anh phải kiếm được người” *sáng giá*” viết” *tựa*”- cỡ ông Phó Đồng lý Tổng thống phủ Đoàn Thêm chẳng hạn thì mới” *ăn giá*” được !

Nhưng muốn có tiền để in thơ - sắp chữ *linograph* - tư nhân chỉ có Kim Lai Ấn quán, ắt phải có Bình Nguyên Quân; nhưng là ai đây ? .

Xin trả lời ngay

- Ông Đoàn Thêm, tác giả thi tập” *Nhạc đế*”- chuyên viên hàng đầu viết diễn văn cho Tổng thống Diệm đọc, và Đinh Hùng muốn in thơ ở K.L.Ấ.Q., ắt phải” *cậy ông ta đề tựa*” .

Vấn theo Du Tử Lê- hỏi đó Thế Phong gặp Đoàn Thêm, đã nói ngay:

“ ... Anh Đinh Hùng rất buồn khi phải *cậy* anh *đề tựa*...”

Đoàn Thêm trả lời:

- *Đó là tự ý Đinh Hùng cậy nhờ tôi...*”

Thế Phong bồi thêm:

-*V thế mà.. thực sự anh ấy không cảm thấy sung sướng một chút nào ?!*”

Gần đây, khi hỏi về chuyện ấy, chính miệng Đinh Hùng tiết lộ Du Tử Lê hay- viết tựa kia là ngoài ý muốn Đinh Hùng. Thật ra, chẳng phải ông Đoàn Thêm bắt buộc phải có” *tựa*”- nhưng muốn được in thơ (tại Kim Lai Ấn quán) thì đành phải nhờ tới Đoàn quân thôi. Cùng năm, Đinh Hùng gửi” *Đường vào tình sử*” dự giải Văn chương Toàn quốc- thì Ban giám khảo bộ môn Thơ là” học giả “ Đông Hồ và thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, cả hai bỏ phiếu tán thành Đinh Hùng chiếm giải 1 “ . Trước khi trình Phủ Tổng thống” *ngự lãm*”, theo tôn ti phép vua, phải qua ông Ngô Trọng Hiếu- Bộ trưởng Bộ Công dân vụ.

Nhưng...

Lại phải thêm chữ” *nhưng*” Ban Giám khảo Thơ gửi bản đề nghị đề cử Đinh Hùng xứng đáng chiếm giải 1 - thì giám khảo viên Phạm Đình Tân (ở *ban khác*) nhất nhất không đồng tình treo giải quán quân Bộ môn thơ cho Đinh Hùng. Bởi, Phạm Đình Tân còn là chủ soái” *cái gọi là*” *Tinh Việt Văn Đoàn*”, chủ nhiệm tuần báo” *Văn đàn*”- lại” *ý*” có bác sĩ Trần Kim Tuyền (*văn hữu*

xưa trong nhóm) nay Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị- Xã hội (một tên khác: Mật Vụ) –từng là dịch sách” *Định mệnh con người*” do Nxb Văn đàn in ấn.

Do vậy, Phạm Đình Tân muốn” *cây nờ*” ông Trần Kim Tuyền- “ *kính chuyển từ phúc trình mật*” – ý kiến ‘*Tinh Việt Văn đoàn*” không đồng tình treo Giải 1 thơ về tay tác giả tác phẩm” *Đường vào tình sử*”.

Tổng thống Diệm đọc xong phúc trình- cho gọi ngay ông Lê Văn Thái (tự Thái Trắng- phụ tá ông Trần Kim Tuyền) vào Dinh.

Tổng thống Diệm phán:

- Sao treo giải Thơ cho một cuốn như ri ...?

- Ông Lê Văn Thái- cánh tay phải Bác sĩ Tuyền, Chánh sở Mật Vụ - hoảng hốt- vì đọc hay chưa hề đọc “ *Đường vào tình sử*” thì không biết::

- “...dù có đọc, tôi (Du Tử Lê) chắc người ấy chả hiểu gì ...?”

- Và ông Lê Văn Thái đành khất Tổng thống phúc trình đầy đủ sau.

- Vẫn theo Du Tử Lê (*Năm sắc diện... – sách đã dẫn*), ông Lê Văn Thái bèn “ mớ” ra ” *La Pagode*” (ngã tư Lê Thánh Tôn + Tự Do) hy vọng gặp được Thế Phong, chàng ta thường ngồi cà phê cùng bạn bè tại đây. Tay này thường ăn sáng, với bánh kẹp *Croque Monsieur*, và ly cà phê đen” *tổ bố*” (khi rùng rình quý kim) – Du Tử Lê viết vậy. .

- Từ lâu” *Quán Cáo Chùa*” là nơi gặp gỡ của anh em làm văn chương. Tìm ai, chúng ta (đây vẫn là Du Tử Lê) chỉ cần sáng sáng hoặc chiều chiều là gặp thôi. Và Thái Trắng đã gặp được Thế Phong thật. Rồi Thái Trắng dạm ý - thì T.P. trả lời đại để:

- .. đem Bàng Bá Lân so với Đinh Hùng- ai là người xứng đáng chiếm giải quán quân Thơ năm nay ư ? Kê xứng đáng thì không thể Bàng Bá Lân được, mà phải là Đinh Hùng, bởi lẽ : ” *Đinh Hùng trúng giải là làm vinh dự cho giải Thơ - còn giải thưởng thì không thể tạo vinh dự cho Đinh Hùng được !*).

- Sau cùng, Hội đồng Giám khảo Giải văn chương Tổng thống năm 1961 đề bạt Đinh Hùng chính thức nhận giải 1- lại còn được bầu làm đại diện viết diễn từ đọc trước quan khách vào ngày Tổng thống trao giải tại Dinh Độc Lập. Và “ *gà thơ dự giải Bàng Bá Lân*” – từ “ *chuồng*” *Tinh Việt văn đoàn*”(Công giáo) - chủ xị Phạm Đình Tân ‘ *thả*” “ *gà tranh giải thơ*” “ *bay vụt*” ra – nhưng chẳng mấy chốc bị đánh bật ra ngoài lề một cách không thương tiếc !

Bài thơ *Kỳ nữ* của Đinh Hùng được Thế Lữ khen từ thời mới vào nghề, liệu có thể gọi là một bài thơ hay ? Thật ra thì không hay lắm, nhưng ít ra cũng làm điểm tựa cho tác giả tin khả năng thi ca bước đầu không tệ lắm đâu ! Có những câu:

“ *Có con đường sao mọc lúc ta đi
Cả chiều sương mây phủ lối ta về
Khắp vũ trụ bỗng vô cùng thương nhớ
Vi người em có bao phép nhiệm màu
Một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc
Ta đặt Em lên ngai thờ Nữ sắc”*

hoặc rất” *mô- nô -tôn*”(monotonie) , như trong” *Thần Tụng* “:

“... *Mây lòng vương giả bơ vơ từ thuở suy vong nửa cuộc giao tranh sây đến tâm tình gỗ đá, kẻ phong sương, người lữ quán đã chưa kinh kỳ ảo tưởng, đã xoay nghiêng gác phấn lầu son. Từng điểm tinh anh lang thang những chiều tái tạo, bốn mùa hôn phối hiện lên thanh sắc cỏ cây, màu quân tử, nét văn khô, tuy chẳng cơn mưa móc từ bi cũng bùng nở...”*

Xu hướng thơ Đinh Hùng – đó là thơ viết theo hướng hoài vọng cá nhân. Và chưa có một thi sĩ nào có thể đem cái riêng tư sầu kín phản ánh qua thơ trung thực hơn Đinh Hùng- hoặc nói một cách khác - thì thơ ông đầy tính chất thần kỳ, ma quái, ý tưởng càng quái đản, nào hồn ma siêu phách, thế giới âm ty – nhưng thơ tình yêu lại rất cuồng nhiệt cụ thể! Đôi khi thôi, đọc thơ Đinh Hùng, người đọc hình dung được trong đầu thế giới vàng son, cung ngà, điện ngọc- như phẳng phát đầu đây:

*“ Gió trắng ngự uyển buồn sâu sắc
Thử bước vào xem cung điện ma ..”*

Đinh Hùng thường bị ám ảnh, luẩn quẩn- thơ chàng thi nhân của lầu son, gác tía, xưa kia thích than mây, khóc gió – thì nay đã không còn! Bây giờ thế kỷ XX, chàng đành chấp nhận mặc bộ *complet* từ phương Tây du nhập, dần thân đời trần tục, ta bà- lại không thể dễ quên thế giới hồng hoang!

Bùi Giáng- một thi nhân rất gần Đinh Hùng qua thi ca – lại rất khác biệt với con người ngoài đời. Đinh Hùng bình thường trong đời sống nhân sinh - còn Bùi Giáng nửa điên, nửa tỉnh- riêng lần đánh giá thi tài Đinh Hùng lần này lại rất tình (*hoặc thời đoạn sống này Bùi Giáng chưa mê điên chẳng*):

“...Đinh Hùng là thi sĩ muốn khai phá một nẻo đường đưa tới thế giới hồng hoang, nơi đây con người trút bỏ hết hình hài, thể phách, tinh anh cũ; mà đắm mình trong một bầu không khí ảo huyền, trác tuyệt, đầy những sương lá phong thần. Thi sĩ quên mất lo eo sèo thế sự. Cuộc sống tủi buồn của nhân thế đã xa biết bao! Tiếng cười, tiếng khóc ở đây có những âm vang kỳ ảo: “ Trọn cười tan hợp núi sông/ Còn mơ kỳ thú lạ lùng cỏ hoa / Hỷ trường đôi lớp phong ba / Mượn tay nguyệt tạo xóa nhòa bể dâu....”).

Nỗi buồn tiếc nuối thế giới hồng hoang từ thế kỷ nào vẫn lẫn quáit mạnh mẽ trong tâm can Đinh Hùng - nét dị biệt khác hẳn thơ Vũ Hoàng Chương. Nỗi buồn trừu tượng mênh mang, siêu thực cách ảo hóa, ngông cuồng vô lối, “ *sinh ra làm thế kỷ* “. Thơ V.H.C già cỗi, ảo mộng, người đọc dễ nhìn được tương lai sớm lụi tàn. Còn thơ tình Đinh Hùng trẻ trung, tươi, duyên dáng, ngây thơ, sâu sắc hồn nhiên, dung dị :

*“... Trời hồng chắc má em tươi
Nước trong, chắc miệng em cười thêm xinh
Em đi hoài cảm một mình
Hai lòng riêng, để mối tình cô đơn ...”*

Phút xuất thế đối với thi nhân- tuy tác giả muốn trốn chạy thế sự đa tạp, ngổn ngang để chui mình sâu trong vỏ ốc – thi nhân sẽ không còn muốn sống hòa nhập với xã hội- nếu có- thi nhân muốn được nhìn là người từ một bộ lạc xa xôi, nay phiêu lãng về thăm:

*“ Qua xứ ma sầu ta mất trí
Thiếu đi tập sách vẽ hoa nguyên ...”*

Với tình yêu- Đinh Hùng rất trân trọng- lại si mê cuồng dại tới mất trí, và chung thủy thì tới tận cùng! Tỷ dụ bài” *Gửi người dưới mộ*” –nàng thơ ngoài đời tên Liên. Thời kỳ này ông đang theo học ở Trường Bưởi, Nàng Liên là mối tình đầu Đinh Hùng chẳng ? Nàng qua đời vào mùa thu - khiến thi nhân nuối tiếc, nhớ thương, đêm đêm nguyện cầu, rồi khóc nàng:

“ ... Trời cuối thu rồi em ở đâu ?

Nằm bên đất lạnh chắc em sầu
Thu ơi ! đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm nắm mộ sâu
Em mất về đâu, mộng về đâu ?
Đêm đêm ta nguyện với ta cầu..... “

Ở một tác phẩm văn xuôi khác” *Đốt lò hương cũ*”(Saigon 1971- Nxb *Nhân sinh* thâu thập từ nhiều bài viết trên các báo cho xuất bản (sau khi tác giả đã qua đời)- tác giả nhớ bạn văn thơ qua đời trước ông, với bài mang tựa:” *Gửi người bạn bên kia trần lụy*”:

“ *Cái tin*” cả bầy văn tinh tối nay tụ họp tại nhà Bạch Liên “ (không biết có phải Bạch Liên và Liên” mỗi tình đầu Đinh Hùng” là một chẳng?) – với những tên tuổi như Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam vv...”Thâm Tâm, Vũ Trọng Can, Tô Ngọc Vân, Lê Văn Trương, Vũ Xuân Tụ vv... (thời tiền chiến) và Chế Vũ (Hồ Xuân Tịnh), Quách Thoại vv.. (thời hậu chiến) .

Theo tôi, một bài thơ viết theo lối” *thơ xuôi*”- bài “ *thơ xuôi duy nhất của Đinh Hùng*”- là “ *Hoài niệm*” . Có thể nói không sợ lắm, “ *thơ tự do Đinh Hùng* ” có ý tưởng thật phóng khoáng, lối diễn đạt không theo qui luật nào- mà cả đời thơ Đinh Hùng chỉ làm theo qui luật có sẵn :

“ (.....)
... Bạn là người chung tình
Gần nhau không hẹn
Lòng giữ nguyên hương hoa bình minh
Bên đèn tâm sự
Bạn với tôi như đôi hình viễn xứ
Đôi bóng phù du
Không dung mà thương nhớ
Không đau mà giận hờn
Rủ bướm chim theo vào giấc ngủ
Thả sấu trên con thuyền mây đưa
Trời giăng sao tỏ
Đêm mùa thu
Cửa phòng tôi bỏ ngõ
Giấc mộng tôi hững hờ
Ta biết giăng buồn ngày ta còn nhỏ
Ai biết ta buồn vì lòng ngậy thơ ?
Nhìn cuộc đời
Tin rằng hạnh ngộ
Bạn yêu giăng và tôi yêu gió
Cười nụ cười đơn sơ...”
(.....)

(*Hoài niệm* bầy văn tinh)

Đinh Hùng qua đời lúc 5 giờ sáng 24 / 8/ 1967 tại *Nhà thương Bình dân*, và trước đó vài ngày, tôi có ghé lại thăm. Đinh Hùng ngồi trên đệm chiếc giường một, bụng trương to chẳng khác thiếu phụ ôm bụng trống sữa soạn lâm bồn. Bệnh nhân được chuyển tới bệnh viện Bình dân - nhờ bác sĩ Phạm Biểu Tâm đích thân lái xe hơi đưa từ Bệnh viện Cộng Hòa sang đây, để chính bác sĩ giám đốc chăm sóc, theo dõi tình hình sức khỏe Đinh Hùng.

Giáo sư bác sĩ Phạm Biểu Tâm rất tốt, hào sảng, có lòng với bạn văn chương, không chỉ với Đinh Hùng mà thôi. Bấy năm trước, ông là bác sĩ điều trị ung thư gan cho chủ soái Nguyễn Đức Quỳnh (*nhóm Hàn Thuyên tiền chiến*) một cách tận tình.

Tôi còn nhớ như in- gặp tôi, anh hỏi:

- ...bao giờ ông vào Không quân ? nhớ là ngày đầu tiên mặc bộ đồ *treilli*, thì nhớ vào trình diện tôi đầu tiên nhé !

Giọng the thé- chỉ Đinh Hùng có -mà không thể lẫn bất cứ ai - từ âm vang, tiết tấu, giọng điệu, kể cả lời giới thiệu' *chủ soái Tao đàn*" (tôi thường nói đùa đùa cợt: " *tao đàn, mày hát, nó nghe*"- đến lần đầu tiên tôi vô Saigon (*trước 4 ngày Điện Biên phủ thất thủ*) –chúng tôi cùng vào sân nhảy " *Lệ Uyên*" nằm trên đường Tổng đốc Phương (Châu Văn Liêm, quận 5 bây giờ)- vẫn là giọng the thé Đinh Hùng vang lên mừng rỡ gặp " *cô ca ve quen*". Đinh Hùng người nhỏ thó, mặc *complet* khiêu vũ, như cuộn tròn muốn bay lên, thì cô vũ nữ kèm lại. Hình như lần ấy Thái Thủy rủ đi, lẽ đương nhiên " *nhân viên trong ban Tao đàn chi 'địa'* !

Lại nhớ tới ngày đầu 1965 ngồi trong Câu lạc bộ *Trại Huấn luyện Cát Lở* (Vũng Tàu) – thì đâu đây tiếng Đinh Hùng giới thiệu ;"... *chương trình " Tao đàn" bữa nay giới thiệu cô X (tôi quên tên ngâm sĩ)* với *bài thơ " Soi gương" của Thế Phong* ". (bài lục bát đăng trên tạp chí " *Tân Phong*" – Nguyễn Thị Vinh chủ nhiệm).

Vẫn là giọng the thé dễ nhớ của Đinh Hùng sau 11 năm.

Có một lần nữa, tôi đến phòng anh chị thuê ở trên lầu 1- số 7 Trần Văn Thạch, Tân Định, Saigon 1 – (*nay là Nguyễn Hữu Cầu*). Từ phòng cuối dãy lầu 1, anh thông dong đi bộ ra tiếp tôi, dáng điệu bơ phờ, vì chưa đủ " *củ thuốc* " (thuốc phiện). Cầm theo tập thơ " *Đường vào tình sử*"- lời đề tặng ký từ 1961(năm anh được Giải thưởng thơ Tổng thống VNCH)- " *bản Liên Tà*" nét chữ " rỗng bay phượng múa' điệu nghệ- đặc biệt " chữ *đề tặng ...* (mực màu đen) *Thế Phong* (mực mực hồng) ".

Đài Phát thanh Saigon loan tin Đinh Hùng qua đời- bạn văn đi đưa tang Đinh Hùng gần như đông đủ- nhưng thiếu " *tên Thế Phong* " mặc đồ lính Không quân đang " *ắc ê*" bài học quân sự căn bản.- không dám mạnh miệng xin cấp trên cấp phép xuất trại để đi đưa Đinh Hùng tới nơi an nghỉ cuối cùng! Không biết " *nàng Hoài Diệu* "- bữa nào mà anh đón vào một chiều thứ 7 - trước cửa nhà số 38 Tú Xương, có mặt đưa tiễn không đây ?

Tạp chí *Văn* (*N.Đình Vương chủ báo- Trần Phong Giao thư ký gom bài*) ra mắt một số đặc biệt về Đinh Hùng. Gồm nhiều bài chiêu niệm: Bằng Bá Lân, Vũ Hoàng Chương, (*2 bài diễn thuyết các ngày 8/10 và 8/12/ 1967 / Saigon*), Mai Thảo, Trần Tuấn Kiệt, Thanh Nam, Thái Thủy, Kiên Giang_ Hà Huy Hà, Cao Tiêu, Huy Quang, Phan Lạc Phúc, Văn Quang, Tô Kiều Ngân, Tiểu Nguyên Tử vv... Chỉ một bài báo (*potin*) ngắn của Dương Tấn Trương là " *giá trị nhất*"(theo tôi mà thôi). Luật sư Trương viết báo, qua bút danh Tiểu Nguyên Tử từng sống ở Hà Nội , khoảng thời gian *Tự lực văn đoàn* hoạt động báo chí, văn chương rôm rả (1932-1942) – thì luật sư Trương quen biết nhiều bạn văn như Thế Lữ, Khái Hưng, Tchy, Lãng Nhân vv. mà lại không biết Đinh Hùng."...*Đinh Hùng nổi tiếng về sau. Và sau ngày di cư, dân chúng miền Nam mới biết được thi sĩ Đinh Hùng, qua Đài Phát Thanh.(...) Giọng ngâm hơi ngọng – vì lưỡi hơi ngắn, nhưng tứ thơ dồi dào, lời văn ngào ngạt, khiến cho tất cả thính giả, nghĩa là toàn dân đều biết Đinh Hùng. Tiểu Nguyên Tử chỉ quen với Đinh Hùng sau này, vì Đinh Hùng bị chủ đất đưa ra Tòa, đòi dỡ căn nhà lá một chái của nhà thơ. Đinh Hùng nhờ một luật sư thân với T.N.T. như bóng với hình, bênh vực. Và sau khi luật sư thành công, Đinh Hùng trả công, bằng một bức tranh vẽ... " cái xóm nhà lá ấy", do một bạn họa sĩ tạo nên, theo lời yêu cầu của thi sĩ. Bức tranh ấy hiện đang còn được treo tại phòng giấy luật sư, ngay cửa chánh. Rồi lại hay tin*

Đình Hùng bệnh nặng, Đình Hùng chết. Và là một đám tang long trọng...(...) Ở xứ người, một thi sĩ ở trong địa vị của Đình Hùng, nghĩa là chẳng những nổi danh vì một tập thơ, mà lại còn... nổi tiếng qua Đài Phát Thanh – như “Jean Cocteau” chẳng hạn - đã được giàu có trong lúc sống. Và sung sướng trọng đãi từ ngày nổi danh cho đến ... mấy chục năm sau ngày chết. Xứ ta, thi sĩ hữu tài chỉ được trọng đãi sau ngày chết.... Nhứt là nhờ ngày chết ấy lại lọt trong thời kỳ bầu cử“

(nhật báo” Dân Chúng “ số 1004/ngày 4/9/1967).

*“ Và quả thật khi giã từ cuộc đời- thì ra đi chỉ một mình- tất cả để lại sau lưng, có ai mang theo được gì! Tôi lầm nhầm mấy câu thơ nhớ được- từ” *Hoài niệm*” dành tặng “ *văn tinh Đình Hùng chữ của Đ.H.- TP chú thích*) – ngay ở bãi cỏ quân trường - nơi lính tráng bị cầm trại 100% -dịp bầu cử Tổng thống VNCH (1967)- liên danh Nguyễn Văn Thiệu & Nguyễn cao Kỳ:*

*“... Mộng cung tần
Xoay nghiêng mặt gối
Ai cười? Ai nói? Ai xênh ca
Lênh đênh nước biển trắng nhòa
Nhưng vì sao lạ đã xa xuống gần
Trời buồn giáng điệu giai nhân
Trái đất xoay vẫn - đứng lặng mà nghe
Rạt rào sóng nhạc pha lê
Đêm tàn, núi đổ - Ra đi một mình ..”*

Saigon 1997.

(30 tết Canh Dần, chuẩn bị đón tân xuân Tân Mão - sao nhớ Đình Hùng lạ thường !)

Một Tiếng Em

*Từ giã hoàng hôn trong mắt em,
Tôi đi tìm những phố không đèn.
Gió mùa thu sớm bao dư vị
Của chút hương thầm khi mới quen.*

*Cùng bóng hàng cây gập giữa đường,
Ân cần tôi ngỡ tấm tình thương.
Bao nhiêu hoài bão, bao hy vọng,
Nói hết cho lòng nhẹ mỗi vương.*

*Rồi đây, trên những lối đi này,
Ta sẽ cùng ai, tay nắm tay ...
Nhịp bước năm cung đàn ảo tưởng
Buồng chim tâm sự nửa đêm nay .*

*Từng bước trôi cùng trăng viễn khơi,
Thâu đêm, chưa hiểu miệng ai cười .
Nụ cười gửi tự thiên thu lại
Tiền kiếp nào xưa, em hé môi ?*

*Dĩ vãng nào xanh như mắt em?
Chao ôi! Màu tóc rợn từng đêm!
Hàng mi khêu các chim sương phủ*

Vời vợi ngàn sao nhạt dáng xiêm.

*Kỷ niệm thơ từ năm ngón tay,
Trăng lên từng nét gọn đôi mày .
Bóng hoa huyền ảo nghiêng vàng trán,
Chưa ngát hương tình, hương đã bay .*

*Sông biển nào nghe thấu nỗi niềm?
Sóng đâu còn khoé mắt thâm nghiêm?
Lòng ơi! hoài vọng bao giờ nói
Thăm thẳm trùng dương một tiếng "em"?*

*Nhẹ bước chiêm bao tưởng lạc đường,
Rưng rưng mùi phấn, bỗng ngùi thương,
Sương đầm vạt áo mong manh lệ,
Sao rụng bay vào tóc dạ hương.*

*Tôi lánh trần ai đi rất xa,
Bâng khuâng sao lạnh ánh trăng tà,
Ngày mai hứa hẹn bùng hương cỏ,
Tôi sẽ say nằm ngủ dưới hoa .*

Gửi hương hồn Thạch Lam Đình Hùng

Ngày 28 tháng 6, 1942 (nhằm ngày 15 tháng 5 âm lịch Giáp Ngọ, nhà văn Thạch Lam từ trần vì bệnh lao tại làng Yên Phụ, ven Hồ Tây, Hà Nội, hưởng dương 33 tuổi. Dù chết trẻ, ông để lại 6 tác phẩm đã in thành sách, trong có hai cuốn luôn luôn được hậu thế nhắc nhở, là “Hà Nội băm sáu phố phường” và “Sợi Tóc.”

Ông sinh ngày 7 tháng 7 năm 1910 tại Thái Hà Ấp, Hà Nội, mẹ đặt tên là Nguyễn Tường Vinh, nhưng đến năm 15 tuổi làm khai sinh khác, lấy tên là Nguyễn Tường Lân. Thay vì tổ chức kỷ niệm 100 năm sinh nhà văn Thạch Lam, chúng ta hãy cùng đọc bài thơ “Gửi Hương Hồn Thạch Lam” của thi sĩ Đình Hùng, người bạn thân nhất của ông, gọi là để tưởng niệm một tài hoa mệnh yếu của văn chương Việt Nam.

(Chân dung Thạch Lam in cùng bài thơ này cũng do chính Đình Hùng vẽ.)



Nhớ xưa, cùng bóng dạ lan hương
Anh với tôi nằm mộng canh trường.
Giăng kê bên cửa, hoa kê gối,
Anh truyện sầu, tôi truyện mến thương.
Tôi với anh giường chung, mộng chung,
Vì duyên thơ mới có duyên long.
Anh buồn tự thuở trăng lên núi,
Ấy độ tôi hoài ước lại mong.
Ai biết lòng anh thông nhớ đâu?
Gần nhau không nói, nói không sầu.
Cầm tay hỏi mộng, buồn như tui,
Thăm hiểu anh thôi, lặng cúi đầu.
Tôi cảm thương vì hai chúng ta,
Tuổi đang xuân mà bóng sang già.
Đêm nào tôi mộng buồn riêng gối
Anh đã nằm yên dưới mộ hoa.
Anh lánh mùa xuân, nép cửa sầu
Đêm nằm ghê gió lạnh canh thâu,
Gặp nhau, nắm chặt tay lần cuối,
Anh khép hàng mi, chẳng nguyện cầu.
Tôi đến tìm anh, vượt mắt hiền,
Đêm sâu chìm đáy mắt vô biên.
Vọng thanh nghe rợn hồn cô tịch,
Tôi hiểu long anh chữa toại nguyên.
Tôi lạc hồn xuân giữa cổ đô,
Hỏi trăng, trăng mọc nước Tây Hồ.
Hỏi hoa, hoa vẫn thôn đào, liễu,
Lòng hỏi riêng lòng đâu bạn xưa?
Trăng nước vô tình, gió đầy đưa,
Đường tôi muôn vàn ngã tình cờ.
Chiêm bao phảng phất, tôi thường gặp
Cặp mắt anh nhìn, như trẻ thơ.

Đinh Hùng
Viên Linh

(Khởi Hành 46, 15/8/00)

Trong vườn quen lãng áo ai xanh?
(Đình Hùng)

Nhà thơ Đình Hùng sinh ngày 3 tháng 7 năm 1920 tại Trại Trung Phụng, ngoại ô Hà Nội, nhưng gia đình ông gốc ở làng Phượng Dực, tỉnh Hà Đông. Theo Nguyễn Ngũ Ý, Đình Hùng là con cụ Hàn Phụng, trong một gia đình có hai trai, bốn gái. Cả bốn là chị nhà thơ, vì Đình Hùng là con út. Theo thi sĩ Vũ Hoàng Chương, có thể Đình Hùng được hoài thai ở Phi Luật Tân, trong thời gian thân phụ ông được bổ làm Chánh Văn Phòng Tòa Lãnh Sự Pháp tại đó (từ 1918).

Tiểu học, ông học ở Trường Sinh Từ (Hà Nội), Trung học, là học sinh Trường Bưởi. Ông đậu Diplôme d'Études Primaires Supérieures hạng Mention Assez Bien.

Năm 1943 Đình Hùng đã có sách xuất bản, không phải thơ mà là một tập văn xuôi: Đám Ma Tôi. Thơ đã đăng trên các báo Hà Nội Tân Văn của Vũ Ngọc Phan, Đời Nay của Tự Lực Văn Đoàn. Đám Ma Tôi in ra khi Đình Hùng mới 23 tuổi: có lẽ ông tả đám ma mình qua đám ma người chị hoa khôi Hà Nội: chị Đình Thị Tuyết Hồng tự trầm tại Hồ Trúc Bạch một đêm sau khi về nhà chồng, V.A.Đ, nhà ở đường Hàng Trống. Lúc ấy Đình Hùng mới 11 tuổi. Vụ tự trầm xôn xao khắp Hà Nội. Những cái tang kế tiếp: bố mất trước tuổi 50, ba năm sau người chị cả là Đình Loan cũng từ trần. Năm 1944, chị Thục Oanh của Đình Hùng trở thành vợ nhà thơ Vũ Hoàng Chương.

Năm 1945, Đình Hùng 25 tuổi, cùng các bạn thơ văn là Trần Dần, Vũ Hoàng Địch (em trai Vũ Hoàng Chương), xuất bản tạp chí Dạ Đài; ông cũng đóng vở kịch Ngã Ba với Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Tuân, Đỗ Đức Thu, và kịch Vân Muội của Vũ Hoàng Chương. Trong vở sau này Đình Hùng phải giả gái vì đóng vai nữ chính.

Năm 1946, tản cư theo báo Cứu Quốc. Năm 1948, thành hôn với cô Nguyễn thị Kim Thanh (Nguyễn Ngũ Ý chỉ ghi là Nguyễn Thị Thanh); về ở Thái Bình và dạy học tại đây. Sinh con trai năm 1949, tên Đình Hoài Ngọc. Sau đó về tề (tức là hồi cư về Hà Nội), và năm 1952 xuất bản báo Kinh Đô Văn Nghệ. Đầu năm 1954, trước Hiệp định Geneve chia cắt đất nước, xuất bản Mê Hồn Ca. Sau tháng 7.1954 bỏ Hà Nội di cư vào Sài Gòn, làm báo Tự Do với Tam Lang, Mặc Đỗ, Như Phong, Mặc Thu, Sáng Dội Miền Nam với kiến trúc sư Võ Đức Diên, làm thơ trào phúng dưới bút hiệu Thần Đăng, viết feuilleton ký Hoài Điệp Thứ Lang. Năm 1961 in Đường Vào Tình Sử, được trao giải Văn Chương Toàn Quốc với thi tập này.

Từ 1954, ông chủ trương Ban Tao Đoàn cho Đài Phát Thanh Quốc Gia cùng Thanh Nam. Ông còn là tác giả những vở kịch thơ Cánh Tay Hào Kiệt, Phan Thanh Giản. Đình Hùng mất ngày 24.8.1967 tại bệnh viện Bình Dân, Sài Gòn (nhằm ngày 22.7 âm lịch) vì bệnh ung thư gan và dạ dày. Tác phẩm được xuất bản năm ông mất là Ngày Đó Có Em (1967), và sau đó là Đốt Lò Hương Cũ (1971). Ông để lại vợ và ba con, Đình Hoài Ngọc, hiện sống tại Sài Gòn, Đình Hoài Hương, tại San Diego, và một trai út mới 3 tuổi khi bố mất, chúng tôi không biết tên.

Bà Đình Hùng mất năm 1984 tại Sài Gòn, hưởng dương 53 tuổi.

Trên nhật báo Tiền Tuyến, số đặc biệt về Đình Hùng, tôi có viết một đoạn ngắn, mô tả cái hình ảnh thường thấy nhất của người thi sĩ quá cố. Đó là một Đình Hùng vất vả, một Đình Hùng đã quên những phút "phóng túng hình hài", với bộ com-lê màu xám đậm lệch lạc trên một thân thể gầy gò, với chiếc cà vạt thường thường màu đỏ, hay xọc đỏ, và với một vật liền tay, mà vật này chẳng mấy khi rời: cái cặp da nhiều ngăn, chũu nặng. Cái cặp mà sức nặng đã trì kéo Đình

Hùng xuống, lệch hẳn một bên vai Đinh Hùng đi và cái cặp là trên mặt đất, trên đôi giày đen thật bóng.

Tôi không có đủ thời gian để thân với Đinh Hùng, song thường được gặp ông. Khoảng năm 60, cũng như một số đồng anh em văn nghệ khác, Đinh Hùng thường lui tới Câu Lạc Bộ Văn Hóa ở đường Tự Do, và sau này ở góc đường Lê Lợi, nơi ngày nay là Trụ Sở Nha Báo Chí. Chính hai nơi này, Đinh Hùng đã chọn để đóng đồ Ban Tao Đàn, đúng hơn: những người hâm mộ ông, hâm mộ Tao Đàn, và những người trẻ tuổi muốn được đầu quân dưới trướng. Ngồi ở một bàn riêng, tôi luôn luôn thấy Đinh Hùng tươi cười, xách cái cặp chiu nặng bước vào Câu Lạc Bộ. Ông chùi kỹ đế giày trước khi bước lên sàn đá hoa. Hoặc ông đến trước, hoặc ông đến sau mấy cô, mấy cậu đàn em, lúc nào cũng đông đảo Họ tới, ôm mấy tập sách, có khi mang đàn, cầm sáo, đi tuốt lên lầu Câu Lạc Bộ.

Tôi để ý kỹ đến họ vì nhiều lẽ. Hồi ấy, từ ngoại ô lên Sài Gòn chơi, Câu Lạc Bộ là chỗ dừng chân tốt nhất. Ngồi ở đường Tự Do uống một ly cà phê phin mà chỉ phải trả đâu 10 đồng, không đâu rẻ bằng. Uống rồi có tiền thì trả, không có, chủ nhân là nhà văn hóa Phạm Xuân Thái lại cho biên bông. Mà đã biên bông, ít khi trả kịp trong kỳ lương tới lắm. Vừa uống, lại vừa có thể chơi cờ tướng hay chơi domino suốt ngày; không chơi cờ thì bắn bia, ném bóng, hay nói chuyện phiếm. Anh em lui tới phần đông nhẵn mặt, trước không quen sau cũng phải quen. Và tôi đã được quen Đinh Hùng ở nơi này.

Người ta cũng còn để ý tới Đinh Hùng qua lời đồn ông có số đào hoa, được "gái mê". Hồi ấy tôi nghe có hai cô mê thi sĩ, mê Đinh Hùng, và được nghe tên tuổi hai cô này nữa. Chẳng hiểu sự thật có đúng không (Bà Đinh Hùng, nếu bà có đọc những giòng này, hẳn bà vẫn nghĩ ông đang cô đơn dưới ấy). Một cô uốn tóc, một cô cặp tóc, cái đuôi tóc thật dài bỏ xuống sau lưng. Tôi cũng để ý xem nhan sắc của họ, và không có chuyện gì khác. Một hôm, khi Câu Lạc Bộ Văn Hóa đã được tái lập ở đường Lê Lợi (sau ngày 1.11.63 một hai năm gì đó, sau một thời gian đóng cửa) tôi được nói chuyện lâu với tác giả Mê Hồn Ca.

Câu Lạc Bộ lúc ấy rất vắng, chỉ có Đinh Hùng ở đó. Ông hỏi tôi uống gì, rồi lại nói: "Uống cà phê Rhum nhé?" Tôi nói uống cà phê không thôi, ông nói: "Uống cà phê Rhum đi. Cà phê thêm tí rượu Rhum, uống ngon lắm". Tôi gạt đầu Tôi chỉ quen sơ Đinh Hùng, và theo lệ thường, hậu sinh phải mời tiền bối, nhưng Đinh Hùng lại mời tôi, và muốn tôi uống cà phê Rhum.

Trong câu chuyện, một câu chuyện về Thơ, ông nói khá nhiều, tôi tiếc là bây giờ không còn nhớ gì mấy. Nhưng điểm rõ nhất là bàn về phong trào in thơ hồi đó. Lúc đó tôi cũng đã xuất bản tập Hóa Thân (1964). Và Đinh Hùng, khi chúng tôi chỉ mới biết nhau, đã dành gần nguyên một chương trình Tao Đàn trên đài Sài Gòn - chỉ trừ 10 phút sau- để nói về tác phẩm này.

Đêm hôm ấy, nằm dài ở nhà, tôi đã lắng nghe cái giọng oang oang của Đinh Hùng, nghe Đinh Hùng nói về mình. Thật sự tôi rất lấy làm cảm kích.

Đinh Hùng nói tập thơ ấy có chủ đề. Tôi nói với ông rằng tôi làm thơ bao giờ cũng có chủ đề, cho suốt một tập. Ông nói: "Bây giờ các cậu ấy làm thơ nhiều quá, mà lại in vội vàng, thành ra tập thơ chẳng có sắc thái gì hết. Một thi sĩ có sắc thái là bịt tên tác giả đi mà người ta vẫn biết đó là thơ của mình, thì mới được".

Tôi hỏi về cuốn Kỳ Nữ Gò Ôn Khâu của ông, ông cười nói đại ý: "Cái đó moa viết feuilleton ấy mà" (1)

Hôm cất đám Đinh Hùng, tôi ghé một quán nước, tính uống xong một ly cà phê, gặp một hai

người bạn rồi cùng đi Cuối cùng, dường như không có ai tới, tôi ngồi mãi, đến lúc xem giờ, tự cho rằng đã muộn, nên không đi nữa. Thành ra hôm sau tôi phải hỏi lại anh em về buổi đưa tiễn Đình Hùng. Một người nói hôm đó Vũ Hoàng Chương thật xúc động khi đọc một bài thơ của chính Đình Hùng để tiễn đưa Đình Hùng.

Trời cuối Thu rồi em ở đâu?
Nằm trong đất lạnh chắc em sầu.
Thu ơi đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm nắm mộ sâu.

Vũ Hoàng Chương, anh rể của thi sĩ quá cố, hơn ai hết, thích hợp để đọc bài thơ đó. Người khác kể, thật là thâm thúy khi tác giả Thơ Say đọc: "Nghệ thuật cười một tiếng bi ai".

Nghệ thuật đã cất tiếng cười bi ai rất nhiều bận. Về những cái chết sớm, chết yểu. Cái chết, tiền chiến của Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Nguyễn Nhược Pháp, Jean Lê Ba; cái chết, hậu chiến của Quách Thoại, Chế Vũ. Những thi sĩ sớm lìa đời. Đình Hùng, sống hơn những người ấy khoảng mười lăm năm, mười năm nhưng cũng chết khi chưa đến hạn kỳ 48 tuổi. Rộng hơn, trong một tình cảnh tối tăm, Nghệ thuật cũng đã cất tiếng cười bi ai trước cái chết của Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Lê Văn Trương, Nguyễn Bính. Và xa hơn nữa: Tú Xương, Tản Đà. Những cái chết không lấy gì làm thanh thản. Những cái chết trong nỗi ngậm ngùi của người còn sống, cảm khái thân phận người đồng hội đồng thuyền, và nghĩ đến cuộc đời lạt lẽo.

Ngày 24.8.67, Đình Hùng mất. Ông mất lúc 5 giờ sáng thì trong buổi sáng đó, "còn biết đến bao nhiêu người đến cho máu" (2).

Bà Đình Hùng đã rủ rợi than như thế với Phan Lạc Phúc, Vũ Đức Vinh, trước nhà xác bệnh viện Bình Dân, lúc xế trưa cùng ngày Cho máu, nên cho máu vào Nghệ thuật trước khi nó ốm (3).

Nói tiếp, sau khi chúng tôi đã nói chuyện được một khoảng thời gian khá lâu thì có một thanh niên bước vào Câu Lạc Bộ Văn Hóa. Anh ta tiến thẳng đến chỗ chúng tôi Đình Hùng giới thiệu tên anh là H.P. có làm thơ. Thì ra, Đình Hùng đã ngồi đợi anh ta. Người thanh niên đến muộn, nhưng tự động trả tiền hai ly cà phê Rhum, rồi có vẻ áy náy vì sự hiện diện của tôi.

Đình Hùng hỏi tôi:

"Toi đi với chúng moa không?"

Tôi hỏi đi đâu. Ông trả lời:

"Ăn thịt chó".

Tôi từ chối vì không thích ăn món này. Ông thêm rằng chỗ này ngon lắm đừng sợ, nhưng tôi vẫn không đi. Ông xách cái cặp da lên tươi cười bắt tay tôi rồi ra khỏi Câu Lạc Bộ cùng người thanh niên.

Tháng 8.1969

(1) Đăng trên nhật báo Tự Do hồi do Tam Lang, Mặc Đỗ, Mặc Thu, Như Phong và Đình Hùng chủ trương. Sau Nguyễn Đình Vượng in thành sách.

(2) Buổi trưa trong Bệnh Viện Bình Dân, Phan Lạc Phúc, Tiền Tuyến ngày 28 và 29.8.67.

(3) Toàn Quốc, dưới vĩ tuyến 17, có trên 700 tiệm cho mượn sách, ít nhất có 100 tiệm cho mượn cuốn Kỳ Nữ Gò Ôn Khâu hay Người Đao Phủ Thành Đại La của Hoài Điệp Thứ Lang. Nếu như nhà nước biến 700 tiệm đó thành 700 chi thông tin văn nghệ, nghe nó còn mát ruột hơn. Cái lỗi gì lại đi mượn truyện.

Bài Giảng viết về thi sĩ Đinh Hùng

Con người nguyên thủy, ta không rõ tâm tình họ như thế nào. Đứng trước những quyền lực thiên nhiên, những bão giông sấm chớp, nhìn lại phận thân mình, họ khứng khiếp kinh hoàng, hay là hồn nhiên chấp nhận? Nhìn xác đồng loại bị rắn độc cắn, hoặc bị cọp beo vồ nát, họ rú lên những âm thanh hãi hùng như thế nào, ta không hình dung nổi. Những đêm đông mưa bão rét buốt, ẩn thân trong những hang đá lạnh lẽo, họ suy gẫm những gì về kiếp sống phù du của mình? Họ không được che chở trước trời đất. Đời sống vật chất cũng như tinh thần, đều hoàn toàn phó thác cho hiểm họa diêu mang. Không một đức lý, triết lý nhân sinh vũ trụ nào che chở linh hồn họ. Không một thánh hiền nào thiết lập một Hình Nhi Hạ để cho chui vào nằm yên ổn giữa cương thường.

Ngày nay, con người có được nhiều chốn “nương tựa”. Rượu đế, la de, cà phê, khiêu vũ, cine... Nếu những thứ đó không còn chi cám dỗ nữa, thì con người chạy đi đào sâu những hang hổ siêu hình, tồn thể, hết đào hang xuống tận ruột rà trái đất, lại đào hang lên khắp cõi thanh thiên. Hoặc chạy ra đại hải đuổi theo cá vô hình của trùng khơi. Hoặc chạy vào sa mạc, đuổi theo con chim vô dạng của hư vô. Rồi vẽ vờ bao nhiêu luyến tiếc, chờ mong, hoài vọng, thiên hình vạn trạng để che lấp khoảng trống vắng dị thường của phù sinh hu huẩn. Rốt cuộc vẫn đối diện với cái khối lù lù bất khả tư nghị do Tử Thần dựng lên ở giữa đường. Cái khối dị dạng nọ quả thật gây cản khôn hàn. Xua đuổi nó không được. Trừ khử nó không tan. Thôi đành ôm chầm lấy nó ve vuốt mà bảo rằng: - Tử Thần ôi! Em chính là Lẽ Sống của ta. Ta sống bao nhiêu tuế nguyệt lao đao lận đận, là chỉ cốt để thành tựu đời mình trong cái Chết Thơ Ngây Man mác. Ta ôm lấy em và cảm thấy ấm cúng vô song. _ Tử Thần ạ, lại gần đây đối mặt! Trao bàn tay cho ta nắm bên miềm...

Đó là một lối tự dối mình vậy. Tô son phết phấn vào khuôn mặt Tử Thần, kẻ cũng là điều thiếu não lòng người bấy nay. Mà kể ra, suốt bình sinh, con người ta đeo bám vào những thứ gọi là văn minh, tiến bộ, gây dựng nên những thứ gọi là công nghiệp lưu tồn, chẳng qua cũng là một cách tự dối mình đầy thôi.

Đinh Hùng Mê Hồn Ca muốn nhảy vọt một trận, trút bỏ hết mọi thứ “quà” của văn minh gạt gẫm, đi giữa thế kỷ hai mươi, ông muốn sống lại tâm tình người nguyên thủy. Ông muốn mang linh hồn nguyên thủy về đối diện với xã hội văn minh. Ông muốn từ khước hết mọi thứ xây dựng êm ấm của xã hội văn minh, muốn trợn trạo gào kêu giữa lạnh lùng vạn vật.

Chúng ta khóc như một bầy thú dữ

Lòng đã man nghe trái đất tan tành

Trái đất chưa tan tành, nhưng liên miềm như đang tan tành, vì kể từ nguyên thủy, linh hồn con người và thể xác con người đã nối đuôi nhau tan tành giữa vạn vật. Và mọi cuộc xây dựng chân chính nào của con người, rốt cuộc vẫn như oái oăm góp phần thêm vào mọi thứ tàn phá ở mọi bình diện.

Người thi sĩ thâm cảm sự tình éo le đó trong tuổi xuân xanh, và nỗi phẫn nộ không sao dập tắt được. Không còn tìm đâu ra con đường “phục vụ”. Mọi cố gắng giữa nhân gian, dường như phó thác hết cho diêu mang hỗn độn “giữa chợ đời vất vưởng bóng sâu nhân...” Thì văn

minh, thì đức lý, thì thì thì? Phân biệt thị phi, hư thực thế nào? - “Phù dung bên phù thế, cõi nào thực, cõi nào tiêu tao? Hồng phần lẫn hồng trần, đâu đã vì đâu ô trọc?”

Thì tiếng gào thét của con người nguyên thủy trở thành tuyệt đối trắng trợn dã man cho vừa tầm diêu mang của cõi đời hỗn độn:

*Ta lão đảo vòng đứng lên cười ngất
Ghi chặt nạng cho chết giữa mê ly
Rời dây xéo lên sông núi đờ kỳ
Bên thành quách ta ra tay tàn phá
Giữa hoang loạn của lâu đài đình tạ
Ta thân n hiên đi trở lại núi rừng
Một mặt trời đẫm máu xuống sau lưng*

Nhưng chỉ có thể thét lời ấy trong thơ, và thét một lần. Rồi ân hận tới. Trong cơn đoạn trường, vị “bạo chúa” kia đã nằm thiêm thiếp khóc. Vì cuộc tàn phá kia, chẳng giải tỏa được gì. - “Giết đi hồn nguyệt hoa chiều chiều? Giết đi cả dáng diễm kiều của xuân?” Tàn phá trong tưởng tượng xong một trận, lại tha thiết nguyện cầu cho người lãng.

*Đi vào mộng những Sơn Thần yên ngủ
Em! kia em! đừng gọi thức hư không
Hãy quỳ xuống đọc bài kinh ái mộ
Hồn ta đây thành tượng giữa Vô Cùng*

Toàn tập Mê Hồn Ca, văng lên một tiếng thét và một lời than. Tiếng thét của bạo động, của phản kháng, và lời than của ân hận nguyện cầu. Tiếng thét đạt tới chỗ cuồng loạn thống thét nhất. Lời than cũng thâm sâu xa nhất.

Tiếng thét và lời than trầm thống của Đinh Hùng “Sầu trong tà dục, vui ngoài thiện tâm” dội lên song song với Hàn Mặc Tử, mở ra cuốn sổ đoạn trường của con người thế kỷ hai mươi, không còn nơi cư trú. Cuốn sổ đoạn trường mở ra như thế để làm gì? Không biết. Không biết. Nhưng cuộc mở ra nào cũng đi tới một trận khép lại.

Đinh Hùng trong Đường Vào Tình Sử, vốn đã có một lối khép lại của riêng ông saau cái trận Mê Hồn Ca, một lối “dùng độc dược thử lòng thế tục”. Chúng ta còn có nhiều lối “tịch hạp” khác. Xin để tùy mỗi người tìm lối riêng của mình.

Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này đã nảy nở xum xuê, thiên hình vạn trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn giản như một lời cao dao, thi ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống. Cuộc sống vừa khủng khiếp, vừa nên thơ, cuộc sống không thể nào đem lý luận một cách máy móc. Luận lý học đã gạt gắm người ta, người ta thi đua nhau tán dóc. Thăng thi sĩ không thể nào nhảy vào vòng luận lý đứ đờn để hơn thua. Nó cảm thấy chán chường khi phải cùng người luận lý bàn luận thị phi. Th ahồ để cho bọn họ mặc sức tán hươu tán vượn, ngấm ngấm dùng mọi thủ đoạn để sát hại thi ca và thăng thi sĩ.

Nhưng thăng thi sĩ có tội lỗi gì đâu. Nó chỉ ghi lại một đường trăng tê dại, vẽ lại một màu tuyết lạnh ngất, một chùm bông ở trên núi chiêm bao đem về làm tặng vật cho con người được rồ dại chịu chơi giữa phù vân hoặc bụi hồng lông lốc. Mở ra những cuộc tình yêu rờn rợn vô thủy vô chung, o bế những cơn mơ tuyệt vọng, thì kể cũng hơn o bông hôn h ít mãi những con vợ già cục mịch cần nhân. Đêm tân hôn chỉ có một lần, buổi ly dị cũng chỉ ra tòa một bận, uống rượu li bì cũng có lúc tỉnh ra, chém giết nhau cũng mất công đào huyệt... Chi bằng vớ lấy bài ca mê hồn, thì lúc nào cũng có thể mở trận đảo tứ diên tam, ngang tầm với tứ khuyhng ngũ phúc của cuộc thế dâu biển ngục tù. Tuyệt vọng? Thì thà rằng tuyệt vọng với những Kỳ Nữ Chiêm Bao, những Nữ Chúa Thái Cổ, những màu mắt nâu vô ngần của Gái Hải Đảo sơ khai, cũng hơn là tuyệt vọng vì những thiếu phụ đầy đà ngồi trước quầy hàng đếm những đồng tiền dị dạng. Tay đếm tiền, một tay gãi vào chùm lông nách thì còn chi là khói trầm bén giấc mơ tiên? Còn chi là băng khuâng trắng giải qua miền quạnh hiu? Ôi ông Hồ Dzếnh!

Thơ về nắng sáng lưng bay

*Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra
Cối trần vắng tiếng Thiên Nga
Thơ không tuổi, ý không già: muôn năm
Gối lên Bắc Đẩu ta nằm
Nghe rung chân lạ, thơ thần mười phương.
(Hoa Xuân Đất Việt)*

Lần theo bước chân tài hoa Đinh Hùng Du Tử Lê

Thi sĩ Đinh Hùng sinh ngày 3 tháng 7, 1920 tại làng Trung Phụng, ngoại ô thành Hà Nội. Ngôi làng này nằm ngay sau lưng khu phố Khâm Thiên.

Những ai đã từng ở Hà Nội, đều biết Khâm Thiên là khu ăn chơi nổi tiếng nhất. Đây là nơi tập trung các nàng ca kỹ tài sắc bốn phương.

Gia đình ông thuộc giai cấp trung giả. Thân phụ ông sinh được sáu người con, hai trai bốn gái. Ông là con út. Theo tập tục, cũng như theo tâm lý, người ta thấy hầu hết những đứa con út trong gia đình thường được nuông chiều (quan niệm giàu con út, khó con út) và sớm phát triển các tình cảm, kinh nghiệm trên nhiều mặt hơn các anh chị.

Đinh Hùng cũng rơi vào định lệ đó. Hơn nữa, ông còn được thừa hưởng dòng máu hào hoa, nghệ sĩ của thân phụ. Thuở đó, thân phụ ông là một trong những khuôn mặt thân quen, một khách chơi thường trực của khu phố Khâm Thiên. Không chỉ thế, thân phụ ông còn đem cả cô đầu về nhà, tổ chức thù tạc với bạn hữu thân đêm, suốt sáng. Do đó tuổi thơ của ông được nuôi dưỡng trong bầu không khí ẩm ướt tiếng ca, câu hò, tiếng sênh, tiếng phách. Trí óc non nớt của ông đã sớm in hằn thanh sắc của những nàng Kiều xóm Khâm Thiên, cùng cốt cách phong lưu tài tử của những tay ăn chơi lịch lãm. Cái cảnh trí mộng ảo quyến rũ mà thi sĩ Vũ Hoàng Chương (cũng là anh rể của ông sau này,) đã ghi lại trong bài “Nghe Hát”:

“Phách ngọt, đàn say nệm khói êm
tiếng ca buồn nổi giữa chùng đêm
canh khuya đưa khách lời reo ngọc
mơ gác tấm dương thoảng áo xiêm
dù lạ nghìn thu xa tám cõi
sen vàng như động phía chân tiên
nao nao khói biếc hài thương nữ
trở gối hoa lê rụng trắng thêm.”

Sống trong khung cảnh đó, bản chất nghệ sĩ, nòi tình nơi Đinh Hùng như cá gặp nước, đã phát triển rất sớm. Năm lên 6, 7 ông đã chứng tỏ có năng khiếu về hội họa. Một người anh rể của ông là Đ/U, nhiếp ảnh gia Vũ An Đạm cho biết, ngay từ tám bé, Đinh Hùng đã vẽ rất đẹp.

Năm 13, 14 tuổi ông đã nghiện thuốc lào (một thứ kích thích cảm giác gấp trăm ngàn lần thuốc lá. Cái say của thuốc lào cũng ngất ngây, mê mẩn gần như thuốc phiện). Cũng tuổi này, ông mê một cô đào hát trẻ mới vào nghề, thường được thân phụ ông mời về nhà. Ta có thể coi đó là một hành vi hết sức táo bạo, liều lĩnh giữa một khung cảnh xã hội còn chịu ảnh hưởng sâu đậm đạo lý Khổng Mạnh. Giữa xã hội mà, người ta thường trực sống trong sự đề phòng miệng tiếng búa rìu. Mọi người hầu như không sống cho mình, mà sống cho cái khuôn mẫu ước lệ của xã hội ấy.

Ngay khi bước chân vào trường Bưởi, ông đã cùng một vài người nữa, làm những tờ bích báo. Hoạt động văn nghệ đó, gây tiếng vang lớn trong trường, khiến Đinh Hùng phải bỏ học sau này.

Năm đệ tứ, Đinh Hùng bắt đầu làm thơ. Nhưng ông giấu diếm không dám cho ai biết. Khi ấy, ông đã cảm thấy, thơ là một địa hạt của chữ nghĩa, kiến thức và kinh nghiệm. Bây giờ ông vẫn còn giữ nguyên quan niệm đó, và phủ nhận tất cả những trường hợp người ta gọi là thần đồng thi ca. Như cách đây khá lâu, ở Pháp, một thời dư luận xôn xao, bàn tán khi báo chí loan tin thần đồng thơ, cô bé Drouet 11 tuổi với những bài thơ nhỏ thật sâu sắc, trong sáng. (1)

Tới năm dọn thi tú tài phần nhất, ông mới bắt đầu để mọi người biết tư cách thi sĩ của mình. Sau khi đỗ tú tài phần nhất, một lần nữa, ông bị ban giám đốc nhà trường cảnh cáo, nếu muốn tiếp tục việc học thì hãy thôi làm văn nghệ. Ngoài ra, ông còn bị nhiech móc về mái tóc bù rối nghệ sĩ nữa. Chạm tự ái, ông làm đơn xin thôi học.

Nhờ gia đình khá giả, ông tiếp tục sự học bằng cách tới thư viện. Nhưng cũng từ đó trở về sau, không bao giờ ông thi thêm một khóa nào khác. Sau khi rời bỏ học đường, Đinh Hùng chính thức hoạt động văn nghệ, và bắt liên lạc với những văn nghệ sĩ đương thời. Tác phẩm đầu tiên của ông được đăng trong giai phẩm “Mùa Gặt Mới” của ông Lê Văn Văn, giám đốc nhà xuất bản Tân Việt, ấn hành năm 1940. Tùy bút ấy sau được chọn đăng trong cuốn “Việt Nam Văn Học Bình Giảng” của Phạm Văn Diêu. Song song với “Mùa Gặt Mới,” phê bình gia Vũ Ngọc Phan xuất bản tuần báo Hà Nội Tân Văn. Qua trung gian Nguyễn Đức Chính, bạn học của Đinh Hùng, ông đưa nguyên một tập thơ cho Vũ Ngọc Phan coi trước. (2) Ông Phan đồng ý nhận đăng dần dần những bài thơ có trong tập này.

Vài số sau, Vũ Ngọc Phan giao hẳn trang thơ cho Đinh Hùng phụ trách. Ông kể, thừa đó người làm thơ không bao nhiêu! Nên chẳng có ai gửi thơ tới. Chỉ có thi sĩ Vũ Hoàng Chương, lúc đó đang in cuốn thơ “Say,” đưa bản vổ cho ông đăng dần, với lời giới thiệu của Mạnh Phú Tư. Sau hai tháng cộng tác, được 8 số, ông chấm dứt cộng tác với Hà Nội Tân Văn.

Cũng từ đây, ông không còn chỗ để đăng thơ. Nhưng bù lại Đinh Hùng được quen biết nhà văn Thạch Lam. Ông nhớ lại rằng, hồi đó Thạch Lam cho xuất bản cuốn “Hà Nội 36 phố phường,” ông viết thư cho Thạch Lam, đại ý nói là một trong những người hâm mộ Thạch Lam từ lâu, nay viết thư xin góp ý về bài “Thịt Chó.” Nhà Thạch Lam ở sâu trong xóm làng Trung Phụng, mỗi khi xuống phố đều phải đi qua nhà Đinh Hùng. Một hôm Thạch Lam ghé vào nhà Đinh Hùng. Ông sửng sốt, kinh ngạc... Những tưởng thư viết gửi Thạch Lam, cũng chỉ như trăm ngàn trường hợp khác. Ông nói: “Đây là một khích lệ lớn lao đối với tôi.”

Nhờ Thạch Lam giới thiệu, Đinh Hùng quen biết hầu hết các nhà văn trong nhóm T.L.V.Đ như Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ... Và một số văn nghệ sĩ khác nữa, như Huyền Kiều, Nguyễn Tuấn... Riêng Thạch Lam, Huyền Kiều và Đinh Hùng, sau này kết nghĩa anh em... Ngoài ra, ông còn kết bạn với thi sĩ Trần Dần. Cùng Trần Dần, lập một nhóm thơ, lấy tên là “Nhóm Thơ Tượng Trưng.” Năm 1945, khi chiến tranh Việt Pháp lan tràn tới Hà Nội, theo lớp sóng tản cư, ông chạy vào Hà Đông rồi Văn Đình. Thời gian này ông bị V.M trưng dụng bắt làm việc cho Sở Thông Tin khu 2 (Liên khu 2). Thời gian này, ông bị khai thác triệt để ở lãnh vực hội họa. Họ bắt ông vẽ ảnh của những người đang cộng tác với Pháp tại miền Nam, như BS Nguyễn Văn Thịnh, Lê Khắc Hoạch, rồi cho in vào truyền đơn, kèm theo ít câu về sỉ nhục...

Một trường hợp đau xót hơn cả là họ bắt ông vẽ lại chân dung nhà văn, lãnh tụ cách mạng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, rồi cho in vào truyền đơn đem phổ biến tất cả các khu, các vùng, với những lời chửi rủa thô bỉ...

Làm việc cho thông tin khu 2 được chừng 3 năm, khi VM ngày càng siết chặt, ép văn nghệ sĩ vào con đường phục vụ chính trị, ông cảm thấy không thể kham nổi, bèn cùng thi sĩ Vũ Hoàng Chương bỏ trốn về Thái Bình. Ở Thái Bình, ông cùng thi sĩ Vũ Hoàng Chương mở ngôi trường nhỏ trong một làng tương đối còn yên ổn. Nhờ dân làng đa số trọng chữ nghĩa, ông sống êm thấm được chừng 1 năm. Tới đầu năm 1950, quân viễn chinh Pháp cùng quân đội Bảo Hoàng mở cuộc hành quân tảo thanh Thái Bình. Một số dân chúng không chạy kịp, bị lừa về vùng do quân Pháp kiểm soát. Trong số những người bị lừa, có cả thi sĩ Vũ Hoàng Chương lẫn Đinh Hùng. Từ vùng Pháp kiểm soát, còn được gọi là vùng “tề,” ông cùng họ Vũ tìm đường trở về Hà Nội. Với 5 năm lưu lạc gian truân, Đinh Hùng đã sáng tác được hai tác phẩm. Thơ là tập “Tiếng Ca Bộ Lạc,” và văn là tập “Tiếng Ca Đầu Súng,” loại bút ký.

Ở Hà Nội, Đinh Hùng cộng tác với một số anh em có mặt trong thành như Ngọc Giao, qua giai phẩm “Lửa Cựu,” “Hoa Sen.” Riêng giai phẩm “Kinh Đô Văn Nghệ” thì do chính ông chủ trương. Kế tiếp, ông lại cùng hai nhà văn Kỳ Văn Nguyên và Thanh Nam trông nom tờ tuần báo “Hồ Gươm.” Năm 1951, ông lập gia đình. Các bút hiệu Thần Đăng, Hoài Điệp Thứ Lang của ông ra đời trong khoảng thời gian này.

Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, những nhà thơ không... nhà ! Tô Kiều Ngân



VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Ảnh của CAO LÃNH, Sài Gòn
1970.
Bản tay phải là chữ viết
của Thi sĩ Vũ Hoàng Chương.

Lịch sử văn học Việt Nam đã ghi nhận tên tuổi họ, nhưng trong biến thiên của lịch sử dân tộc không ít văn thi sĩ tên tuổi phải chìm nổi cùng vận mệnh đất nước....

Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương là những nhà thơ nổi tiếng từ hồi "phong trào thơ mới". Họ đều là những "đại gia" trong làng thơ nhưng cả hai, không ai tự tạo được cho mình một mái nhà mà suốt đời toàn đi ở nhà thuê. Năm 1954, khi vào Sài Gòn, hai người thuê một căn nhà lợp tôn, vách ván tại xóm Hòa Hưng. Vũ Hoàng Chương cùng vợ ở trên gác, dưới

nhà là tổ ấm của gia đình Đinh Hùng.

Nhị vị này là anh em: Vũ Hoàng Chương lấy chị ruột Đinh Hùng là bà Đinh Thị Thục Oanh nên hai nhà sống chung với nhau trong bước đầu nơi xứ lạ, quê người là điều dễ hiểu. Tuy nhiên thực tế lại rất... khó sống. Quen với cảnh "miếu nguyệt, vườn sương", "cách tường hoa ảnh động" nay phải giam mình trong căn gác gỗ nóng hầm hập, hơi nóng từ mái tôn phả xuống như muốn luộc chín người, Vũ Hoàng Chương cảm thấy nguồn thơ đang bị nắng Sài Gòn làm cho khô cạn. Dưới nhà, Đinh Hùng cũng chẳng hơn gì, anh cũng đánh trần ra, vừa quạt, vừa nắm viết "Kỳ Nữ gò Ôn Khâu", "Đao phủ thành Đại La" cho các nhật báo Sài Gòn thời đó. Ngoài viết tiểu thuyết dài từng kỳ, anh còn vẽ tranh vui và giữ luôn mục "Đàn ngang cung" là mục thơ trào phúng ký tên Thần Đăng.

Vũ Hoàng Chương dạy học tại trường Văn Lang. Đinh Hùng viết báo và bình thơ tại Đài phát thanh. Cả hai kiếm tiền không đến nỗi chật vật nhưng cả hai đều không tạo được cho mình một mái ấm là vì họ trót dính đến nàng tiên nâu nên kiếm tiền bao nhiêu đều tan thành mây khói. Để kiếm một chỗ ở thoải mái hơn họ Đinh và họ Vũ tạm chia tay nhau, mỗi gia đình đi thuê một nơi ở khác. Tác giả "Thơ Say" dọn về chợ Vườn Chuối (đường Nguyễn Đình Chiểu bây giờ). Họ Đinh thì mượn một căn gác hẹp ở xóm lao động gần đường Frères Louis (trước 1975 là đường Võ Tánh, nay là Nguyễn Trãi). Xóm lao động này có ngõ dẫn ra đường Lê Lai. Con đường nằm bên cạnh ga xe lửa Sài Gòn, hồi đó chưa lập thành công viên như bây giờ, quang cảnh còn rất vắng. Chỗ ở mới cũng không hơn gì căn nhà ở xóm Hòa Hưng, chật hẹp, tối tăm, nóng bức. Mỗi lần xong việc ở đài phát thanh, Đinh Hùng thường rủ chúng tôi về nơi anh ở, không phải ở nhà anh mà là họp nhau tại một quán rượu ở gần nhà, đường Lê Lai. Đường này thường đêm vắng ngắt, có lần uống say, Đinh Hùng cao hứng mở cuộc thi... bò ra đường xem ai bò nhanh. Thế là Thanh Nam, Tô Kiều Ngân, Đinh Hùng, Thái Thủy, Hoàng Thư, Quách Đàm... hăng hái tham gia môn vận động chưa từng diễn ra ở bất cứ vận động trường nào! Bò xong rồi nằm lăn ra đường, vừa đọc thơ, vừa cười.

Ít lâu sau, Đinh Hùng lại đổi nhà. Lần này anh thuê được một căn gác, nhà tường hần hoi, tại đường Trần Văn Thạch, gần chợ Tân Định, nay đổi tên là Nguyễn Hữu Cầu. Nhà lợp ngói lại ở mặt tiền nhưng vào nhà chẳng thấy bàn ghế gì, chỉ thấy một chiếc giường nằm chình ình ngay giữa nhà. Trên giường chất chồng đủ thứ: mền gối, sách vở, áo chén và có một thứ không thể thiếu đó là chiếc bàn đèn thuốc phiện. Đinh Hùng nằm lọt thỏm vào giữa "giang sơn" của anh, vừa "diu hồn theo cánh khói" vừa tìm ý thơ. Tác giả "Đường vào tình sử" có thói quen nằm mà viết. Anh nằm vắt chân chữ ngũ, đặt tập giấy lên đùi. Có lẽ lâu ngày nên quen, trong tư thế đó, chữ viết anh vẫn bay bướm, rõ ràng, không dập xóa, trang bản thảo nào cũng sạch sẽ, xinh đẹp. Khi cần đi đâu, họ Đinh lại vớ lấy chiếc sơ mi đã mặc bốn, năm hôm trước, quàng bên ngoài chiếc áo vét cũ, cà vạt đảng hoàng. Tắm ư, chỉ cần vào "toa-let" mở nước ở "la-va-bô", nhúng đầu vào bồn nước rồi hắt lên, chảy xơ qua là xong. Trông Đinh Hùng lúc nào cũng ăn mặc chỉnh tề nhưng đừng ngai ngời quá gần anh, vì anh ít khi... tắm.

Vũ Hoàng Chương lại đổi nhà một lần nữa. Lần này anh mượn nhà ở đường Nguyễn Khắc Nhu, ở gần nhà Bình Nguyên Lộc. Tuy được đi dự Hội nghị Thi Ca quốc tế ở nước ngoài, có thơ dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiền kiếm được có thể mua một căn nhà bực trung nhưng họ Vũ vẫn đi ở nhà thuê. Vào các năm 1973 - 1975, vợ chồng anh được nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội mời về cho ở một căn gác tại toà biệt thự đồ sộ của bà ở đường Nguyễn Trọng Tuyển. Nói là cho ở nhưng họ Vũ phải trả tiền điện, tiền nước và tiền điện thoại. Anh đặt tên chỗ ở mới này là "Gác Mây". Nơi đây, tôi và bạn bè đã có lần uống rượu với Vũ Hoàng Chương, nghe anh đọc thơ Tuy Lý Vương và phát hiện ra cái thôn Vỹ Dạ ở Huế đã đi vào thơ Hàn Mặc Tử không phải là Vỹ Dạ mà là Vỹ Dạ (cánh đồng lau). Nhưng rồi Vũ Hoàng Chương cũng không an trú lại "Gác Mây" được bao lâu. Sài Gòn giải phóng, bạn bè cách mạng của chủ nhân Mộng Tuyết vào ra thăm bà tấp nập; có lẽ thấy sự hiện diện của Vũ Hoàng Chương ở tại nhà mình có sự không tiện nên bà đánh tiếng để họ Vũ dọn đi. Phải đi thôi nhưng phải đi đâu? Thời buổi khó khăn, tiền đâu để đặt cọc, thuê nhà? Anh đành dắt díu vợ con về tá túc tại căn nhà bé bằng bàn tay của bà quả phụ Đinh Hùng bên khu Khánh Hội.

Đinh Hùng ra đi trước Vũ Hoàng Chương. Anh mất vì bệnh ung thư tại bệnh viện Bình Dân, an táng tại nghĩa trang Mạc Đình Chi. Đám tang trọng thể. Thuở sinh thời, Đinh Hùng từng viết trong thơ:

*Khi tôi chết các em về đấy nhé
Cầm tấm lòng tri ngộ với nhau xưa
Tay cầm hoa, xoả tóc đến bên mồ...*

Điều mong ước đó, kỳ diệu thay lại biến thành hiện thực: trong đám tang của anh người ta thấy có hai chục cô thiếu nữ mặc áo trắng, xoả tóc, tay cầm hoa lặng lẽ sắp hàng đi theo linh cữu. Họ đến bên mồ và lặng lẽ thả những bó hoa xuống lòng huyệt, ngậm ngùi tiễn đưa người thi sĩ. Hiện tượng này không do một sự sắp đặt mà do một cảm ứng tự nhiên. Đinh Hùng mất rồi, vợ anh phải trả căn nhà ở gần chợ Tân Định lại cho chủ. Đang chưa biết ở đâu thì may thay, một vị tướng quân hồi đó, rất yêu thơ mà lại có chức quyền nên đã vận động cấp cho bà quả phụ Đinh Hùng một căn nhà ở khu Khánh Hội. Bà Đinh Hùng với con trai là Đinh Hoài Ngọc không thể ôm một căn nhà lớn để mà nhịn đói nên đã bán căn nhà đó đi rồi rút lui vào vùng sâu, vùng xa của bến Phạm Thế Hiển lúc đó còn đìu hiu lau lách, dựng một mái chòi để sống qua ngày. Chính nơi đây, Vũ Hoàng Chương đã cùng vợ con sống chui rúc những ngày cuối đời của anh trước khi "được" đưa đến ở một toà nhà to lớn, kiên cố, có lính gác ngày đêm, đó là... khám Chí Hoà! Vũ Hoàng Chương bệnh hoạn, suy sụp rất nhanh nên ít lâu sau khi được thả ra, anh lặng lẽ ra đi. Đám tang anh cũng cử hành trong lặng lẽ, nghèo nàn, hiu hắt. Năm 76, vừa giải phóng Sài Gòn xong, mọi người còn bận rộn với những vấn đề to lớn, đa số bạn bè và người hâm mộ anh kể đi tập trung cải tạo, kể đi nước ngoài, người còn lại thì do không biết tin anh chết nên đám tang anh chỉ thừa thớt dăm người đi đưa, trong đó có nhà thơ Bằng Bá Lân và Tôn Nữ Hy Khương.

Mười năm sau, 1986 mộ Vũ Hoàng Chương được cải táng về chôn tại nghĩa địa của chùa Giác Minh tại Gò Vấp. Suốt một đời lận đận vì nổi không nhà, giờ đây hai con người tài hoa kia đã có một chỗ ở trang trọng, miên viễn đó là chỗ ngồi lâu bền trong văn học sử và điều an ủi lớn nhất là họ còn sống mãi trong tâm hồn những khách yêu thơ.

Thi giới Đinh Hùng Đặng Tiến

Đinh Hùng sinh ngày 3 tháng 7 năm 1920 tại làng Trung Phụng, ngoại vi thành Hà Nội (chánh quán làng Phượng Dực, tỉnh Hà Đông), Bắc Việt.

Thuở nhỏ, học trường Sinh Từ. Đậu tú tài khi học xong trường Bưởi, Hà Nội.

Tham gia sinh hoạt văn nghệ từ rất sớm, từ trước 1945, nhưng chỉ chính thức sống bằng nghề văn báo ít lâu trước khi di cư vô Nam (1952-54). Tại Sài Gòn, ông viết truyện dài dã sử (ký Hoài Điệp, Thứ Lang), làm thơ trào phúng (ký Thần Đấng), vẽ tranh, soạn kịch thơ và phụ trách mục thi ca Tao Đàn trên các luồng sóng phát thanh. Năm 1962, ông được trao tặng giải thưởng Văn chương Toàn quốc (về Thơ).

Ông từ trần ngày 24 tháng 8 năm 1967 tại Bệnh viện Bình-dân Sài Gòn, sau một cơn đau ung thư bao tử, để lại một vợ ba con cùng một sự nghiệp còn dang dở.

Tác phẩm đã ấn hành: *Mê hồn ca* (thơ, Tiếng Đông phương, Hà Nội, 1954); *Đường vào tình sử* (thơ, Nam Chi Tùng thư, Sài Gòn, 1961); *Ngày đó có em* (thuật ký, Giao điểm, 1967), *Đốt lò hương cũ* (hồi ký, Lửa Thiêng, 1971) cùng vài cuốn truyện dài dã sử do Nguyễn Đình Vượng xuất bản khoảng 1959-60.

Đinh Hùng tạo được cho riêng ông một thi giới rất lạ, tựa như một con suối chảy từ trữ tình đến tượng trưng sang siêu thực, mang theo dòng những hình ảnh giàu có, một ngôn ngữ cá biệt và một tâm hồn lạ lùng của miền núi rừng hoang vu, bí ẩn, nguyên sơ...

* Những cánh thủy tiên nở muộn sau một cơn mưa, dọc con đường quanh chưa kịp ráo mùi cỏ dại. Tôi muốn dừng lại bên cạnh một cành hoa nhỏ – loài hoa nở muộn lạc loài. Thơ Đinh Hùng. Từ lâu, tôi có vài ý, muốn viết về ông; tôi từng hỏi ý đó với các anh em; gần đây anh Trần Phong Giao có thư cho tôi bảo: Đinh Hùng bị ung thư dạ dày, chắc chết. Cậu có ý gì thì nên viết ngay cho anh được đọc trước khi nhắm mắt. Tôi lần lữa mãi cho đến khi tôi bắt đầu viết thì được tin Đinh Hùng mất. Tôi rất ân hận. Tôi không dám nghĩ là mình có lỗi với người đã khuất vì tôi chưa được quen biết với Đinh Hùng, và nghĩ như thế là một lỗi tự mãn mà tôi tự xét không xứng đáng, nhưng ít nhất tôi cũng có lỗi với các anh em, nhất là anh Trần, người đã nhắc nhở tôi không phải một lần, mà nhiều lần.

Tôi đọc lại *Mê Hồn Ca* và *Đường Vào Tình Sử* với rất nhiều ân hận. Đinh Hùng là một trong vài nhà thơ lớn nhất của nền thi ca **Việt Nam hiện đại**, và trước khi lìa đời không được đọc một tác phẩm phê bình nào cho *đàng hoàng* dành cho thơ mình, cho cuộc đời mình dành trọn cho Thơ. Trong **lich sử văn học** thế giới, một người viết tiểu thuyết hay kịch, có thể tự xác định vị trí, nhưng một nhà thơ khó mà quan niệm được chỗ đứng nếu không có môi giới của ngành lý luận văn nghệ. Cái buồn của Đinh Hùng âu cũng là chung cho các thi sĩ Việt Nam, chỉ khác ở chỗ là Đinh Hùng đã mất sớm.

Đinh Hùng làm thơ và nổi tiếng từ thời tiền chiến; thời đó, thơ ông đã đạt tới một vóc dáng đặc biệt, chứng tỏ khả năng sáng tạo độc đáo, dựng được một thế giới thi ca mới mẻ, khác biệt với

dòng thơ tình tự lãng mạn đã cạn nguồn. Trong những tài liệu hiếm hoi còn giữ được trên bước đường lưu lạc, tôi đọc thấy “Bài ca man rợ” đăng trên giai phẩm *Đời Nay* năm 1943, sau này xuất bản trong *Mê Hồn Ca* (1954), “Liên tưởng” đăng trong *Thơ Văn Mùa Xuân* của Đại La, năm 1943, mãi đến 1961 mới gặp trong *Đường Vào Tình Sử* - những năm hồi cư, về soạn thi Tiểu học, tôi còn nhớ đã đọc thơ Đinh Hùng đăng rải rác trên các tuần báo *Hồ Gươm*, *Giang Sơn*... xuất bản tại Hà Nội vào khoảng 52-53; tôi thuộc những câu *Khi miếu đường kia phá bỏ rồi và Ôi những người em đi viễn phương* từ thời đó. Mười năm sau khi cho ra mắt độc giả những bài thơ hay nhất của thi nghiệp, Đinh Hùng vẫn là một hành tinh lẻ loi. Tập *Mê Hồn Ca* xuất bản mấy tháng trước Hiệp định Gienève ít người đọc, ít người còn giữ. Sau khi di cư nhờ giữ mục Tao Đàn, Đinh Hùng được nhiều người biết hơn, nhưng vẫn gây cảm giác như là đi bên lề sinh hoạt văn nghệ của miền Nam.

Những bài thơ cuối cùng, Đinh Hùng vẫn còn giữ mực thước những tác phẩm đầu tiên, hình thức thơ cũ. Bạn đọc trẻ cho là xưa quá; người đọc đứng tuổi cho rằng không truyền cảm bằng thơ Xuân Diệu, Huy Cận. Sự thật không đúng như vậy; so với các nhà thơ tiền chiến, nghệ thuật cấu tứ và tạo hình của Đinh Hùng vượt rất xa, đã dựng được một thế giới thi ca thuần nhất, song song với thực tế trong khi những Xuân Diệu, Huy Cận chỉ mới tô điểm thực tế bằng văn vần. So với các nhà thơ tự do còn đang dò dẫm, thơ Đinh Hùng là một hư cấu đã trưởng thành, một năng lực sáng tạo đã vượt khỏi thực tại. Tôi e rằng một số đông người yêu và không yêu thơ Đinh Hùng, cũng đều vì những ngộ nhận. Hai mươi năm sau khi đăng thơ trên báo của nhóm Tự Lực, Đinh Hùng ký tên trên tạp chí *Sáng Tạo*: một chi tiết này cũng đủ gợi giá trị hàng cữu của thơ Đinh Hùng, giá trị mà chúng ta sẽ tìm hiểu.

Muốn đi vào thi giới của *Mê Hồn ca* và *Đường Vào Tình Sử*, trước hết, phải tách rời nó ra khỏi thực tại. Tách rời hẳn ra. Vì thi giới đó, không phải là một phản ánh thơ mộng của thực tại như ta lầm tưởng. Thi giới đó là một hư cấu, hoàn toàn độc lập với thực tại, nếu có tương quan thì tương quan đó chỉ là tác giả và người đọc, những nhân sự khởi đi từ trần lụy để tìm đến một vũ trụ khác.

Hai chủ đề chính trong thơ Đinh Hùng là thiên nhiên và tình yêu, cần đặt lại trong một thế giới hư ảo. Cần nhớ Đinh Hùng – cũng như bất cứ một thi sĩ lớn nào – sáng tạo thế giới chứ không tái tạo. Dĩ nhiên là phải sáng tạo từ những vật liệu sẵn có – những yếu tố của thực tại, ở đây vật liệu chỉ thuần là ngôn ngữ. Những từ ngữ cũ kiến trúc một thế giới mới, tôi gọi Đinh Hùng là thi sĩ với tất cả ý nghĩa của danh từ.

Đặc tính của thế giới Đinh Hùng là một thành tố đều, được hoà giải; khí hậu tình tự giải toả những mâu thuẫn biện chứng, không còn sự khác biệt giữa người-nhìn-vũ-trụ và vũ-trụ-được-nhìn, giữa tâm giới và ngoại giới, giữa bản ngã và vô ngã, giữa thực thể và vô thể, giữa tôi và tha nhân, giữa tình yêu và tình nhân; trong thế giới đó, tôi là rừng núi, rừng núi là tình yêu, tình yêu là Em, Em là mùa Thu, mùa Thu là cơn mưa, cơn mưa là một dòng chữ, dòng chữ là tôi. Chữ tôi đã bao hàm cái không phải tôi, nhưng chủ thể không mâu thuẫn với khách thể vì tất cả chưa đạt tới những hình thể đủ cứng rắn để va chạm. Trong hư cấu của Đinh Hùng, sự vật là những nhu hình tương giao với nhau, thu hút vào nhau trong từ trường ngôn ngữ. Một hư cấu nằm ngoài vận chuyển biện chứng.

Chúng ta có thể chọn bất cứ đoạn thơ nào của Đinh Hùng cũng nhận diện được thi giới đó. Ví dụ những câu thơ đầu của *Đường Vào Tình Sử*

Trên đường ta đi.

Những đoá hoa nở mặt trời xích đạo

Những làn hương mang giông tố bình sa

Những sắc cầu vồng nghiêng cánh chim sa

Và dĩ vãng ngủ trong hồ cẩm thạch

Của đôi mắt sáng màu trắng mặc khách

*Thời gian qua trên một nét mi dài
Núi mùa thu buồn gợn sóng hai vai
Dòng sông lạ trôi sâu vào tâm sự.*

Mặt trời nở trong một đoá hoa, giông tố nép mình theo một làn hương nhẹ, vũ trụ đổi toạ độ, chuyển mình theo một thái dương hệ mới, theo đó, mọi sự vật luân hoán thành một trật tự mới, trở thành bình đẳng và hỗ tương liên hệ. Trong thực tại, giữa mặt trời và hoa chỉ có tương quan một chiều, mặt trời di chuyển trên thế chủ động, hoa nở trên một vùng thuộc địa, trong hư cấu của thơ Đinh Hùng, tương quan chạy hai chiều, bình đẳng và thân ái. Hoa nở theo mặt trời; nhưng đồng thời tạo ý nghĩa cho mặt trời; không có khoa, không có sinh vật, thì mặt trời chỉ là một thực thể vô nghĩa, vì không có tương quan; từ đó, ta hiểu mặt trời đã tái sinh trong một đoá hoa.

Thời gian cầm thạch *ngủ* trong đôi mắt sau hành trình qua một nét mi: dĩ vãng không phải là thời gian đã mất, mà thời gian chiếm được, thời gian tư-hữu-hoá. Đinh Hùng hoá giải được phút đã qua và phút sắp đến, ở một đoạn sau, chúng cũng như đã phối ngẫu cái tôi với ngoại cảnh, với *sông núi mùa thu*, tâm giới với *dòng sông lạ*.

Thi giới Đinh Hùng là một thế giới mở. Mở để đón sự vật, trong khi chính sự vật cũng mở lòng đợi nhau. Không gian không có giới hạn, dòng sông không bờ, cánh hoa không viền, con đường không lề, căn nhà không vách. Làm sao tạo được một thế giới không cửa, một khi chữ “cửa” đã là một ngăn đón? Đinh Hùng đã bôi xoá ý niệm ngăn đón trong chữ “cửa”, bằng cách tạo những cánh cửa hư ảo:

Em đến từ trong giấc hỗn mang...

Lời ca không mở cửa thiên đàng

(ĐVTS)

Em đi rồi then khoá cả chiêm bao

Gầy vóc mộng gói tròn manh áo nhớ

(ĐVTS)

Then không thể khoá được chiêm bao, lời ca không thể mở cửa được, nếu, nếu đó là then, là khoá, là cửa thật. Vậy thì cửa phải là cửa không thật. Ngược lại, nếu chiêm bao có cửa thật, thì mọi cái cửa thật đều trở thành hư ảo, tức là mất hẳn tác dụng ngăn đón. Thế giới Đinh Hùng để ngỏ là vì vậy. Không gian là một lời mời, con người là tiếng gọi; giữa cảnh và người là sự đón đưa vĩnh viễn. Không một cánh cửa nào ngăn được tôi vì:

Hồn tôi bay theo khói kinh thành

Mộng ngoài sơn hải làm mây trắng

(ĐVTS)

Tôi là mây, là khói, là mộng, tôi vào không gian, tôi *trở thành* không gian, tôi *đầy* không gian, tôi *là* không gian: không còn lần mức giữa chủ thể và khách thể. Thi giới Đinh Hùng đầy sương đầy khói^[1]. Khói là trạng thái đặc đang biến thành hơi, sương là hơi đang đọng thành nước: những thành tố đang biến trạng. Sự vật trong thi giới Đinh Hùng không có cạnh, không có góc, nên không va chạm; không có mâu thuẫn giữa các yếu tố, vì đây chỉ mới là những khiếm thể (moins-étre) đang vươn tới hữu thể (étre) hoặc vô thể (non-étre). Thi giới Đinh Hùng là miền giao thoa giữa người và vật, giữa vật và cảnh, một niềm giao động thường xuyên, giữa giờ phút:

Những đám tinh vân sắp sửa chia ly.

(ĐVTS)

tức là giờ phút Thái cực không còn là Lý nữa, nhưng chưa rõ thành Lưỡng nghi, giờ phút Âm, Dương mới sắp sửa thành hình trong giai đoạn khiếm thể. Chúng ta nghe những sao xuyên rợn ràng

*Hôm nay có phải là thu?
Mây năm xưa đã phiêu du trở về.
Cảm vì em bước chân đi,
Nước nghiêng mặt ngọc lưu ly phớt buồn.
Ai về xa mãi cô thôn
Một mình trông khói hoàng hôn nhớ nhà?
Ngày em mới bước chân ra.
Tuy rằng cách mặt lòng ta chưa sâu.
Nắng trời vàng chảy về đâu...
(MHC và ĐVTS)*

Thế giới Đinh Hùng nghe như lúc nào cũng xôn xao; thiên nhiên đọi đỏi mùa, tình yêu đến giờ gặp gỡ hay lúc chia phôi, nắng chiều đọi tàn phai, tiếng dương cầm hắt hiu lời vĩnh biệt, hoặc vàng thusáp sửa làm thương nhớ, Gió mùa thu sớm bao dư vị, Soi màu trăng cũ lẫn vào đêm.

Vì là một thế giới mở, nên cũng đồng thời là một thế giới đầy. Đầy sương, đầy khói, và đầy:

Nụ cười phiêu lãng giữa không gian
Người đọc có cảm giác là một không gian hạnh phúc:

... Nụ cười Em giữ thiên thu lại...
hoặc:

...Nụ cười Em gửi gió thu bay...

Hạnh phúc vì tràn đầy tâm giới; trong thơ Đinh Hùng nội giới và ngoại giới là một, nên vũ trụ cũng đầy tình cảm và nhan sắc:

*Mãng nhớ thương Em rừng đã vàng
Dáng chiều giục giã cửa đài trang
Cảm thương nhan sắc mờ thu thủy
Phơ phất trùng dương khói ải quan.*

Im lặng, thời gian... cũng đầy, nghĩa là vươn tới một sự trọn vẹn. Dung tích của im lặng là một dung tích chất chứa, trong khi thời gian là một sự tích lũy tình cảm. Cho nên không khí trong thơ Đinh Hùng thân mật từ đầu ngọn cỏ, từ *phiến đá tình si*, từ *vì sao cũ, đoá hoa xưa*. Nhưng đặc điểm lớn nhất của vũ trụ đầy là một vũ trụ thường chìm trong mưa, hay bóng tối. Hai nhà thơ Việt nam thường đưa mưa vào tác phẩm là Huy Cận và Đinh Hùng. Ở Huy Cận cơn mưa choàng lên thế giới một tấm màn sâu mông, tạo cho nhà thơ cảm giác bình an và êm dịu, mưa cướp mất không gian của Huy Cận. *Đêm mưa làm nhớ không gian*. Nhưng sự mát mát êm ả, vì chỉ khi mất không gian mới biết là có không gian, cũng như bao nhiêu ý thức sở hữu chỉ nảy sinh như những vật sở hữu đã bị thất lạc. Ở Đinh Hùng, cơn mưa cũng êm ả, nhưng êm ả một cách khác. Trên tôi đã nói thế giới Đinh Hùng không phân biệt hữu thể và vô thể. Mưa chính là một khiếm thể môi giới: mưa lấp đầy khoảng trống của không gian, khoảng trống vốn là hình ảnh của vô thể; mưa lấp đầy vô thể bằng một hữu thể bằng một hữu thể nhu nhuyễn, một hữu thể có thể vượt qua được, mưa ngập không gian nhưng không phải vì thế mà không gian bế tắc. Mưa tạo chiều dày cho vũ trụ, mưa làm môi giới cho ba chiều của vũ trụ, con người sống giữa chiều dày đó mà không bị mặt phẳng nào ngăn cản, mưa là một thể tích không có diện tích. Mưa làm cho vũ trụ mềm lại, nhưng cũng làm cho tôi mềm lại nữa. Mưa bọc cái nhìn của tôi bằng tấm màn lụa, nhãn tuyến tôi bị mòn đi, không còn đâm thủng không gian để chinh phục; phản tuyến tôi không còn gây hấn, nhưng cũng không khuất phục như khuất phục trước những mặt phẳng khi trời nắng: tôi vẫn nhìn qua màn mưa, màn mưa xoá nhoà các góc cạnh, cái nhìn len lỏi giữa những sợi tơ đan ảm đục, đi tới, đi tới mãi, nhưng đi tới một cách nhu hoà, chậm chạp. Mưa hoà giải thị dục của tôi với kháng lực của ngoại cảnh. Mưa làm tan rã các mâu

thuần giữa bản ngã và vô ngã. Mưa lấp khoảng trống đồng thời cũng lấp khoảng cách. Mưa là môi giới giữa tôi và chân trời, giữa ý niệm và đối tượng của ý niệm. Mưa giăng từ tôi đến chân trời tôi mơ ước, bản ngã tôi loãng trong khoảng ẩm đục giữa tôi và chân trời mơ ước đó, tình yêu tôi thấm vào không gian đi tới người tôi yêu. Khoảng cách mâu thuẫn giữa chủ thể và khách thể, mưa lấp đầy khoảng cách đó: tôi nói thi giới Đinh Hùng không phân biệt chủ thể và khách thể là như thế:

*Dĩ vãng dầm mưa lên bước về
Áo trùm, mây tổ, mặt sấu che
Run tay áp nửa bàn chân lạnh
Thương những con đường mưa cuốn đi
Lác đác trong mê rừng tiếng đàn
Hồn ai khóc rợn bốn giây oan
Gót chân thuở ấy vào mưa gió
Còn thoảng hơi sương đậu cánh màn*

Đường Vào Tình Sử nhòe nhòet mưa bay. Thơ Đinh Hùng là một *tâm sự vào mưa gió*. Hiện tượng mưa cấu tạo chung quanh những hình ảnh liên hệ như bóng tối, lửa, ánh đèn... đều là những hư cấu cần phải được phân tích cặn kẽ; khuôn khổ một bài tiểu luận chỉ cho phép tôi dừng lại ở hiện tượng chính.

Tôi chỉ cần nói thêm sơ lược về thành tố *nước* trong thơ Đinh Hùng. Bạn đọc chắc đã từng để ý đến rất nhiều *suối, sông, hồ, ao, và biển* trong thơ Đinh Hùng. Thơ Đinh Hùng rất ướt át. Dường như hầu hết những câu thơ hay đều có nước hoặc có hình ảnh liên quan đến nước, một cách trực tiếp hay gián tiếp; tôi trích hai đoạn thơ câu nào cũng có hình ảnh trực tiếp của nước:

*Giấc mộng đêm nào cũng gió mưa
Gối chần như hải đảo vô bờ
Sóng dâng bốn vách sấu nghiêng bóng
Thoáng ngọn đèn trôi ánh mắt xưa
(ĐVTS)
Mộng ơi! thuyền có trao đầu sóng
Xin nở tươi màu hoa đại dương
Biển biếc, củ lao dài ánh mắt
Ngàn khơi xa bóng nguyệt hoang đường
(ĐVTS)*

Nước có đặc tính hoà giải: nước là hiện tượng liên tục, tiệm tiến của vũ trụ; nước là Nguyên thủy mà cũng là mạch sống, nước tạo sinh vật và nuôi sinh vật, nước là sự hiện diện của vũ trụ trong thời gian. Nước là chiều sâu mà cũng là chiều rộng của vũ trụ, đồng thời cũng là của thời gian. Nước mờ mịt, làm giảm trọng lực của tôi, tạo cho tôi các cảm giác tiếp xúc với ngoại giới. Trong nước, tôi cảm giác tôi gắn liền với vũ trụ, tôi thân mật với vũ trụ. Nước dày, nhưng không đặc, tôi có thể xuyên qua; nước nhu nhuyễn, nhưng không thể mờ như hơi, tôi có thể sờ. Nước nuôi tôi bằng những giấc mơ. Nước liên tục, nhưng vẫn có thể cắt xén. Mọi vật thể đều có sở-hữu-chủ, chỉ có nước là của tôi, đồng thời cũng là của mọi người.

Suối là nguồn sống, *Sông* là cuộc sống trong thời gian. Còn *hồ ao*?

Tôi lay chung buồn của hồ ao...
(ĐVTS)

Hồ ao là sự sống lắng đọng ngoài thời gian có cái tôi trong thời gian, bơ vơ như dòng sông, băng khuâng khuái:

*Dòng sông bơ vơ tìm dĩ vãng
Thuyền trôi băng khuâng về tương lai
(ĐVTS)*

Có cái tôi ngoài thời gian, bình an, tĩnh mịch, như cảnh *Tây Hồ*:

*Sen bạch, sen hồng của chúng ta
Mà bông chưa nở, cánh chưa già
Trong vùng gió đọi, hương chờ ấy
Lòng tưởng cùng ai đã dạo qua
(ĐVTS)*

Còn biển, trùng dương, đại dương? *Gió từ sông lại mưa từ biển?* Biển là sự hoá thân của sông, lời hẹn tuyệt đối, sự hoà giải vĩnh viễn của vật thể; nhà thơ chứng kiến điềm trở về giữa vòng luân hồi trường cửu. Còn *Lòng nhớ sông hồ gửi đại dương?* Đại dương là *Nước vô danh*, sự sống vô kỷ, vô thủy, vô chung, nơi vong thân của những vòng cuồng lưu đảo đảo. Và *Phơ phát trùng dương khởi ái quan*: trùng dương là khởi điểm của vô hạn, giờ bắt đầu của chân trời, đặc điểm của trùng dương là một chân trời tôi có thể tiếp xúc được, tôi có thể với tới, tôi có thể cư ngụ. Tóm tắt thì biển, đại dương, trùng dương đều là một hợp đề của vũ trụ, một trạng thái đón đọi để ôm ấp, để chuyển hoá. Biển là sự hoà đồng trong thế giới Đinh Hùng, thế giới không có mâu thuẫn như tôi đã nói. Nhân phân biệt các danh từ đồng nghĩa với biển, tôi thấy cần lưu ý độc giả ở những danh từ đồng nghĩa nhưng có tác dụng khác nhau thường gặp trong thơ ông, như những chữ *suối* và *nguồn*, *sông* và *trường giang*, *giăng*, và *nguyệt*.

Nước, trạng thái trung gian, còn là một yếu tố môi giới giữa người và cảnh, giữa các vật thể với nhau. Tác giả dùng rất nhiều hình ảnh như *cỏ*, *rong rêu*... và những trạng thái như *trôi*, *nổi*, *chìm*, *ướt*, *thắm*, *dần*,... những ý niệm cần khai triển rộng rãi. Tôi chỉ gợi ý môi giới của nước trong lòng vũ trụ:

*Ôi nắng cũ nhạt mùi hương đã thảo
Lạnh mùi rêu tảng đá nhớ chân đi
(ĐVTS, tr. 62)*

Rêu là nước của đá, làm môi giới với bàn chân; nước là tình của vật thể vô tri, nhưng cũng là tình của vật thể hữu tri; nói một cách phạm tục hơn cho dễ hiểu thì cực điểm của nhiệt lượng tình yêu giữa người đàn ông và đàn bà là một chất nước.

Nước là Nguồn Sống, là Nghĩa Mẹ. Cho nên không riêng gì trong thơ Đinh Hùng, mà trong các thi phẩm bất cứ nước nào, nước vẫn chiếm một diện tích quan trọng, vì thi sĩ là kẻ đi tìm nguồn. *Đường Vào Tinh Sử* là đường về tiền sử.

Tôi muốn đo thể tích của dĩ vãng trong thơ Đinh Hùng. Con người có ba dĩ vãng. Dĩ vãng của tôi hôm nay là thời thơ ấu; dĩ vãng thơ ấu là tiền sinh, và của tiền sinh là tiền sử. Thơ Đinh Hùng là hôn phối của một hiện tại và ba dĩ vãng.

Chúng ta sẽ không dừng lại lâu ở *Độ em còn trèo cây khế* hay ở *Khi mới lớn tuổi mười lăm mười bảy* của Đinh Hùng; những bài thơ đó đã nói lên đầy đủ vị trí của mình. Chúng ta cũng chỉ cần nhắc lại dung lượng quan trọng của nước đã phân tích ở đoạn trên cũng đủ thấy dấu vết trong tiềm thức của thời tiền sinh, thời kỳ *trúng nước* của bào thai. Tôi chỉ khai triển hư cấu thời tiền sử trong thơ Đinh Hùng, vì cho có một tầm quan yếu đặc biệt:

*Nàng lớn lên giữa mùa xuân hoa cỏ
Nửa linh hồn u ám bóng non xanh
Ngoài thiên nhiên nở bùng thân mỹ nữ
Nàng yêu ta huyền hoặc mỗi kỳ tình...
... Chúng tôi gặp nhau trên dòng suối ngọt
Làm đôi người cô độc thuở sơ khai
Nàng băng khuâng đốt lửa những đêm dài
Ta từng buổi bơ vơ tìm bộ lạc
Nàng là Gái-Muôn-Đời không đổi khác
Bộ ngực tròn nuôi cuộc sống đang xuân
Ta đến đây làm chủ hội phong trần*

Lấy hoa lá kết nên tình Thái Cổ...

(MHC, tr. 25)

Xuân hoa cỏ. Thuở sơ khai. Gái muôn đời. Tình Thái Cổ. Ngàn ấy hình ảnh gợi đủ tương quan giữa người và vũ trụ tiền sử, vũ trụ vĩnh cửu vận động. Cuộc sống của loài người thay đổi trên một mặt đất không thay đổi. Con người là hiện thân một phản trắc lớn lao, mỗi lúc một xa rời thề với thiên nhiên. Đỉnh Hùng muốn dựng lại thiên nhiên đó, vì nó đáp đúng với những khát vọng của thi nhân. Thiên nhiên tiền sử là một thế giới bình đẳng giữa người và ngoại vật, thời muôn chim còn biết nói tiếng người, thời sông núi, cây cỏ đều là thần linh. Thời đó loài người trực tiếp với thiên nhiên, đối thoại với tạo vật, lo cái lo của cỏ cây, vui cái vui của mưa nắng. Thời mà Đỉnh Hùng gọi là *Sông Núi Giao Thần* loài người chưa đối diện với thiên nhiên, còn chung sống với cỏ cây. Đã đành là trong thực tế, vũ trụ vẫn ác nghiệt với người tiền sử, nhưng trong hư cấu của Đỉnh Hùng, vũ trụ đã mất hết nanh vuốt, chỉ còn lại đôi mắt hiền từ. Tình người con-gái-muôn-đời chỉ là khát vọng một thế giới bất biến, một thực tại hằng hữu, Đỉnh Hùng chọn Buổi Sơ Khai vì đây là sự chọn lựa hợp lý nhất, đồng thời Buổi Sơ Khai chính là hình ảnh của thi giới Đỉnh Hùng, một thế giới chưa có mâu thuẫn. Thời đó, cái tiểu ngã còn loãng trong đại ngã, ý thức dị biệt chưa thành hình một cách đầy đủ để thành một ý thức đối kháng:

Quên đi em hãy sống đời cây cỏ

Từng linh hồn đan díu với hương hoa

(MHC, tr. 25)

Nhưng con người nhớ dễ hơn quên. Trở về ngơ ngác:

Ta lạc hồn giữa lâu đài kỳ dị

Suốt muôn đời không hiểu dãy hành lang

Dưới hiên tây từng thế kỷ điêu tàn

Gạch ngói cũ nghe hoa thềm rụng cánh

(MHC, tr. 50)

Khi về tới thời Thái Cổ – quê hương thật sự – con người ngơ ngác bỗng đâm hốt hoảng.

Trong *Mê Hồn Ca* có những vần thơ quẩn quại không có trong *Đường Vào Tinh Sử*. Người đọc cảm tưởng *Mê Hồn Ca* là một cơn mê sáng, điên loạn, kỳ thật đó chỉ là những phản ứng của con người bình thường nhất lúc trở về quê hương tuyệt đối, vì chúng ta chỉ là:

...Một lũ người vong bản

Mất tinh thần từ những thuở xa xưa.

(MHC)

Dường như vẫn còn một nghi vấn trong thơ Đỉnh Hùng tôi chưa giải đáp cặn kẽ. Tôi đưa ra chủ đề: thi giới Đỉnh Hùng không có mâu thuẫn vì mọi hiện tượng đều được hoà giải. Như thế vì đâu mà có cơn hoảng hốt trong *Mê Hồn Ca*? Tôi nghĩ là cơn mê sáng trong tập thơ đầu của Đỉnh Hùng chính là sự hoảng hốt của con người trong thực tại, khiến thi nhân phải tạo một thi giới, một hư cấu khác để thay vào thực tại đầy rẫy những mâu thuẫn. Thay vì đi tìm cách khắc phục một thực tại chống đối, nhà thơ tạo ra một thực tại hư ảo khác để lẩn trốn sự chống đối. Nghệ thuật nói chung, trong đó có Thơ, là sản phẩm của sự lười biếng, xét dưới một khía cạnh nào đó. Thực tại là một cũi sắt, và nhà thơ là con hổ nhớ cảnh sơn lâm, giải quyết bế tắc bằng cách sống với bóng cả cây già trong tưởng tượng. Chung quy, thi giới của Đỉnh Hùng là một cảnh tưởng tượng nhưng nó đạt tới những nguyên lý cơ động thuần nhất nên tôi gọi là một *hư cấu*:

Ôi kiến trúc một chiêm bao thân bí...

(MHC)

Hư cấu, giấc chiêm bao cố tình ấy, đoạn trên đã trình bày là một không gian trong không gian. Riêng trong *Mê Hồn Ca*, đó là một không gian; trong thời gian cơn mê sáng *Mê Hồn Ca* là sự *Hồn Động*, hiểu theo nghĩa *Kinh Dịch*, nói cụ thể hơn, là thời gian hỗn động. Chỉ có một cách

xáo trộn trật tự của thời gian là đầy hiện tại hoặc về quá khứ, hoặc về tương lai. Mà tuyệt đối của quá khứ là thời Thái-cổ, còn tuyệt đối của tương lai? Là cõi chết.

*Trời cuối thu rồi – Em ở đâu?
Nằm trong đất lạnh chắc em sâu?
Thu ơi! đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm nắm mộ sâu*
(MHC, tr. 37)

Thi giới Đinh Hùng kết tinh bằng *Thiên Nhiên huyền bí, bằng dị thảo, kỳ hoa, biển Giáp, non Thần*, bằng *xuân phương thảo cũng như xuân tùng bách*, nuôi dưỡng bằng một mạch sống mãnh liệt – hay mạch sâu bất diệt – đã nở thành những đoá hoa đẹp nhất trong lịch sử thi ca Việt Nam. Cõi chết – Cõi Rừng Minh tuyệt đối – cũng tuyệt diệu như một Bồng Lai Mới:

*Nàng nằm mộng một đêm hè dưới nguyệt
Nụ cười buồn lay động ánh trăng sao
Xa nắm mộ chúng ta cuồng dại hết
Để yêu tà về khóc dưới trăng sao*
(MHC, tr. 41)

Thậm chí đến những vật vô tri nhất cũng thăng hoa thành những lâu đài diễm ảo:

*Biết chẳng ai trong giấc ngủ hoang tàn
Hồn gỗ đá nặng nề vừa tỉnh giấc*
(MHC, tr. 51)

Đinh Hùng đánh thức các vật vô tri, đưa chúng vào vòng tuần hoàn bất tận và *Dựng Mê Cung* để ru ngủ các vật hữu tri. Thi giới Đinh Hùng là trạng thái nhập nhoè của vật thể và bản ngã. Giá trị của một nhà thơ là giá trị của hư cấu do nhà thơ dựng lên từ ngôn ngữ và linh thị. Hư cấu có thể có hay không có tương quan với thực tại. Nếu có, thì tương quan thay đổi tùy theo mỗi nhà thơ, người đọc phải có nhiều chìa khoá khác nhau nếu muốn đi vào thi giới của nhiều thi sĩ. Một người yêu thơ tầm thường chỉ có thể yêu một thi sĩ trong đời mình cũng như chỉ có thể yêu thật sự một người đàn bà. Những người đàn bà khác chỉ là bóng dáng của Người Đàn Bà Tuyệt Đối. [Hoài Thanh](#) và Hoài Chân không thích thơ Đinh Hùng âu đó cũng là một vinh hạnh cho Đinh Hùng, chứ không phải là một điều bất hạnh như nhiều người – trong đó tôi nghe anh Trần Phong Giao nói có cả chính thi sĩ – thường tưởng. Tôi không dám nghĩ là Hoài Thanh và Hoài Chân dốt thơ, nhưng các ông ấy có ít chìa khoá quá – nếu không phải chỉ có một chìa khoá *passé-partout* – vì cuốn [Thi nhân Việt Nam](#) viết trong một giai đoạn mà ý thức thi ca của văn giới Việt Nam còn phôi thai.

Chúng ta trở lại với thi giới Đinh Hùng. Kỳ ảo biết bao nhiêu.

Chiều tái tạo băng khuâng từng ngọn cỏ
(MHC)

Trong thi giới đại đồng không có khác biệt giữa hữu thể và vô thể, tiểu ngã và đại ngã đó, tình yêu mang một sắc thái đặc biệt. Vì Đinh Hùng bị cái ám ảnh gần như mặc cảm thơ ông *chỉ là loại thơ tình* cho nên chúng ta dành riêng một phần bài này cho chủ đề tình yêu.

Trong thực tại tình yêu dù say đắm đến đâu, cũng bị giới hạn trong mực thước. Giới hạn cụ thể nhất là Người Yêu, hiện thể của tha nhân; người yêu là một đối tượng cần chinh phục, thỏa mãn, gìn giữ, nó đối diện với tôi, đôi khi chống lại tôi. Và tôi chỉ có thể yêu một phần của cô ấy, có thể chiếm đoạt một phần người của cô ấy, phần còn lại vẫn thuộc về cô, thuộc về xã hội.

Người yêu là một khách thể, là một giới hạn. Ngay chủ thể cũng bị giới hạn: trong bản thể, tôi có *cái tôi của tôi* và *cái tôi của kẻ khác*, như xã hội, ngoại giới. Tôi không thể xử dụng toàn hữu thể để yêu đương. Trái lại trong hư cấu do tôi dựng lên, chỉ có cái tôi của tôi, tôi làm chủ toàn diện cái tôi, nên tôi có thể yêu đương hết mình. Chỉ trong điều kiện chủ quan đó, tôi mới có thể yêu mãnh liệt, tự đồng hoá trong tình yêu tàn khốc:

*Một chiều nào tắt thở giữa môi hôn
(MHC)*

Tình nhân nào mà không muốn chết trên môi người yêu? Nhưng ít ai chết như thế, trước hết vì người mình yêu chưa đáng cho mình chết, sau nữa vì những hệ lụy khác không cho mình chết như vậy. Trong hư cấu, tình yêu hội đủ điều kiện để biến thành khốc liệt:

*Ôi cảm dỗ! Cả mình em băng tuyết,
Rợn xuân tình trên bộ ngực thanh tân
Ta gần em, mé từ ngón bàn chân,
Mắt nhắm lại để lòng nguôi gió bão.
Khi sùng bái ta quỳ nâng nếp áo,
Nhưng cúi đầu trước vẻ đẹp trang nghiêm
Ta khẩn cầu từng sớm lại từng đêm,
Chưa tội lỗi đã thấy tràn hối hận.
Em dài các, lòng cũng thoa sơn phấn,
Hai bàn chân kiêu ngạo dẫm lên thơ
Ôi vô lương! trong một phút không ngờ,
Ta muốn trở nên người vô đạo
(MHC, tr. 30)*

Một mối tình thật chỉ có thể thực hiện bằng cái tôi không thật, hướng về một người đàn bà không thật trong một thế giới không thật; tôi không thể quan niệm được một người đàn bà lý tưởng mà vẫn còn những nhu cầu bản thủ như đại tiện, tiểu tiện hay kinh nguyệt; nếu ở một chân trời nào đó có một người vừa đẹp vừa thông minh – hai đức tính ít khi đi đôi – thì người đó cũng không cho tôi cơ hội si mê đến đắm đuối. Có thể trong một lứa tuổi nào đó, tôi có lần si mê điên dại, nhưng chính là lúc tôi choàng quanh người đàn bà một làn sương ảo mộng.

Chỉ trong thế giới mộng tưởng mới có những mối tình ác liệt. Nếu ngoài đời thỉnh thoảng có những mối tình ác liệt, thì chỉ vì tôi phản chiếu đến người yêu thật hình ảnh người yêu tôi mơ tưởng, phản chiếu vào thực tại thế giới tôi ước muốn. Vì thế giới Đinh Hùng thuần túy là cõi mộng, nên tình yêu đã đạt tới cường độ mãnh liệt chưa từng thấy ở một thi sĩ nào khác, và tạo nên những câu thơ tình đắm đuối nhất, tha thiết nhất:

*Em đến hôm nào như hoa bay,
Tình không đọc được mà đắng cay
Mùa thu tàn nhẫn từ đôi mắt
Mùi hương sát nhân từ ngón tay
Em đến hôm nào như mây bay
Gió mưa triền miên chìm nét mày
Đường vào lòng nhau toàn sạn đạo
Bước chân tha hương từ dấu dầy
...Thương nhau gói trọn hồn trong áo
Mất nhau từ trong tà lụa bay...
(ĐVTS)*

Thơ đẹp vì tình không thật. Tình không thật nên thơ tình của Đinh Hùng chỉ dành cho người đọc ở ngoài vòng tình yêu. Còn tuổi trẻ bồng bột yêu đương thật sự, sẽ tìm đọc những tác giả đại khái như Nhất Tuấn, Lệ Khánh, v. v... Nói là trong Đinh Hùng tình không thật, e chưa đúng; phải nói là tình thật trong một thế giới không thật. Ngày xưa Xuân Diệu, Huy Cận, [Nguyễn Bính](#)... vẽ mộng để tô điểm thực tại, làm cho thực tại thơ mộng hơn; trái lại Đinh Hùng vẽ sự thật lên mộng, để mộng có vẻ gần thực tại hơn. Cho nên thơ Đinh Hùng có những đề tài như *Bao giờ em lấy chồng*, *Gặp nhau lần cuối*, *Tự tình dưới hoa*..., để thực-tại-hoá phần nào hư cấu mộng tưởng.

Nổi tiếng về thơ tình tại Việt nam có lẽ không ai hơn Xuân Diệu, nhờ những câu hết sức lẩn thẩn kiểu *Yêu là chết... Làm sao cắt nghĩa...* Thơ đã là Mộng, nghĩa là Đẹp; tình yêu trong thơ Đinh Hùng là mơ trong một giấc mơ, thơ Đinh Hùng chính là thứ *bướm hai lần mộng*, cho nên xa cách với người đọc hơn là thơ Xuân Diệu.

Tình yêu hư ảo, vậy người ra sao? Đó là một thứ Nhan Sắc không có Chân Dung, Đinh Hùng có khi gọi bằng những tên mơ hồ như Huyền Diệu, Nữ Chúa Sầu... có khi gọi là Diệu Thư, Diệu Hương, Tần Hương, tức là những danh từ đang bốc thành hơi, tan thành khói. Người tình đó, tôi cho chỉ là vóc dáng của vô thể.

Vì trên khuôn mặt của Nàng, nhà thơ chỉ gặp những nét của nội tâm: tóc, mắt, nụ cười. Đó là nhân diện hay tâm trạng?

*Mắt em ngậy ngát khói hoàng hôn
Mái tóc còn vương một chút hôn...*

Và là tâm trạng của ai? của Nàng hay của thi nhân? Ở đây, tôi trở lại với chủ đề đã đưa ra: trong thi giới Đinh Hùng không có dị biệt giữa nội tâm và ngoại giới, giữa bản ngã và tha nhân. Bóng dáng con người – đây là người tình – mờ nhạt, hoà lẫn vào nhau, tan biến vào không gian. Tình yêu là vẻ đẹp của không gian, là lời quyến rũ của cuộc sống. Tình yêu lấp bằng cả thời gian, phối ngẫu nguyên thủy và cực chung trong một ánh trăng:

*Em tự ngàn xưa chuyển bước về
Thuyền trên sóng mắt dẫn trăng đi
Những dòng chữ lạ buồn không nói
Nét lửa bay dài giấc ngủ mê.
Em đến mong manh vóc ngọc chìm
Tàn canh hồn nhập bóng trăng im
Ta van từng đoá sao thùy lệ
Nghe ý thơ sâu vút cánh chim
(ĐVTS)*

Em là ánh trăng, là tiếng dương cầm, là cơn mưa, là một làn hương quý, là ly rượu Trường Sinh: em là ngũ quan của tôi, em là tôi-trong-không-gian mà cũng là không-gian-trong-tôi. Tôi yêu em như tôi yêu tôi và tôi yêu cuộc đời. *Em đến như mây em vào cùng gió, cùng mưa.* Tôi nhìn quanh. Không còn phân biệt đâu là Em và đâu không phải là Em:

*Thu về em đã gặp thu chưa
Giải nước trường giang lạnh mấy bờ
Thoảng bóng hoa buồn in lối cũ
Dặm đường mơ tưởng bước em xưa
(ĐVTS)*

Vũ trụ trong những câu thơ có nhiều trùng âm (diphthongues) như *uơ, oa, uô, ươ*, cơ hồ mềm nhũn lại, các đường thẳng, các góc cạnh bị uốn cong, vật giới dịu dàng và tha thướt, không còn là những thực thể tự tại (être-en soi) mà thành thực thể bằng tơ (être-en soie); trong Pháp, chữ e câm ở đây thật kỳ diệu, hoàn toàn thừa thãi vô ích, vì câm (e muet) nhưng biến đổi cả bản chất của vật thể.

Em gặp mùa thu hay chính em là mùa thu? Thu là người hay là cảnh? Trong câu đầu, chữ thu sau không viết hoa, là mùa thu; còn chữ thu đầu? Khó phân biệt quá. *Thu về em đã gặp thu chưa?* Tôi có thể nói. *Em về thu đã gặp em chưa?* được không? Và nói *Dặm đường mơ tưởng bước thu xưa* được không?

Chúng ta đi tới vấn đề cuối cùng là ngữ pháp trong thơ Đinh Hùng. Chúng ta đã thấy có thể hoán chuyển chữ trong một câu, câu thơ chẳng những vẫn có nghĩa, mà nghĩa ấy lại không xa nguyên ý bao nhiêu. Là vì từng câu thơ, từng bài thơ, cũng như toàn thi phẩm không có một cơ cấu cứng rắn; trong một bài, tôi có thể lấy đoạn đầu bỏ xuống dưới hay xen vào giữa, bài thơ vẫn thế; hoặc lấy một đoạn trong bài này đem sang bài khác cũng không sao. Bạn đọc tò mò,

thử chọn mười bài thất ngôn trong *Đường Vào Tinh Sử*, mỗi bài lấy ra một đoạn, sắp chung lại, sẽ có một bài thất ngôn mười đoạn... vẫn hay. Dĩ nhiên là điều này không đáng khen cũng không đáng chê, không hay không dở, nhưng có đặc điểm là phản ảnh trung thực hư cấu tôi đề cập ở đoạn trên. Chỉ có một thi phẩm vô cấu (non – structurée) mới phản ảnh được một thế giới vô cơ (inorganique), một thế giới không dị biệt, không mâu thuẫn, trong đó các hữu thể đã được huyền đồng để hoà giải với vô thể.

Chẳng những thi phẩm Đinh Hùng không có khớp xương, mà ngay ngôn ngữ ông dùng cũng là một hủy thể. Theo văn phạm Âu Tây, ngày nay ta phân biệt các danh từ, động từ, v. v... mà ngày xưa các cụ tóm lược thành ba loại: thực từ, bán thực từ và hư từ. Danh từ là một chất rắn, chiếm một thể tích nhất định trong câu nói, chỉ định những vật thể rõ rệt trong không gian; mỗi danh từ đều có những vách tường, những biên giới để xác định, tĩnh từ, động từ trái lại không có kích thước, mà chỉ co giãn theo những ý niệm mà chúng phụ thuộc, đó là những bán thực từ. Đinh Hùng ảo hoá ngôn ngữ – một trong những cách ảo hoá thực tại nói ở đoạn trên – bằng cách biến thực từ thành bán thực từ, biến chất đặc của danh từ thành chất lỏng của động từ hay chất hơi của tĩnh từ. Một ví dụ danh từ biến thành tĩnh từ:

*Giữa đêm lòng bỗng hoang vu
Gối chần nghe cũng tình cờ quan san
Bước thu chùng sớm lia ngàn
Nhớ dây nguyệt lạnh cung đàn thương hoa
Em về tóc rũ mưa sa
Năm canh chuốt ngón tỳ bà khói hương*
(ĐVTS, tr. 24)

Cách xử dụng liên tự, giới tự của Đinh Hùng cũng có nhiều điểm cần được khai triển. Nhiều động từ dùng bất ngờ:

Hoa quay đầu, cánh bướm cũng vu quy
Cả một mùa thu đã quá giang.

Cần được tổng hợp và phân tích. Nhưng tôi ngờ rằng một cuộc mạn đàm quá dài, không dám lạm dụng sự kiên nhẫn của độc giả và độ lượng của anh Trần.

Và lại tôi cũng đã trình bày khá đầy đủ những ý chính muốn nói: thi giới Đinh Hùng là một hư cấu biệt lập sáng tạo bằng ngôn ngữ chuyển động bằng nhiệt lượng linh thị của nhà thơ. Thế giới đó huyền giải – hiểu theo nghĩa của Trang Tử – tất cả dị biệt và mâu thuẫn thường có thực tại, giữa hữu thể và vô thể, giữa tiểu ngã và vô ngã; thế giới đó có những đặc tính là một vũ trụ mở và đầy, mở để đón tôi, đầy để tôi tiếp xúc; thành tố đặc trưng là mưa, một khiếm thể môi giới giữa tôi và không gian, giữa không gian và chân trời; theo mưa là nước, nước của sông biển hay hồ ao, là môi giới của thời gian. Trong thế giới thân mật vì lỏng lẻo đó, tình yêu đạt tới cường độ mãnh liệt nhất, vì không có mâu thuẫn, không có ngăn trở; người yêu không phải là một khách thể chủ động, mà chỉ là một chủ thể phân tán trong không gian. Muốn dựng nên không gian đó, Đinh Hùng đã xử dụng một phương pháp tạo hình tu từ độc đáo. Yêu thơ Đinh Hùng là:

Thương Nước vô danh, người mộng ảo

Một câu trong *Mé Hồn Ca* tóm tắt đầy đủ những đặc tính trong thi giới Đinh Hùng, những đặc tính tôi đã lược trình một cách dài dòng, đôi khi tối tăm, luộm thuộm.

Kích thước một nhà thơ là kích thước thi giới do người ấy sáng tạo. Hư ảo, kỳ diệu, diễm tuyệt thi giới Đinh Hùng vĩ đại.

Biết đâu bên kia cuộc sống, giờ này nhà thơ đã chẳng đạt tới thi giới đó?

Berne, Trọng thu năm Mùi

(17-8-67)

Chú thích

^[1]Tôi được biết Đinh Hùng nghiện nha phiến, nên thơ ông chắc cũng bị ảnh hưởng, qua những hình ảnh như: khói, ngọn đèn, phòng nhỏ, gối chần, thường gặp trong thơ. Lưu ý đến khía cạnh này, tôi tìm đọc những nhà thơ đồng thời như C. Baudelaire, Th. Gautier, H. Michaux, J. Cocteau, A. Huxley cũng gặp lại cùng một lối tạo hình. Tôi từng có ý định khai thác đề tài theo đường hướng này, nhưng thấy vô ích. Nha phiến quan trọng đối với Đinh Hùng nhưng thơ ông quan trọng đối với độc giả. Phê bình nghệ thuật, tôi chỉ tìm hiểu tác phẩm; còn việc tìm hiểu tác giả thực hiện tác phẩm ra sao, là việc làm của người viết văn học sử.